

MỤC LỤC

Kế hoạch phòng, chống thiên tai thành phố Hà Nội đến năm 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 17/10/2022
của UBND thành phố Hà Nội)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	6
1. Mục đích	6
2. Yêu cầu	7
II. ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG	7
1. Đặc điểm về tự nhiên	7
2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng	15
2.3. Đặc điểm cơ sở hạ tầng	20
2.3.1. Giao thông	20
2.3.2. Hệ thống điện lưới của Thành phố	21
2.3.3. Hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo	22
2.3.4. Các cơ sở y tế	22
2.3.5. Hệ thống cấp, thoát nước	23
2.3.6. Đặc điểm về môi trường	26
III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	28
1. Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến phòng, chống thiên tai	28
1.1. Hiện trạng thực thi và ban hành các văn bản pháp luật về phòng chống thiên tai các năm qua	28
1.2. Đánh giá mức độ hiệu quả thực thi pháp luật	29
1.2.1. Kết quả thực hiện	29
1.2.2. Khó khăn tồn tại trong cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai	30
2. Hệ thống chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và quy chế phối hợp	30
2.1. Kiện toàn ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, các ngành	30
2.2. Cơ chế phối hợp và một số khó khăn, tồn tại	31
3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm	32
3.1. Công tác theo dõi diễn biến thời tiết KTTV	33
3.2. Phương thức cung cấp thông tin, dữ liệu đánh giá, dự báo, cảnh báo	33

4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị, lực lượng phục vụ phòng, chống thiên tai	34
5. Công tác ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.....	35
6. Thông tin, truyền thông trong Phòng, chống thiên tai.....	36
6.1. Về hiện trạng hệ thống viễn thông, thông tin liên lạc	36
6.2. Công tác thông tin, truyền thông trong phòng chống thiên tai.....	36
7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong Phòng, chống thiên tai.....	37
8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai	39
8.1. Trạm quan trắc khí tượng, thủy văn	39
8.2. Hiện trạng hệ thống công trình đê điều và công trình thủy lợi	41
8.2.1. Hiện trạng hệ thống công trình đê điều	41
8.2.2. Hiện trạng công trình thủy lợi	42
8.2.3. Tình hình đầu tư xây dựng công trình đê điều, công trình thủy lợi.....	43
8.3. Hệ thống điện, thông tin liên lạc trong công tác phòng, chống thiên tai.....	44
8.3.1. Hệ thống lưới điện trong công tác PCTT.....	44
8.3.2. Hệ thống thông tin liên lạc trong công tác PCTT	45
8.4. Công trình tránh trú thiên tai cộng đồng	46
9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội	46
10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết	47
11. Nguồn lực tài chính	49
IV. XÁC ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI.....	50
1. Đánh giá cường độ các loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn Hà Nội	50
1.1. Rủi ro thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão	50
1.2. Rủi ro thiên tai do mưa lớn.....	51
1.3. Rủi ro thiên tai do lũ và ngập lụt	51
1.4. Rủi ro thiên tai do lũ quét	52
1.5. Rủi ro thiên tai do sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy	52
1.6. Rủi ro thiên tai do nắng nóng	52
1.7. Rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá.....	53
1.8. Rủi ro thiên tai do sương mù	53
1.9. Rủi ro thiên tai do rét đậm, rét hại, sương muối.....	53

1.10. Rủi ro thiên tai do động đất	53
1.11. Rủi ro thiên tai do cháy rừng	54
2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương.....	54
2.1. Đánh giá mối quan hệ giữa thiệt hại và độ lớn của thiên tai	54
2.2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương.....	55
2.2.1. Tình trạng dễ bị tổn thương khi bị ảnh hưởng của bão, ATNĐ	55
2.2.2. Đối với mưa lớn, ngập lụt	56
2.2.3. Lũ trên các sông của Thành phố	58
2.2.4. Về nắng nóng	59
2.2.5. Một số loại hình thiên tai khác.....	60
3. Đánh giá năng lực phòng, chống thiên tai	60
3.1. Năng lực ban hành và thực thi các văn bản hướng dẫn, thi hành pháp luật, cơ chế chính sách	60
3.2. Năng lực dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai	62
3.3. Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư	62
3.4. Năng lực và nhận thức của cán bộ làm công tác PCTT và người dân	63
3.5. Năng lực công trình PCTT tại địa phương	64
3.6. Năng lực về nguồn lực tài chính.....	66
4. Đánh giá mức độ rủi ro thiên tai.....	67
V. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI.....	68
1. Kết quả thực hiện công tác PCTT năm 2021	68
2. Kế hoạch phòng chống thiên tai thực hiện trong giai đoạn 2022 -2025	70
2.1. Biện pháp phi công trình	70
2.1.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách	70
2.1.2. Kiện toàn tổ chức, bộ máy và tăng cường năng lực quản lý thiên tai.....	71
2.1.3. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch.....	72
2.1.4. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp thành phố	72
2.1.5. Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng, chống thiên tai cho cộng đồng.....	73
2.1.6. Sản xuất nông nghiệp an toàn trước thiên tai, trồng và bảo vệ rừng phòng hộ.....	73
2.1.7 Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	74
2.2. Biện pháp công trình.....	74
2.2.1. Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình thủy lợi.....	74
2.2.2. Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê điều	75

2.2.3. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông xét đến yếu tố rủi ro thiên tai	75
2.2.4. Công trình hạ tầng cấp, thoát nước và xét đến yếu tố rủi ro thiên tai	77
VI. LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI.....	78
1. Lợi ích và quan điểm lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai	78
1.1. Lợi ích của việc lồng ghép	78
1.2. Quan điểm lồng ghép.....	79
1.2.1. Lồng ghép toàn diện.....	79
1.2.2. Phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai lấy phòng ngừa là chính.....	80
2. Nguyên tắc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai	80
2.1. Nguyên tắc chung	80
2.2. Đảm bảo tính đồng bộ, toàn diện nhưng có sự ưu tiên.....	82
3. Nội dung lồng ghép	82
3.1. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế.	82
3.2. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế, xã hội.	85
3.2.1. Ngành nông nghiệp.....	85
3.2.2. Ngành công thương	87
3.2.3. Ngành xây dựng.....	88
3.2.4. Ngành Tài nguyên Môi trường	89
3.2.5. Ngành Giáo dục và Đào tạo	90
3.2.6. Ngành Thông tin – truyền thông.....	92
3.2.7. Ngành y tế	92
VII. XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.....	92
1. Nguồn nhân lực cho phòng, chống thiên tai.....	92
2. Nguồn vật lực.....	93
3. Nguồn tài lực	93
4. Kinh phí thực hiện năm 2021 và dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025	94
5. Tiến độ thực hiện và giải ngân theo thời gian	95
VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	96
1. Trách nhiệm chung	96
2. Trách nhiệm cụ thể	96
a) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố	96

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực Phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố.....	97
c) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội - Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của Thành phố.....	98
d) Công an Thành phố.....	99
e) Sở Kế hoạch và Đầu tư.....	99
f) Sở Tài chính.....	100
g) Sở Giao thông vận tải.....	100
h) Sở Xây dựng.....	100
i) Sở Công thương.....	100
k) Sở Tài nguyên và Môi trường.....	100
l) Sở Thông tin và Truyền thông.....	101
m) Sở Y tế.....	101
n) Sở Giáo dục và Đào tạo.....	101
o) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....	102
p) Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội.....	102
q) Các công ty thủy lợi.....	102
i) Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.....	102
3. Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch.....	103
4. Đánh giá thực hiện kế hoạch.....	103

KẾ HOẠCH**Kế hoạch phòng, chống thiên tai thành phố Hà Nội đến năm 2025**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 17/10/2022
của UBND thành phố Hà Nội)*

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu tác động, thiên tai sẽ được dự báo xảy ra ngày càng nhiều hơn về loại hình, tần suất xuất hiện, phức tạp và nghiêm trọng hơn về hậu quả. Để chủ động công tác phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức, chỉ huy ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; xác định các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm; triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm thực hiện hiệu quả, thắng lợi. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đưa ra chủ trương phù hợp với Luật Phòng, chống thiên tai; Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phòng, chống thiên tai Quốc gia đến năm 2025... theo kế hoạch đề ra, từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng; xác định những nhiệm vụ chủ yếu trong công tác phòng, chống thiên tai để hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó kịp thời mọi tình huống, loại hình thiên tai xảy ra, yêu cầu cấp bách đặt ra UBND thành phố phải ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai Thành phố Hà Nội đến năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Làm cơ sở để các ngành, các cấp của Thành phố huy động nguồn lực, chủ động thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống nhân dân trong Thành phố;

Bảo đảm việc xây dựng các quy hoạch, kết cấu hạ tầng phù hợp với các quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và các quy định khác liên quan đến phòng, chống thiên tai;

Phối hợp tốt giữa các lực lượng tham gia cứu hộ và tìm kiếm cứu nạn để chủ động ứng phó khi có tình huống cấp bách xảy ra;

Củng cố, nâng cấp hệ thống đê điều, bảo đảm an toàn cho các hồ chứa, thích ứng với biến đổi khí hậu góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Yêu cầu

Thực hiện đúng quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai; phù hợp chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Nội dung Kế hoạch phải tuân thủ theo Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và phải phù hợp với điều kiện và tình hình thiên tai của thành phố Hà Nội;

Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phải được tiến hành chủ động và thường xuyên, đồng thời ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra;

Thực hiện có hiệu quả phương châm "4 tại chỗ" (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả;

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả của các cấp, các ngành;

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư;

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của toàn dân trên địa bàn Thành phố;

- Xác định nguồn lực, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của các địa phương, đơn vị trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Đặc điểm về tự nhiên

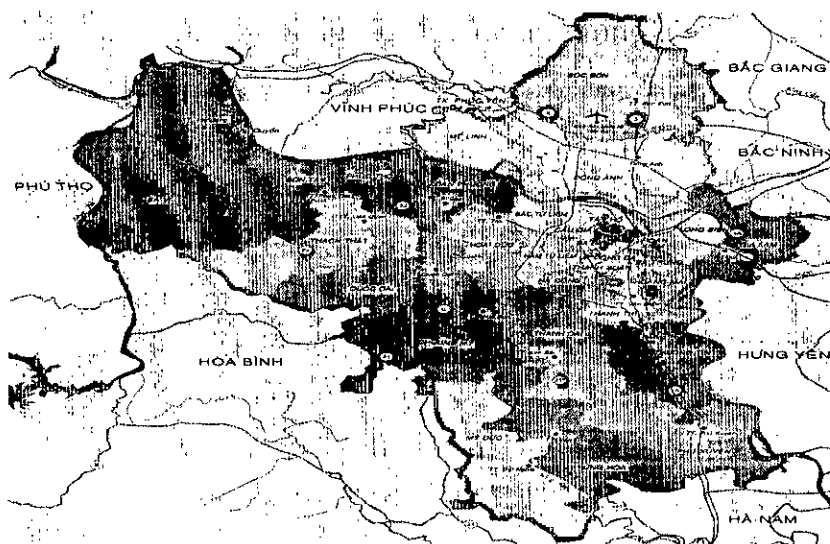
1.1. Vị trí địa lý

Hà Nội có vị trí từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, nằm chệch về phía Tây Bắc của trung tâm vùng Đồng bằng Châu thổ sông Hồng. Phía Bắc giáp Thái Nguyên và Vĩnh Phúc; phía Nam giáp Hà

Nam và Hòa Bình; phía Đông giáp các thành phố Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên; phía Tây giáp Hòa Bình và Phú Thọ.

Hà Nội có diện tích tự nhiên 3.344,7 km², nằm ở hữu ngạn sông Đà và 2 bên bờ sông Hồng cùng chi lưu các con sông khác. Nhờ có phù sa bồi đắp từ sông ngòi nên ba phần tư diện tích tự nhiên của Hà Nội là đồng bằng. Với vị trí địa lý như vậy nên lũ, ngập lụt, ngập úng là những loại thiên tai thường gặp ở Hà Nội.

Hà Nội có vị thế địa lý đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Hồng và của cả nước, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, giao dịch quốc tế và an ninh quốc phòng, có 30 đơn vị hành chính cấp quận, huyện với 579 đơn vị hành chính cấp phường/xã gồm: 12 quận (Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hà Đông, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Thanh Xuân, Tây Hồ); 01 thị xã (thị xã Sơn Tây), và 17 huyện (Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phúc Thọ, Phú Xuyên, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai, Thanh Trì, Thường Tín, Ứng Hòa).



Hình 1: Bản đồ Hành chính thành phố Hà Nội

1.2. Địa hình

Nhìn chung, địa hình Hà Nội khá đa dạng với đồi, núi và đồng bằng. Địa hình thấp dần theo hướng dòng chảy của sông Hồng, từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông. Độ cao trung bình của Hà Nội từ 5m đến 20m so với mặt nước biển. Phần diện tích đồi núi chủ yếu nằm ở các huyện Sóc Sơn, Ba Vì, Quốc Oai, Mỹ Đức, với các đỉnh như Ba Vì cao 1.296m, Da Dê (thuộc dãy núi Ba Vì) cao 707m, núi Hàm Lợn hay còn gọi là núi Chân Chim (huyện Sóc Sơn) cao 462m, Thiên Trù (huyện Mỹ Đức) cao 378m.

Handwritten signature or mark.

Tiếp giáp với vùng núi cao là một vùng đồi núi thấp chạy dài từ chân núi Ba Vì xuống đến Chương Mỹ. Tính phân bậc của địa hình đồi gò không rõ ràng, gồm những bậc có độ cao 200 - 150m, 150 - 100m, 100 - 50m, 50 - 25m và nhỏ hơn 25m.

Địa hình vùng đồng bằng không phức tạp, song cũng không hoàn toàn bằng phẳng. Các huyện phía Nam là một vùng đất trũng tiếp liền với cánh đồng chiêm trũng Hà Nam.

Khu vực nội thành và phụ cận là vùng trũng thấp trên nền đất yếu, mực nước sông Hồng về mùa lũ cao hơn độ cao trung bình trong Thành phố từ 4m-5m. Lợi thế của Hà Nội là có nhiều đầm, ao, hồ nên thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản và du lịch, nhưng do thấp trũng nên khó khăn trong tiêu thoát nước nhanh, gây úng ngập vùng và ngập cục bộ thường xuyên vào mùa mưa, bão.

1.3. Địa chất

Vùng Sông Hồng nói chung và khu vực Hà Nội nói riêng, bị lấp đầy bởi các thành tạo trẻ gắn kết yếu và rời rạc, bao gồm cát kết, bột kết, sét bột kết, sét kết, cuội kết tuổi Neogen. Tổng bề dày tầng đất gắn kết yếu và rời rạc lên đến 500 - 600m. Riêng bề dày của tầng đất rời rạc lên đến 80 - 100m theo xu hướng tăng dần từ phía Bắc 60 - 65m (Đông Anh) lên đến 70 - 75m (Ngô Sĩ Liên, Thành Công) và đạt 80 - 90m ở phía Nam (Hạ Đình, Pháp Vân).

Tính đa dạng và phức tạp của cột địa tầng cũng tăng dần từ phía Bắc xuống phía Nam. Tại Sóc Sơn, Đông Anh, các loại bùn và đất sét yếu vắng mặt trong cột địa tầng. Ở vùng Gia Lâm, chúng xuất hiện ở độ sâu từ 6 - 12m, nhưng phân bố không rộng rãi. Trong khi đó ở phía Nam sông Hồng, các loại đất yếu như sét dẻo chảy, bùn cát, bùn sét, bùn hữu cơ phân bố rộng rãi ở độ sâu từ 6 - 22m (Ngô Sĩ Liên, Thành Công, Hạ Đình, Pháp Vân).

1.4. Khí tượng, thủy văn

Hà Nội nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa nóng ẩm có mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều với nền nhiệt độ không khí cao và mùa đông lạnh, ít mưa với nền nhiệt độ không khí tương đối thấp.

Nhiệt độ trung bình năm dao động từ 23,1°C – 23,5°C. Xu thế biến đổi của nhiệt trung bình năm tăng trong những năm gần đây trong cả mùa đông và mùa hè.

Nhiệt độ trung bình năm ở trạm Láng là 23,7°C và ở Hà Đông là 23,5°C. Nhiệt độ trung bình các tháng mùa hè (từ tháng 5-10) ở trạm Láng là 27,8°C và

ở Hà Đông là 27,4°C. Nhiệt độ trung bình các tháng mùa đông (từ tháng 11-12 và từ tháng 1-4 năm sau) ở Hà Nội là 19,6°C và ở Hà Đông là 19,4°C.

Độ ẩm tương đối trung bình nhiều năm đạt 84-85%. Độ ẩm tương đối thấp nhất vào tháng 6, 7, chỉ đạt từ 81-83% khi có gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh và độ ẩm cao nhất đạt 85-87% khi có mưa phùn ẩm ướt.

Độ ẩm không khí trung bình năm tại trạm Láng là 82% và trạm Hà Đông là 85%. Từ cuối mùa hè đến đầu mùa đông (tháng 11-12) là thời kỳ tương đối khô, độ ẩm trung bình tháng tại Láng chỉ 78% và tại Hà Đông từ 82%. Thời kỳ tháng 2, 3 là thời kỳ ẩm ướt do có mưa phùn nên đây là các tháng có độ ẩm trung bình cao nhất trong năm. Tại Láng độ ẩm đạt 86%, tại Hà Đông độ ẩm đạt 89%. Biên độ độ ẩm trong ngày từ 20-30%, các tháng giữa mùa mưa độ ẩm tương đối lớn, trung bình từ 82-84% tại Hà Nội và 87% tại Hà Đông.

Do ảnh hưởng của địa hình và vị trí địa lý, tại khu vực Hà Nội mưa phân bố không đều và biến đổi mạnh theo thời gian. Lượng mưa năm trung bình của Hà Nội từ 500 - 600mm. Lượng mưa tập trung trong mùa lũ, chiếm tới 85% lượng mưa cả năm. Một số trạm có lượng mưa trung bình mùa lũ đo được là trạm Láng là 1767,6mm; tại trạm Sơn Tây 1356,0mm; trạm Sóc Sơn là 1356,0mm. Số ngày mưa xuất hiện trong một năm vào khoảng 130-140 ngày. Mùa mưa kéo dài 6 tháng, từ tháng 5 đến tháng 10.

Tháng 8 là tháng có lượng mưa lớn nhất dao động trong khoảng từ 300-350mm với 16-18 ngày mưa. Các tháng 6, 7 và 9 lượng mưa trung bình tháng dao động trong khoảng từ 250 - 300mm, với 12-15 ngày mưa.

Những năm nhiều mưa nhất, lượng mưa có thể vượt 2500 mm, những năm ít mưa nhất không quá 1000 mm. Chênh lệch lượng mưa giữa năm cực đại và cực tiểu lên tới 1500 mm và có thể cao hơn. Trong những tháng mùa mưa, lượng mưa trung bình đạt khoảng 250-350 mm/tháng, nhưng lượng mưa tháng lớn nhất có thể vượt quá 500-800 mm và lượng mưa tháng nhỏ nhất không tới 40-50 mm. Trong những tháng mùa khô lượng mưa thay đổi từ 3-5 mm (năm ít mưa) đến hơn 100 mm (năm mưa nhiều).

Với đặc điểm địa hình phần lớn đồng bằng, số ít là đồi núi ở Ba Vì, Sóc Sơn khí hậu nhiệt đới gió mùa, mưa nhiều nên mạng lưới sông Hà Nội tương đối phong phú. Hệ thống sông hồ Hà Nội thuộc hệ thống sông Hồng - Thái Bình. Các sông tự nhiên là sông Hồng, sông Đáy, sông Đuống, sông Cà Lồ, sông Cầu (đoạn chảy qua Hà Nội). Các sông đào (nhân tạo) như sông Nhuệ, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Lừ, sông Sét.

Sông Hồng là con sông chính chảy qua địa phận Hà Nội. Dòng chảy trung bình năm tại trạm Sơn Tây vào khoảng 3600 m³/s. Dòng chảy trên sông Hồng chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn.

Tại trạm thủy văn Hà Nội đo và tính toán được lưu lượng trung bình nhiều năm tại Hà Nội là 2590 m³/s, tương ứng với tổng lượng dòng chảy năm là 83,5 tỷ m³. Năm có lưu lượng trung bình năm lớn nhất là 3464 m³/s (1971). Năm có lưu lượng trung bình năm nhỏ nhất là 1960 m³/s (1989).

Mùa lũ trên sông Hồng tại Hà Nội thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 10 với tổng lượng dòng chảy mùa lũ chiếm 72,7% tổng lượng dòng chảy năm. Ba tháng có dòng chảy lớn nhất thường xuất hiện vào các tháng 7, 8, 9 với tổng lượng dòng chảy 3 tháng lớn nhất chiếm 52,4% tổng lượng dòng chảy năm. Tháng có dòng chảy lớn nhất thường là tháng 8 có tổng lượng dòng chảy chiếm 19,9% tổng lượng dòng chảy năm. Lưu lượng lớn nhất đo được tại trạm thủy văn Hà Nội là 22.200 m³/s (20/8/1971). Tốc độ dòng chảy lớn nhất là 2,81 m/s (21/8/1971).

Mùa cạn trên sông Hồng tại Hà Nội thường bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau với tổng lượng dòng chảy chiếm 27,3% tổng lượng dòng chảy năm. Ba tháng có dòng chảy nhỏ nhất là tháng 1, 2, 3 với tổng lượng dòng chảy 3 tháng nhỏ nhất chiếm 8,7% tổng lượng dòng chảy năm. Tháng có dòng chảy nhỏ nhất là tháng 3 chiếm 2,7% tổng lượng dòng chảy năm. Lưu lượng nhỏ nhất đo được tại trạm thủy văn Hà Nội là 350 m³/s (09/5/1960).

Bảng 1. Lưu lượng trung bình nhiều năm

Đơn vị: m³/s

Trạm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Năm
Hà Nội	1014	904	851	994	1582	3383	5839	6099	4286	2862	2008	1252	2590
Sơn Tây	1309	1151	1072	1240	2094	4639	8028	8345	5728	3823	2588	1584	3467
Thượng Cát	549	498	547	544	533	1359	2293	2532	1992	1190	953	604	1133

(Nguồn: Trung tâm Khí tượng thủy văn Quốc gia).

Dưới tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khốc liệt và có xu thế ngày càng gia tăng, cực đoan tại hầu hết các khu vực trên thế giới. Theo xu thế chung, tại Việt Nam, thiên tai ngày càng diễn ra khốc liệt cả về mức độ nguy hiểm cũng như các loại hình thiên tai xuất hiện (với 20/21 loại thiên tai cơ bản xuất hiện trong những năm vừa qua, trừ sóng thần), gây tổn thất nặng nề về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, tác động xấu đến môi trường sống, sản xuất kinh doanh của người dân, đây là thách thức to

lớn đối với công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra. Nằm trong khu vực đồng bằng sông Hồng, nên Hà Nội cũng là một trong những địa phương chịu ảnh hưởng của nhiều loại hình thiên tai, đây là thách thức trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra. Theo số liệu thống kê trong 15 năm trở lại đây cho thấy, tình hình thiên tai đã và đang có xu thế gia tăng cả về quy mô cũng như chu kỳ lặp lại, trong đó các loại thiên tai thương xuyên xảy ra trên địa bàn Thành phố là mưa lớn, lũ, úng ngập, nắng nóng, sạt lở bờ sông. Ngoài ra một số loại thiên tai khác cũng xảy ra mặc dù không liên tục nhưng cũng ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và lao động như động đất, rét đậm, giông, lốc. Do đặc điểm về vị trí địa lý Hà Nội không phải chịu tác động trực tiếp do bão gây ra, tuy nhiên vẫn chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai sau bão, điển hình là mưa lớn.

Một số loại thiên tai điển hình là:

Bão: Hà Nội không thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, nhưng ảnh hưởng của hoàn lưu do bão gây ra mưa dẫn đến các loại thiên tai khác là lũ, ngập úng, sạt lở bờ sông.

Mưa lớn: Năm 2008, mưa lớn gây ngập lụt nghiêm trọng ở Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ, chỉ trong 3 ngày tổng lượng mưa ở khu vực Hà Nội phổ biến từ 350 – 550 mm, một số nơi lớn hơn như huyện Ứng Hòa: 603 mm, quận Hà Đông: 707 mm, huyện Thanh Oai: 914 mm (lớn nhất trong vòng 100 năm qua tại khu vực Hà Nội (tần suất $P=1\%$); Năm 2016, chỉ mới đầu mùa mưa ngay trong tháng 5 năm 2016 trên địa bàn thành phố Hà Nội trận mưa từ 23h30' ngày 24/5 đến 4h30' ngày 25/5/2016 đã biến nhiều tuyến phố tại thủ đô Hà Nội thành những con sông nhỏ. Điển hình tại Hà Đông chỉ trong 3 tiếng mưa đạt tới 240 mm, cả trận đạt 374 mm. Đây không những là đợt mưa lớn nhất trong 5 tháng đầu năm 2016 mà còn là rất ít gặp vào đầu mùa mưa, lượng mưa vào ngày 24/5 đã phá vỡ kỷ lục và trở thành lượng mưa lớn nhất trong tháng 5 trong khoảng 10 năm.

- Theo thống kê trên địa bàn Thành phố, số lượng trận mưa trên 100 mm tăng lên: từ năm 1962 – 2001 chỉ có 09 trận mưa > 100 mm, nhưng từ 2002 đến 2007 chỉ trong 5 năm đã có 29 trận mưa > 100mm và năm 2008, năm 2016 lượng mưa trong một trận tăng lên hơn 300 mm.

Lũ: Tháng 8 năm 1971, sau trận mưa lớn liên tiếp diễn ra trong 10 ngày cùng với hoàn lưu sau bão, mực nước sông dâng cao đã tạo ra một con “Đại hồng thủy” ở đồng bằng Bắc Bộ, trong đó có Thủ đô Hà Nội. Trận lũ này được liệt kê trong danh sách những trận lụt lớn nhất thế kỷ XX của Cơ quan Quản trị Hải dương và Khí tượng Hoa Kỳ với tần suất $P=1\%$. Sau lũ 1971, đi đôi với tôn

cao và củng cố chất lượng đê sông Hồng, sông Thái Bình, Chính phủ đã quyết định cải tạo Đập Đáy, tôn cao đê và cải tạo lòng sông Đáy nhằm tận dụng tối đa khả năng phân lũ sông Đáy, đồng thời xúc tiến xây dựng hồ Hòa Bình và vận hành hồ chứa Thác Bà để nâng cao năng lực chống lũ sông Hồng. Bên cạnh các trận lũ lớn trên sông Hồng, trong 15 năm trở lại đây, Hà Nội còn phải hứng chịu nhiều đợt ngập lụt lớn, mà trận ngập, lụt nặng nhất trận ngập lịch sử năm 2008. Ngoài những trận lũ sông thì Hà Nội có lũ rừng ngang, lũ dòn, lũ quét. Thời gian xảy ra lũ quét, lũ rừng ngang thường nhanh, bất ngờ và có thể kèm theo cả sạt lở đất và hiện tại tập trung ở các huyện Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức và Ba Vì.

- Năm 2017, đợt mưa kéo dài từ ngày 10/10-12/10 làm mực nước sông Bùi lên cao, lũ trên sông đạt đỉnh 7,14m (vượt báo động III là 14cm); đã gây ngập lụt nghiêm trọng cho huyện Chương Mỹ, gây thiệt hại nghiêm trọng (2 người chết; 1214 nhà ở bị thiệt hại, 7077 nhà bị ngập nước, 1435 nhà phải di dời khẩn cấp...

- Năm 2018, đợt mưa kéo dài từ ngày 18/7-30/7 làm mực nước sông Bùi vượt mức lịch sử năm 2008, mức lũ đạt đỉnh 7,51m (vượt báo động III là 51cm) - vượt ngưỡng lịch sử của năm 2008. Lũ lớn đã làm tràn vỡ đê, gây ngập lụt kéo dài nhiều ngày, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của hàng nghìn hộ dân các huyện thuộc vùng hữu Tích, hữu Bùi (ảnh hưởng cho hơn 3.034 hộ với 12.136 nhân khẩu; nhiều xã bị ngập, thời gian ngập lụt kéo dài khoảng 20 ngày). Vùng dân cư thuộc huyện Chương Mỹ từng bị ngập lụt nghiêm trọng vào năm 2018 do ảnh hưởng của lũ rừng ngang.

Ngập úng: Nguyên nhân của ngập úng là do bề mặt địa hình thấp, nhất là phần phía Nam, việc tiêu thoát tự nhiên nước mặt ra các hệ thống sông là khó khăn (hệ thống tiêu ra sông Hồng; sông Nhuệ - Đáy). Mặt khác, một nguyên nhân nữa góp phần gây ra sự ngập úng của thành phố Hà Nội là do tốc độ đô thị hóa quá nhanh; đô thị hóa làm triệt tiêu bề mặt thấm nước (do bê tông hóa bề mặt), san lấp, thu hẹp và làm nông dân các hồ điều hòa; thu hẹp và làm tắc nghẽn các hệ thống mương thoát nước,... cùng với đó là công tác quy hoạch và triển khai xây dựng không đồng bộ, đã làm cho hệ thống tiêu thoát nước của Thành phố quá tải và gây ra tình trạng ngập úng.

Sạt lở bờ sông: Những năm trước diễn ra mạnh mẽ, nhưng đến nay những điểm gần sát đê, những điểm nguy cơ đến khu dân cư đã được khống chế.

Nắng nóng: Nắng nóng gay gắt ở các thành phố Bắc Bộ, trong đó có thủ đô Hà Nội xảy ra vào các năm 2014, 2016 với nền nhiệt độ cao phổ biến từ 39 ÷ 40°C, kéo dài kỷ lục trong vòng 60 năm qua; ảnh hưởng của El Nino đã gây ra hạn hán trên phạm vi rộng, tình trạng cạn kiệt nguồn nước các dòng sông trên

cả nước ngày càng phổ biến, trong đó có hệ thống sông Hồng - sông Thái Bình là hệ thống sông lớn nhất cả nước.

Các loại thiên tai khác cũng gây ảnh hưởng tới hoạt động con người, đời sống kinh tế - xã hội và sản xuất là:

Động đất: Đối với loại hình này, mặc dù không trực tiếp xảy ra tại địa bàn Hà Nội, nhưng các dư chấn của nó ảnh hưởng không nhỏ như trận động đất mới nhất xảy ra lúc 11h24 ngày 24 tháng 12 năm 2021, có tọa độ 22,409 độ vĩ Bắc, 101,679 độ kinh Đông, độ sâu chấn tiêu khoảng 17,2 km tại khu vực tỉnh Phongsay, Lào. Cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 tại vùng tâm chấn nhưng đã gây dư chấn mạnh khiến các tòa nhà ở Hà Nội rung lắc trong khoảng gần 1 phút, ảnh hưởng tới tâm lý, sức khỏe của người dân và ảnh hưởng đến an toàn của các công trình xây dựng.

Rét đậm, rét hại: Đối với Hà Nội thì nhiệt độ mùa đông bị hạ thấp dưới mức 13°C không nhiều và không duy trì trong thời gian dài, nhưng vì Hà Nội có cả các vùng núi thậm chí có cả ở nơi rất ít khi xảy ra như Ba Vì (Hà Nội) và các vùng lân cận cũng xảy ra hiện tượng tuyết rơi cho thấy thời tiết cực đoan đã dẫn đến xuất hiện một số loại hình thiên tai trên địa bàn Hà Nội mà trước đó ít thấy hoặc chưa từng xuất hiện.

Ảnh hưởng lũ và ngập lụt từ các vùng lân cận:

- Do thủ đô Hà Nội nằm ở đồng bằng sông Hồng nên sẽ bị tác động từ lũ trên thượng nguồn và trực tiếp là việc xả lũ của hồ Hòa Bình, Sơn La, Tuyên Quang.

- Trong đợt mưa lũ từ ngày 11 đến ngày 20 tháng 10 năm 2017, hồ Hòa Bình đã phải xả khẩn cấp 8 cửa xả đáy/12 cửa, Hồ Sơn La phải xả 1 cửa và hồ Tuyên Quang phải xả 1 cửa. Nếu trong trường hợp lũ vẫn lên cao, mưa vẫn tiếp tục với cấp độ rủi ro thiên tai là cấp độ 2, lượng mưa từ 100-200 mm thì chắc chắn sẽ phải mở các cửa xả đáy và trường hợp phải mở thêm cửa xả đáy ở các hồ sẽ ảnh hưởng không những chỉ ở thành phố Hòa Bình, hạ du Sơn La và thành phố Tuyên Quang sẽ phải sơ tán toàn bộ dân hạ du của các thành phố này mà tại thủ đô Hà Nội cũng phải chuẩn bị các phương án như đi dân ra khỏi vùng trũng, thấp, khu dân cư sau hạ du sông Đà. Chuẩn bị các phương án chống lũ cho các tuyến đê vì lâu ngày, các tuyến đê này chưa được thử thách.

- Trong đợt mưa lũ cuối tháng 7/2018, tại địa bàn thành phố Hà Nội đã bị lũ rừng ngang từ Hòa Bình đổ về do mưa lớn khiến mực nước sông Tích, sông Bùi tăng nhanh làm ngập, tái ngập nhiều khu dân cư, đất sản xuất nông nghiệp, đường giao thông ở các huyện Quốc Oai, Chương Mỹ và Mỹ Đức.

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

2.1. Đặc điểm dân sinh

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tính đến ngày 01/4/2019, dân số Hà Nội là 8.093,9 trong đó dân số nam là 4.012,7 nghìn người, chiếm 49,6%; dân số nữ là 4.081,2 nghìn người, chiếm 50,4%; dân số sinh sống tại khu vực thành thị là 4.000,3 nghìn người, chiếm 49,4%; dân số sinh sống tại khu vực nông thôn là 4.093,6 nghìn người, chiếm 50,6%.

Mật độ dân số trung bình là 2.410 người/ km², dân cư phân bố không đều giữa quận và huyện, giữa thành thị và nông thôn. Mật độ dân số tập trung tại các quận khá cao. Trung bình của 12 quận là 11.811 người/ km² (cao nhất là quận Đống Đa 38.131 người/ km²), mật độ các quận cao gần gấp 5 lần so mật độ dân số trung bình toàn Thành phố.¹

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 99,99% số hộ của Thành phố có nhà ở, trong đó khu vực thành thị đạt 100% số hộ có nhà ở; khu vực nông thôn đạt 99,98% số hộ có nhà ở. Tỷ lệ hộ có nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ của thành phố Hà Nội thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ bình quân chung của cả nước (6,9%) và thấp hơn Hải Phòng (1,0%), Cần Thơ (10,6%) nhưng cao hơn thành phố Hồ Chí Minh (0,7%) và Đà Nẵng (0,5%).

Đa số người dân tại thành phố Hà Nội hiện đang sống trong các nhà kiên cố và bán kiên cố (99,15%), trong đó khu vực thành thị là 99,5%, khu vực nông thôn là 98,6%. Chỉ một bộ phận nhỏ người dân hiện đang sống trong nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ (0,85%), trong đó tỷ lệ người dân đang sống trong nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ tại thành thị là 0,5%, thấp hơn 0,9 điểm % so với khu vực nông thôn (1,4%). Ba Vì là địa phương có số người dân sinh sống trong nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ cao nhất Thành phố (11.146 người, tương đương 0,14% dân số cả nước). Qua đó cho thấy các nhà thiếu kiên cố và đơn sơ cũng là vấn đề đặt ra khi gặp rủi ro thiên tai và đó là thách thức của công tác phòng, chống thiên tai.

Bảng 2: Bảng phân loại nhà ở theo khu vực trên địa bàn thành phố

STT	Quận/Huyện/Thị xã	Tổng dân số	Nhân khẩu sinh sống trong nhà kiên cố và bán kiên cố	Nhân khẩu sinh sống trong nhà thiếu kiên cố và đơn sơ		
				Số nhân khẩu	Nam	Nữ
1	Quận Ba Đình	221.893	221.382	511	251	260

¹ Niêm giám thống kê Quốc gia năm 2019

STT	Quận/Huyện/Thị xã	Tổng dân số	Nhân khẩu sinh sống trong nhà kiên cố và bán kiên cố	Nhân khẩu sinh sống trong nhà thiếu kiên cố và đơn sơ		
				Số nhân khẩu	Nam	Nữ
2	Quận Hoàn Kiếm	135.618	135.618	0	0	0
3	Quận Tây Hồ	160.495	159.721	774	422	352
4	Quận Long Biên	322.549	320.708	1.841	966	875
5	Quận Cầu Giấy	292.536	291.946	590	333	257
6	Quận Đống Đa	371.606	370.963	643	312	331
7	Quận Hai Bà Trưng	303.586	302.835	751	370	381
8	Quận Hoàng Mai	506.347	503.990	2.357	1.185	1.172
9	Quận Thanh Xuân	293.524	292.279	1.245	653	592
10	Huyện Sóc Sơn	343.432	343.099	333	158	175
11	Huyện Đông Anh	405.749	405.749	0	0	0
12	Huyện Gia Lâm	286.102	286.087	15	9	6
13	Quận Nam Từ Liêm	264.246	261.902	2.344	1.254	1.090
14	Quận Bắc Từ Liêm	335.110	334.580	530	269	261
15	Huyện Thanh Trì	275.745	272.178	3.567	1.803	1.764
16	Huyện Mê Linh	240.555	240.553	2	0	2
17	Quận Hà Đông	397.854	393.550	4.304	2.138	2.166
18	Thị xã Sơn Tây	145.856	143.070	2.786	1.338	1.448
19	Huyện Ba Vì	290.580	279.434	11.146	5.333	5.813
20	Huyện Phúc Thọ	184.024	179.565	4.459	2.123	2.336
21	Huyện Đan Phượng	174.501	171.813	2.688	1.269	1.419
22	Huyện Hoài Đức	262.978	258.464	4.514	2.256	2.258
23	Huyện Quốc Oai	194.412	194.412	0	0	0
24	Huyện Thạch Thất	216.554	209.897	6.657	4.516	2.141
25	Huyện Chương Mỹ	337.326	336.571	755	370	385
26	Huyện Thanh Oai	211.029	210.644	385	184	201
27	Huyện Thường Tín	254.702	249.188	5.514	2.651	2.863
28	Huyện Phú Xuyên	213.984	213.772	212	98	114
29	Huyện Ứng Hòa	210.869	207.823	3.046	1.395	1.651
30	Huyện Mỹ Đức	199.901	193.521	6.380	3.089	3.291
Tổng		8.053.663	7.985.314	68.349	34.745	33.604
Tỷ lệ (%)		100	99,15	0,85	0,43	0,42

Qua đặc điểm về dân sinh cho thấy khu vực tập trung đông dân cư là vùng hay bị ngập lụt như một số tuyến đường của các quận, các khu đô thị mới, các khu dân cư ngoài đô.

- Khu vực bãi nằm ngoài đô ở hai bên bờ sông Hồng, đoạn chạy qua địa bàn thành phố Hà Nội hiện có gần một triệu dân sinh sống, kéo dài từ huyện Ba Vì đến Phú Xuyên. Với số lượng dân cư sinh sống ngoài đô như vậy thì khi có lũ với báo động 2 trở lên hoặc lũ về trên các hồ chứa thượng nguồn với lưu lượng lớn, cần xả về hạ du thì đây là một trong những mối lo trong công tác phòng chống thiên tai hiện nay của Hà Nội vì các lý do:

Thứ nhất, khu vực bãi ngoài đô ven sông Hồng khu vực hạ du sẽ bị ngập úng khi lượng nước xả lũ lớn cộng với mưa vẫn tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

Thứ hai, khi lượng nước lớn sẽ gây hiện tượng sạt lở bờ sông.

Thứ ba, là mối nguy đối với các vị trí xung yếu hoặc đã bị sự cố.

Diễn hình tháng 10 năm 2017, hồ Hòa Bình đã xả tới 8/12 cửa xả đáy, ảnh hưởng đến vùng đầm, bãi ven sông đoạn qua Hà Nội nơi có gần 1 triệu dân cư đang sinh sống ngoài bãi sông.

- Khu dân cư ven sông thường xuyên ngập lụt do mưa lũ: Hai trận lũ năm 2017, 2018 do mưa lớn khiến nước sông Bùi lên cao vượt mức lịch sử và đạt đỉnh 7,51m tại trạm Yên Duyệt (trên báo động 3 là 51cm) đã khiến 3.024 hộ dân bị ngập sâu trong khoảng 20 ngày, hàng ngàn ha cây trồng, nhiều diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại, hàng vạn con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi, hàng nghìn mét đê điều, kênh mương, đường giao thông bị sạt lở...

Một trong những nguyên nhân khiến mực nước sông Bùi lên cao là mật độ thâm thực vật suy giảm khiến đất và rừng thuộc các huyện miền núi thành phố Hòa Bình không còn giữ được nước. Do đó, khi có mưa lớn cục bộ, toàn bộ lượng nước sẽ đổ xuống sông Bùi, sông Tích, gây ngập lụt và đe dọa an toàn vùng Thủ đô. Bên cạnh yếu tố trên thì còn nguyên nhân nữa là sông Tích hợp với sông Bùi rồi đổ vào sông Đáy. Từ đây, nước sông Đáy nhập vào sông Hoàng Long (thành phố Ninh Bình) và đổ ra biển. Nhưng do mưa lớn diễn ra trong nhiều ngày khiến mực nước sông Đáy và sông Hoàng Long cùng lên cao. Hệ quả là việc tiêu thoát nước sông Bùi, sông Tích rất chậm, dẫn tới tình trạng ngập lụt khu vực ngoại thành Hà Nội. Sông Bùi bắt nguồn từ huyện Lương Sơn (thành phố Hòa Bình). Đoạn chảy qua huyện Chương Mỹ có chiều dài 23 km, chia địa phương này thành hai vùng: Tả Bùi có diện tích khoảng 28.000 ha, dân số 596.000 người và hữu Bùi với diện tích 6.500 ha, dân số 75.000 người. Nhưng hiện nay cả hai tuyến đê tả Bùi, hữu Bùi đều có cao trình đê thấp hơn so

với quy hoạch từ 0,5 – 1,0 m và từ 1,5 – 2,5 m. Bên cạnh cao trình đê còn thiếu, trong vùng hữu Bùn còn có một số nhánh suối nhỏ chảy từ phía Tây đổ về sông Bùn như suối Cầu Tây, suối Vàng... Trong khi đó hiện trạng đê hữu Bùn chưa được liên tuyến, mà được ngăn cách từng đoạn bởi các tuyến đê bao (Bùn 2, Thuận Lương, Đồng Trời...).

Theo Quy hoạch Phòng, chống lũ và đê điều hệ thống sông Đáy² đã xác định Giai đoạn 2015 – 2020 tập trung hoàn thành các hạng mục, trong đó có củng cố, nâng cấp đê tả, hữu Bùn và đê tả Mỹ Hà. Đến nay các tuyến đê này vẫn chưa hoàn thiện như thiếu cao trình đê, thiếu mặt cắt, chưa liên tuyến nên rất khó khăn trong công tác phòng chống ngập 2 bên sông.

- Ngập úng các khu dân cư nội đô: Một trong những nguyên nhân chính của tình trạng úng ngập khu vực nội đô là do quá trình đô thị hóa đã lấp đi rất nhiều ao, hồ, việc này cũng đem lại các mặt tích cực, làm cho đất đai bằng phẳng, nhưng lại mất đi chức năng của các hồ điều hoà. Hồ điều hoà là khi mưa sẽ có vùng đệm nước chứa nước úng ngập, khi ao, hồ bị lấp thì nước sẽ chảy rất nhanh, mạnh về các con sông khiến cho nước dâng lên rất nhanh dẫn đến ngập úng. Mặt khác hiện tượng bê tông hoá mặt đất làm cho nước không ngấm trực tiếp xuống đất được, khi mưa nước chảy trên nền đường và hệ thống công cứng rồi mới chảy ra sông dẫn đến tình trạng quá tải của hệ thống thoát nước và hiện tượng ngập úng diễn ra nhanh chóng.

Các khu dân cư trong nội thành nằm ở những vị trí thấp, trũng hay bị ngập là những khu vực, những nhà dân có cốt nền thấp, khi mưa lớn, trên diện rộng, nước mưa chảy từ các khu vực có cốt nền cao xuống khu vực có cốt nền thấp, nên các khu vực có cốt nền thấp sẽ có nhiều nguy cơ bị ngập hơn so với nơi có cốt nền cao.

Các khu đô thị mới được quy hoạch và xây dựng ở các khu vực nhà máy cũ, các khu trước là đồng ruộng như các khu đường Vành đai 3 nên không chú trọng đến việc thoát nước trong khu đô thị và kết nối hạ tầng xung quanh. Do vậy các trận mưa gần đây vẫn gây ra tình trạng ngập úng tại một số khu vực của Thành phố.

Ngoài vấn đề về nhà ở thì đặc điểm của một số đối tượng dễ bị tổn thương cũng là vấn đề cần chú ý khi thiên tai. Theo Luật Phòng chống thiên tai, đối tượng dễ bị tổn thương là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo. Năm 2019, tỷ suất sinh

² Quyết định số 1821/QĐ-TTg ngày 07/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ

thô đạt 17,9% ; tỷ lệ tăng tự nhiên dân số đạt 11,5‰; tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 99,2%. Người dân tộc Kinh chiếm đa số trong số dân của tỉnh, các thành phần dân tộc khác chiếm tỷ lệ thấp đa số đều là dân nhập cư từ các tỉnh vùng khác đến nhưng có xu hướng tăng dần. Tổng số hộ nghèo: đầu năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm từ 1,81% còn 0,69% (huyện Đông Anh và huyện Gia Lâm không còn hộ nghèo). Một số huyện tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn tương đối cao như: Ba Vì (1,43%), Mỹ Đức (1,55%), Phú Xuyên (0,95%), Ứng Hoà (1,01%), Phúc Thọ (1,14%), Thanh Oai (1,3%)³. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới: triển khai thực hiện mô hình địa chỉ tin cậy – nhà tam lảnh cộng đồng; tổ chức các cuộc tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, phòng chống xâm hại, lạm dụng trẻ em; phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em; kiến thức về bình đẳng giới cho đội ngũ công tác viên, tình nguyện viên tại các xã.

2.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 của Thành phố tăng 3,98% so với năm 2019 (quý I tăng 4,13%; quý II tăng 1,76%; quý III tăng 3,95%; quý IV tăng 5,77%). Mặc dù đây là mức tăng trưởng thấp so với kế hoạch, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, thì kết quả trên là rất quan trọng, thể hiện tính chủ động, kịp thời, hiệu quả các giải pháp của Thành phố trong phòng, chống, dập dịch và phục hồi, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tính tăng 4,2% so với năm 2019, đóng góp 0,09 điểm phần trăm vào mức tăng GRDP. Đây là khu vực ghi nhận tốc độ tăng cao hơn mức tăng chung và cao hơn mức tăng của nhiều năm qua.

Khu vực công nghiệp và xây dựng ước tính tăng 6,39% so với năm 2019, đóng góp 1,43 điểm phần trăm vào mức tăng GRDP. Trong đó: ngành công nghiệp tăng 4,91%, đóng góp 0,69 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Ngành xây dựng tiếp tục tăng cao 8,9% so với năm 2019, đóng góp 0,74 điểm phần trăm vào mức tăng chung, công tác giải ngân vốn đầu tư công có chuyển biến tích cực; đã khởi công một số công trình lớn và hoàn thành đưa vào sử dụng một số công trình trọng điểm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

Khu vực dịch vụ tăng 3,29% so với năm trước (đóng góp 2,1 điểm phần trăm vào mức tăng GRDP), thấp hơn nhiều so với mức tăng 7,27% năm 2018 và 7,59% năm 2019 do chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19, nhất là các ngành, lĩnh vực: Du lịch, khách sạn, nhà hàng, vận tải, xuất nhập khẩu, vui chơi, giải trí...

³ Theo Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Chương trình số 02-Ctr/TU của Thành ủy Hà Nội.

Ngành bán buôn, bán lẻ là điểm sáng trong khu vực dịch vụ với mức tăng 8,84%, là một trong những ngành đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của Thành phố (đóng góp 0,81 điểm phần trăm vào mức tăng GRDP). Một số ngành duy trì tăng trưởng khá: Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm tăng 7,21%; thông tin và truyền thông tăng 6,89%.

Hoạt động y tế, giáo dục được quan tâm, chú trọng; giá trị tăng thêm ngành y tế và trợ giúp xã hội ước tăng 14,23% so với năm 2019; ngành giáo dục và đào tạo tăng 7,01%.³

Việc phát triển kinh tế, xã hội của Hà Nội trong bối cảnh kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề vẫn có những điểm sáng. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả tăng trưởng kinh tế đi đôi với ổn định đời sống nhân dân, công tác phòng, chống thiên tai cũng cần được chú trọng.

2.3. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

2.3.1. Giao thông

Trong những năm gần đây, nhiều công trình giao thông đã được Trung ương và Thành phố Hà Nội tập trung đầu tư xây dựng góp phần từng bước hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Từ năm 2015-2020, Thành phố đã và đang tiếp tục quan tâm phát triển đồng bộ, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là hệ thống đường vành đai, trục hướng tâm, cầu đường bộ, gắn với nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng và hạ tầng xã hội, hoàn thành một số công trình giao thông trọng điểm, cấp bách, đưa vào sử dụng như: Vành đai 1 đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái; Vành đai 2 đoạn Nhật Tân - Cầu Giấy và đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng phần mặt đất. Đáng chú ý, đường Vành đai 3 trên cao đoạn Mai Dịch - cầu Thăng Long cũng đã hoàn thành sau 2 năm thi công và đã tiến hành thông xe vào ngày 10/10/2020. Cùng đó là đường Phạm Văn Đồng cũng được mở rộng theo tiêu chuẩn tuyến đường đô thị chính cấp 1. Cùng với việc thông xe công trình cầu vượt thắp qua hồ Linh Đàm sau hơn 1 năm xây dựng, tuyến đường Vành đai 3 qua nội đô đã hoàn thiện. Đường vành đai 2 đoạn Nhật Tân - Cầu Giấy; đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng phần mặt đất cũng được phát triển, mở rộng, đường Vành đai 2 là tuyến giao thông đường bộ nội đô khép kín của Hà Nội có tổng chiều dài là 43,6 km, chạy qua các quận Long Biên, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Đống Đa, Ba Đình, Cầu Giấy, Tây Hồ và huyện Đông Anh. Một số tuyến đường được xây dựng và đưa vào sử dụng đã rút ngắn khoảng cách di chuyển của người dân góp phần làm mới bộ mặt Thủ đô cũng như giảm ùn tắc giao thông và tránh ngập khi mưa lớn. Mở rộng, phát triển hạ tầng giao thông thủ

đồng nghĩa với việc giảm thiểu rủi ro ngập, giảm lượng khí thải để giảm bớt ô nhiễm môi trường cho Thành phố.

Bên cạnh những thế mạnh về phát triển giao thông vẫn gặp một số khó khăn và tồn tại trong quy hoạch, tốc độ phát triển hạ tầng giao thông không theo kịp tốc độ đô thị hóa. Tốc độ phát triển các khu đô thị, khu vực tập trung đông dân cư và sự gia tăng phương tiện cá nhân lớn hơn rất nhiều so với tốc độ xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hiện trạng cơ sở hạ tầng thiếu và yếu. Tỷ lệ đất dành cho giao thông ở Hà Nội mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp, tỷ lệ km đường/km² diện tích mới đạt 30% so với yêu cầu đối với khu vực nội đô và 50% đối với khu vực đô thị mới mở rộng. Số lượng phương tiện cá nhân tham gia giao thông cũng không ngừng tăng trong những năm gần đây với khoảng 3,7 triệu xe máy và trên 380 nghìn ô tô con (chiếm 76% thị phần vận tải) ... từ đó đã tạo nên áp lực rất lớn đối với hạ tầng giao thông của Thành phố. Dịch vụ giao thông công cộng chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân về số lượng và loại hình. Kết cấu hạ tầng giao thông chưa bắt kịp với sự phát triển nhanh chóng của đời sống kinh tế - xã hội. Tắc đường đi kèm với vấn đề ô nhiễm môi trường gây nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Quy hoạch phát triển đô thị chưa tương ứng với phát triển hạ tầng giao thông, còn thiếu tầm nhìn dài hạn, mang tính cục bộ, thiếu tổng thể. Chính vì vậy mà mỗi khi mưa lớn gây ngập lụt ở các tuyến đường ngập sâu thì ách tắc giao thông, kẹt xe hàng giờ là khó tránh khỏi.

2.3.2. Hệ thống điện lưới của Thành phố

Trong thời gian qua, lưới điện thành phố Hà Nội đã có thay đổi rõ nét, phát triển có định hướng. Lưới điện truyền tải, lưới điện 110kV có sự ổn định và chất lượng; lưới điện trung áp được chỉnh trang, hạ ngầm bảo đảm gọn đẹp và an toàn.

Hiện nay, Hà Nội có 90 xã, phường do 99 tổ chức quản lý điện nông thôn mua điện của Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội và quản lý bán điện cho các hộ tiêu thụ điện nông thôn. Kết quả, đến nay, 100% số xã đạt và cơ bản đạt tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tính đến hết Quý III năm 2019, Tổng Công ty đã triển khai đưa vào vận hành được 619 trạm biến áp, tổng công suất 645.078 kVA với kinh phí 1.050,6 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã triển khai dự án Đầu tư lưới điện trung áp đồng bộ với lưới điện hạ áp RE2 với tổng mức đầu tư 208 tỷ đồng, đã hoàn thành nghiệm thu 214/221 TBA, đạt 96%.

Để đảm bảo nguồn cấp điện cho các xã nông thôn mới, các khu vực quy hoạch sản xuất chuyên canh tập trung, các cụm điểm công nghiệp làng nghề trên địa bàn, Sở Công Thương Hà Nội đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã,

khảo sát nhu cầu gửi Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội lập kế hoạch và bố trí vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng lưới điện vùng nông thôn, với quy mô 1.168 trạm biến áp, tổng công suất 507.369 kVA.⁴

2.3.3. Hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo

Toàn Thành phố hiện có 2.711 trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông với 65.818 phòng học, 57.837 nhóm lớp, 1.694.461 học sinh, bình quân 39 học sinh/lớp. Các trường học công lập trên địa bàn Thành phố cơ bản có đủ điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng chương trình dạy và học của các cấp học, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 66,7%; có 1.704/2.183 trường công lập có công trình vệ sinh đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn quy định, đạt 78%, cơ bản hoàn thành mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học theo đề án của Chính phủ.⁵ Việc đầu tư, củng cố các cơ sở giáo dục và đào tạo đã một phần nào giảm bớt gánh nặng khi có mưa lũ, các học sinh, học viên và cán bộ giáo dục yên tâm trong công tác, các em không còn lo phải di chuyển khi bị ngập sâu và không gây sự nguy hiểm đến tính mạng khi mưa, lũ và ngập.

Bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại như: một số trường học được công nhận đạt chuẩn Quốc gia đã quá 5 năm, cơ sở vật chất xuống cấp nhưng chưa có kinh phí đầu tư; vẫn còn tồn tại phòng học nhờ, học tạm, phòng học cấp 4 xuống cấp ở một số huyện; còn 22% số trường công lập có công trình vệ sinh chưa đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định. Số lớp/trường, số học sinh/lớp ở một số phường, một số quận còn cao dẫn đến diện tích đất/học sinh thấp, không đảm bảo tiêu chuẩn diện tích tối thiểu theo quy định. Công tác xã hội hóa giáo dục ở các huyện ngoại thành còn hạn chế, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở khu vực ngoại thành nhiều nơi còn thiếu thiết bị, đồ dùng dạy học, phòng học bộ môn, phòng thực hành, thí nghiệm, nhà thể chất, ... Ở một số quận, huyện do mới chuyển đổi mô hình trường mầm non bán công sang công lập nên khối mầm non có nhiều điểm trường lẻ dẫn đến việc quản lý, triển khai các hoạt động giáo dục gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học chủ yếu trang cấp cho các điểm trường chính, còn các điểm trường lẻ chỉ đảm bảo các thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu. Ngoài ra việc đầu tư xây dựng nhà trẻ, trường học phổ thông tại các dự án khu đô thị mới, khu nhà ở chưa đảm bảo đồng bộ với tiến độ xây dựng nhà ở.

2.3.4. Các cơ sở y tế

⁴ Văn bản số 5035/EVNHANOI-BO2 ngày 17/11/2017 của Tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội

⁵ Theo báo cáo số 20/BC-VHXXH ngày 06/6/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về kết quả giám sát việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đối với các trường công lập và việc xây dựng trường học tại các đô thị trên địa bàn Thành phố từ năm 2016 đến nay.

Trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2019, toàn thành phố có 720 cơ sở khám chữa bệnh do địa phương quản lý, trong đó có 79 bệnh viện (tăng 3 bệnh viện so với năm 2018), 4 nhà hộ sinh, 53 phòng khám đa khoa khu vực và 584 trạm y tế. Số giường bệnh do địa phương quản lý là 19.000 giường, trong đó có 15.900 giường trong các bệnh viện; 45 giường trong các nhà hộ sinh; 102 giường trong các phòng khám khu vực và 2.899 giường tại các trạm y tế¹. Số giường bệnh tăng so với bình quân 24,5 giường của năm 2018.

Số nhân lực y tế ngành y tế tại thời điểm 31/12/2019 là 44,2 nghìn người, tăng 5% so với năm 2018, trong đó cán bộ ngành y là 28,8 nghìn người, tăng 4,3%; cán bộ ngành dược là 15,4 nghìn người, tăng 6,4%. Số bác sỹ bình quân 10.000 dân năm 2019 đạt 13,4 người (năm 2018 đạt 13,3 người)².

Năm 2019, ngành y tế Hà Nội tiếp tục được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ mới vào chẩn đoán, điều trị cho bệnh nhân. Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa được các bệnh viện đẩy mạnh với 70 đề án liên doanh, liên kết hoạt động tại 17 bệnh viện và 10 trung tâm y tế. Tuy nhiên phần lớn các bệnh viện tại Hà Nội có qui mô diện tích nhỏ và rất nhỏ, diện tích trung bình còn thiếu so với tiêu chuẩn quy định 100 m²/giường bệnh. Các dự án bệnh viện tư nhân chủ yếu tập trung vào các khu vực phát triển mở rộng của đô thị trung tâm như Từ Liêm, Hà Đông... Hầu hết các huyện xa trung tâm Hà Nội chưa được các nhà đầu tư chú ý. Số lượng các Bệnh viện tư nhân còn hạn chế, chưa đáp ứng được mục tiêu phục vụ 20-30% nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân Thủ đô. Hiện nay, hạ tầng của các bệnh viện đa khoa cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đều đã xuống cấp, chưa đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của người dân Thủ đô. Đây cũng là trở ngại lớn cho việc thúc đẩy công tác tự chủ của đơn vị; khó khăn trong kêu gọi xã hội hóa, để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Qua đó cho thấy cần tăng cường, bổ sung các cơ sở y tế, đặc biệt các khu vực hay xảy ra thiên tai và cần xây dựng đầu tư cơ sở vững chắc để phục vụ người dân trong và sau thiên tai.

2.3.5. Hệ thống cấp, thoát nước

a) Hệ thống cấp nước

Hiện nay, chỉ tính riêng khu vực đô thị, hệ thống cấp nước Hà Nội cung cấp cho 12 quận nội thành với quy mô khoảng 3,7 triệu người. 60% trữ lượng đến từ nước ngầm, 40% là nguồn nước mặt sông Đà và sông Đuống.

Đến năm 2020, tỷ lệ người dân đô thị được cấp nước sạch đạt 100%; khu vực nông thôn, đã thực hiện phủ mạng cấp nước cho người dân khu vực nông

thôn đạt khoảng 78% (100% dân số khu vực nông thôn của Hà Nội được sử dụng nước hợp vệ sinh; trong đó, 85,1% dân số được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; tỷ lệ người/hộ nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung và mở rộng hệ thống nước sạch đô thị ra khu vực nông thôn là 45,7% (tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận nước sạch từ các hệ thống cấp nước khoảng 78%); tỷ lệ người/hộ nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước quy mô hộ gia đình 39,4%)². Các nguồn cấp nước tại chỗ của các hộ gia đình phổ biến vẫn là giếng khoan, giếng đào, với chất lượng nước thường bị nhiễm các kim loại nặng và các chất thải từ hoạt động sản xuất như asen, amoni, chất hữu cơ...

Nhìn chung, nguồn nước mặt ở Hà Nội không đáp ứng tiêu chuẩn nước sinh hoạt. Ở nhiều nơi nguồn nước mặt bị ô nhiễm nhiều loại chất hữu cơ, vi khuẩn và vi sinh vật, và có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao.

Một số nguồn nước ngầm bị ô nhiễm với hàm lượng ngày càng cao nitrat, nitrit, photphat, amoni, sunfat, flo, và cacbon hữu cơ không tan. Cũng tương tự như với ô nhiễm nước mặt, tình trạng này ảnh hưởng lớn đến việc lựa chọn nguồn nước, công nghệ xử lý và thiết kế nhà máy cho hệ thống cấp nước.

b) Hệ thống thoát nước

Hệ thống thoát nước khu vực nội thành Hà Nội gồm 12 quận với diện tích khoảng 300 km²; hệ thống thoát nước chủ yếu là hệ thống thoát nước chung với khối lượng quản lý theo danh mục được Thành phố phê duyệt bao gồm: 5.735,44 km cống rãnh; 254,2 km mương, sông, kênh; 40.407 ga thu; 110.025 ga thăm các loại; 125 hồ điều hòa; 10 trạm bơm thoát nước mưa chính; 05 nhà máy, trạm xử lý nước thải.

Hệ thống thoát nước khu vực nội thành Hà Nội được phân chia thành các khu vực thoát nước chính như sau: Khu vực Tô Lịch có diện tích khoảng 77,5 km² bao gồm toàn bộ khu vực trung tâm các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai và một phần các quận Tây Hồ, Thanh Xuân.

Khu vực tả sông Nhuệ có diện tích khoảng 58 km² gồm khu vực Quận Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm và một phần Quận Tây Hồ, Huyện Thanh Trì. Thoát nước khu vực này (từ sông Tô Lịch đến sông Nhuệ) có trục thoát nước chính là các tuyến mương, kênh tiêu Hà Nội (Đông Bông 1, Đông Bông 2 hướng thoát ra sông Nhuệ; cống hóa mương Nghĩa Tân có hướng thoát ra sông Tô Lịch).

Đối với quận Hà Đông và một phần khu vực Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm: Trục thoát nước chính là sông Nhuệ và sông Đáy.

Ngoài ra khu vực Hà Đông còn thoát ra 02 nguồn tiêu chính là thoát vào kênh Ba La ra trạm bơm Khê Tang và thoát vào kênh La Khê ra trạm bơm Yên Nghĩa; Khu vực Long Biên có diện tích khoảng 62 km², trực thoát nước chính là sông Cầu Bậy.

Qua các trận mưa từ 2016-2019 với các trận mưa có lượng mưa từ 50-100mm/2h cho thấy:

Trước đây, trên các tuyến phố chính khu vực nội thành tồn tại 18 điểm úng ngập cục bộ. Ngoài ra, việc tiếp nhận bàn giao quản lý duy trì sau đầu tư theo phân cấp: Còn tồn tại các điểm ngập cục bộ trên một số tuyến thuộc thị trấn các huyện và trong các ngõ, ngách khu dân cư của 12 quận nội thành, các tuyến Thành phố lộ, quốc lộ, như: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 70 (Xuân Phương, Tây Mỗ, Đại Mỗ, Hữu Hưng, Tây Tựu, Phú Diễn), Quốc lộ 32, Quốc lộ 21B trên đường gom Đại lộ Thăng Long (đoạn Ngã ba Thiên đường Bảo Sơn - Vành đai 3,5 Lê Trọng Tấn Geleximco và tại một số vị trí hầm chui dân sinh khác tại km 8+350, km 9+800, km 10+56, km 10+325, km 11+00). Đây là những tuyến mới được tiếp nhận bàn giao theo phân cấp, hệ thống thoát nước hiện trạng hoạt động kém, chưa đồng bộ, nhiều đoạn đã xuống cấp, một số vị trí, khu vực chưa có hệ thống thoát nước đô thị gây nên tình trạng úng ngập cục bộ.

Theo số liệu Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội công bố, đến cuối năm 2020, Hà Nội đã giảm được 5/16 trọng điểm về ngập úng. Như vậy, trong năm 2021, Hà Nội sẽ còn tồn đọng 11 trọng điểm về ngập úng khi có mưa lớn. Cụ thể, 11 trọng điểm về ngập úng tại quận Hoàn Kiếm, trọng điểm ngập úng khi có mưa lớn tồn tại khó giải quyết là tại ngã tư Phan Bội Châu – Lý Thường Kiệt.

Tại quận Ba Đình, tồn tại điểm ngập úng tại phố Cao Bá Quát, đoạn trước cửa Công ty Môi trường đô thị; phố Thụy Khuê, đoạn dốc La Pho.

Tại quận Hai Bà Trưng, tồn tại điểm ngập úng trên phố Minh Khai, đoạn chân cầu Vĩnh Tuy; phố Nguyễn Chính, đoạn từ ngõ 74 đến công hóa mương Tân Mai.

Tại quận Đống Đa, còn tồn tại trọng điểm ngập úng trên phố Nguyễn Khuyến, khu vực công trường Lý Thường Kiệt; ngã năm Đường Thành – Bát Đàn – Nhà Hỏa.

Tại quận Cầu Giấy, trọng điểm ngập úng khi có mưa lớn là trên phố Hoa Bằng, đoạn từ số nhà 91 đến số 97 và từ số nhà 54 đến 56.

Ở phía tây Hà Nội, trọng điểm đại lộ Thăng Long, đoạn ngã ba Lê Trọng Tấn, hầm chui số 3, 5, 6, Km 9 + 656, nút giao An Khánh.

Tại quận Long Biên, tồn tại trọng điểm ngập úng ở đường Ngọc Lâm, từ ngã ba Long Biên 1 đến Xí nghiệp Môi trường Đô thị Gia Lâm; đường Hoàng Như Tiếp, đoạn từ trường tiểu học Ngọc Lâm đến ngã 3 Hoàng Như Tiếp – Ái Mộ.

Theo Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội, để đảm bảo thông thoáng thoát nước trong mùa mưa, đơn vị đang thực hiện nạo vét hệ thống truyền dẫn là cống, mương, kênh, sông... tại các trục tiêu thoát nước chính để khơi dòng chảy. Đồng thời sẽ tập trung sửa chữa, bảo dưỡng các trạm bơm, đập điều tiết. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành hệ thống thoát nước, cảnh báo điểm ngập úng mỗi khi trời mưa; tổ chức đóng cọc, căng dây, lắp đặt lan can cảnh báo nguy hiểm dọc bờ mương; vận hành ổn định, đảm bảo chất lượng nước đầu ra đạt tiêu chuẩn 2 trạm xử lý nước thải Kim Liên, Trúc Bạch...

2.3.6. Đặc điểm về môi trường

Công tác bảo vệ môi trường là vấn đề mà dư luận xã hội nói chung rất quan tâm, đặc biệt là trên địa bàn thành phố Hà Nội bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống và sức khỏe của người dân. Trong thời gian vừa qua, chất lượng môi trường trên địa bàn Thành phố đã có một số chuyển biến tích cực, điển hình như: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn tại khu vực đô thị đạt xấp xỉ 100%, tại khu vực nông thôn đạt 90% (vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xử lý chất thải rắn thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050); chất lượng môi trường không khí đang được kiểm soát tích cực, chỉ số AQI chủ yếu ở mức trung bình giảm đi, mức tốt tăng lên và không xuất hiện mức kém; tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom xử lý đạt 28,8%, tăng so với giai đoạn 2015-2016, cụ thể⁶:

- Ô nhiễm không khí: Trong năm 2021, chất lượng không khí (CLKK) có xu hướng cải thiện vào mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 9) và giảm vào mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 4). Nồng độ PM₁₀ và PM_{2.5} trung bình giờ cao nhất tại trạm Minh Khai trong mùa khô lần lượt là 418,4 µg/m³ và 216,8 µg/m³ cao gấp 1,4 lần mùa mưa (289,9 µg/m³ và 152,3 µg/m³). Tương tự, nồng độ PM₁₀ và PM_{2.5} trung bình giờ cao nhất trạm Chi cục Bảo vệ môi trường vào mùa khô là 371,7 µg/m³ và 217,2 µg/m³ cao gấp 2,9 lần mùa mưa đối với PM₁₀ (127,0 µg/m³) và 2,4 lần đối với PM_{2.5} (90,6 µg/m³). Trong mùa mưa, chất lượng không khí tại 02 trạm cố định trên thường xuyên duy trì mức “Tốt” và “Trung bình”, dao động trong khoảng 97,3 – 99,2%. Mùa khô, CLKK chủ yếu ở mức “Trung bình” và “Kém”, dao động khoảng 59,7 – 72,0%. Đặc biệt mùa khô có những ngày CLKK chạm ngưỡng “Rất xấu” dao động trong khoảng 1,0 – 3,5%.

⁶ Báo cáo đánh giá Sở Tài nguyên Môi trường

Chất lượng không khí tại các quận/huyện trung bình trong cả năm 2021 duy trì mức “Tốt” và “Trung bình”, chỉ số chất lượng không khí (AQI) dao động trong khoảng 20 – 70, cao nhất tại quận Bắc Từ Liêm và thấp nhất tại huyện Ứng Hòa.

- Nguồn nước mặt tại Thành phố bị ô nhiễm bởi các nguồn sau: Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 900.000 – 1.200.000 m³/ngày đêm, chiếm 81%. Lượng nước thải sinh hoạt được xử lý chiếm tỷ lệ khoảng 28,8%, còn lại hầu hết chưa được xử lý. Hiện có 08 nhà máy/ trạm xử lý nước thải tập trung đang hoạt động với tổng công suất thiết kế khoảng 296.700 m³/ngày đêm. Nước thải công nghiệp: Phát sinh khoảng 33.400 m³/ngày đêm, chiếm 3%. Có 9 khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn Thành phố, trong đó 9/9 khu công nghiệp đã có nhà máy xử lý nước thải tập trung được đi vào hoạt động. Nước thải y tế: Phát sinh khoảng 10.442 m³/ngày đêm, chiếm 1%. 100% các bệnh viện tư nhân trên địa bàn có hệ thống xử lý nước thải, 26/28 bệnh viện do Thành phố quản lý có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải làng nghề và chăn nuôi: Phát sinh khoảng 156.000 m³/ngày đêm, chiếm 15%, tỷ lệ nước thải làng nghề được thu gom xử lý chỉ chiếm khoảng 5,2%. Hiện Hà Nội có 1.350 làng nghề, trong đó 232 làng nghề được phân loại ô nhiễm và ô nhiễm nghiêm trọng, 62 làng nghề không ô nhiễm.

- Công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn tại khu vực đô thị đạt xấp xỉ 100%, tại khu vực nông thôn đạt 90%. Lượng chất thải được thu gom, xử lý khoảng 6.500 tấn/ngày, ước đạt 92,86% so với lượng phát sinh trên toàn Thành phố. CTR sinh hoạt được xử lý chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh, chiếm khoảng 98% tại 02 khu xử lý, Khu Liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, Sóc Sơn (khoảng 5.000 tấn/ngàyđêm), Khu Xử lý chất thải Xuân Sơn, Sơn Tây (khoảng 1.300 tấn/ngàyđêm) và phương pháp đốt không phát điện khoảng 2% (khoảng 200 tấn/ngày của Hợp tác xã Thành Công tại Khu Xử lý chất thải Xuân Sơn, Sơn Tây). Tình trạng đổ trộm chất thải ra môi trường vẫn còn xảy ra tại một số địa bàn giáp ranh, ảnh hưởng đến môi trường khu vực, một phần do ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn chưa cao và chưa có sự vào cuộc quyết liệt của các địa phương.

Để nâng cao chất lượng môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường: Đề án phục hồi chất lượng môi trường và phát triển hệ thống 04 sông nội đô Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét; Công tác quan trắc, phân tích các thành phần môi trường (quan trắc chất lượng nước mặt sông Nhuệ - Đáy); Đề án Thu gom, xử lý chất thải nguy hại thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án xử lý chất thải y tế nguy hại thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường; Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường, nhất là ở các làng nghề, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; Triển khai xây dựng “Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học Thành phố Hà Nội đến năm 2030”...

Từ năm 2020 đến nay, đứng trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, bên cạnh các hoạt động tích cực phòng, chống dịch theo chỉ đạo của lãnh đạo Thành phố; hoạt động thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ công tác phòng chống dịch Covid-19 cũng đã được chú trọng ngay từ đầu, nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, hạn chế các nguy cơ tác động xấu đến con người, môi trường sống. Ngay từ đầu năm 2020, khi bùng phát dịch bệnh, các giải pháp về hướng dẫn phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải có nguy cơ lây nhiễm Covid-19 đã được triển khai nhằm giảm thiểu áp lực ô nhiễm môi trường do phát sinh chất thải y tế lây nhiễm từ các khu cách ly tập trung, cách ly tại nhà và các cơ sở chữa bệnh trên địa bàn Thành phố.

III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến phòng, chống thiên tai

1.1. Hiện trạng thực thi và ban hành các văn bản pháp luật về phòng chống thiên tai các năm qua

Đề chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả; giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do các sự cố, thiên tai gây ra; bảo đảm ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; góp phần phát triển kinh tế-xã hội bền vững, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Luật, các Chỉ thị, Nghị quyết, Nghị định, Quyết định của Chính phủ về công tác PCTT&TKCN, ra quyết định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, thành viên Ban Chỉ huy với phương châm “chủ động phòng, tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả”.

Qua các năm công tác thực thi và ban hành văn bản pháp luật về phòng, chống thiên tai từ UBND Thành phố đến các cấp, ngành đã được thực hiện, triển khai đầy đủ đúng quy trình ví dụ: Ban hành và phê duyệt các Kế hoạch, phương án PCTT&TKCN; Ban hành quy chế phê duyệt Kế hoạch thu, chi Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố hàng năm; Ban hành quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Ban hành

các quy định về việc chuẩn bị dụng cụ, vật tư và hoạt động của đội tuần tra canh gác trên các điểm canh đê phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trong mùa lũ...

1.2. Đánh giá mức độ hiệu quả thực thi pháp luật

1.2.1. Kết quả thực hiện

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai, các Nghị định liên quan đến công tác phòng chống thiên tai, các Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác phòng chống thiên tai, đến nay thành phố Hà Nội đã xây dựng, kiện toàn được tương đối hoàn chỉnh hệ thống bộ máy cũng như cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phòng ngừa, ứng phó, hạn chế tới mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai, cụ thể:

- Thành phố đã chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; lực lượng phòng chống thiên tai, xây dựng theo phương châm: “3 sẵn sàng” (chủ động phòng tránh, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả), “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ, hậu cần tại chỗ). Hàng năm các quận huyện đều tiến hành kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, cơ quan tham mưu phòng chống thiên tai (PCTT) ở các cấp.

- Hoàn thiện bộ máy của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn từ cấp Thành phố, cấp huyện, và cấp xã (Ban chỉ huy) theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cấp, các ngành, của từng thành viên Ban Chỉ huy các cấp trong công tác PCTT và TKCN;

- Xây dựng triển khai các văn bản pháp luật về PCTT và TKCN, phổ biến quán triệt đến từng người dân;

- Xây dựng các kế hoạch, phương án, chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm theo phương châm “bốn tại chỗ” và “ba sẵn sàng” từ nhân dân, các cấp, các ngành nhằm đảm bảo ứng phó với các kịch bản thiên tai xảy ra.

- Rà soát cập nhật, bổ sung, hoàn thiện các phương án chủ động phòng, chống, ứng phó với thiên tai theo cấp độ thiên tai; phương án sản xuất nông lâm nghiệp thích ứng với các ảnh hưởng của thiên tai,...

- Quản lý, đầu tư, duy tu, đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo chất lượng xây dựng các dự án, công trình trọng điểm về phòng, chống sạt lở, thủy lợi để bảo vệ dân cư và ổn định sản xuất, kinh doanh.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và

quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn Thành phố, trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng, chống, ứng phó với thiên tai ở các khu vực xung yếu, đông dân cư. Tổ chức huấn luyện, diễn tập cho lực lượng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn Thành phố.

- Triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố theo từng ngành, từng lĩnh vực.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch diễn tập, tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ thuật ứng phó với các tình huống thiên tai phù hợp với đặc thù của các sở, ngành và chính quyền các cấp cũng được thành phố hằng năm đặc biệt quan tâm.

- Huy động mọi nguồn lực tài chính cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Thực hiện xã hội hóa, phát huy tốt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Thực hiện xây dựng kế hoạch thu, nộp quỹ phòng, chống thiên tai của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định về đối tượng, mức đóng góp quy định của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý quỹ phòng, chống thiên tai;

- Hằng năm, các cơ quan, đơn vị trong Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã thực hiện kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN, xây dựng kế hoạch, phương án phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương mình để tổ chức thực hiện đảm bảo an toàn, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

1.2.2. Khó khăn tồn tại trong cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai

Ngoài các việc triển khai đạt được thì trên địa bàn Thành phố còn một số khó khăn tồn tại về công tác thu, nộp Quỹ PCTT tại các địa phương, doanh nghiệp còn chậm; công tác phổ biến giáo dục, tuyên truyền pháp luật, kiến thức phòng, chống thiên tai chưa được chủ động và chưa được phổ biến rộng rãi trong cộng đồng dân cư...

2. Hệ thống chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và quy chế phối hợp

2.1. Kiện toàn ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, các ngành

Hệ thống Ban chỉ huy PCTT&TKCN được kiện toàn từ cấp thành phố đến cấp quận/ huyện/ thị xã và cấp phường/ xã. Ban chỉ huy PCTT&TKCN đã được thành lập và kiện toàn xuyên suốt từ Thành phố đến cấp xã. Các Sở, Ban, Ngành, cơ quan đoàn thể trên địa bàn thành phố cũng thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN của đơn vị mình. Cụ thể:

- Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố Hà Nội được Chủ tịch UBND Thành phố thành lập (theo điều 27, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP, ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai) trong đó Chủ tịch UBND Thành phố là Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND thành phố là Phó Trưởng ban thường trực; Giám đốc sở Nông nghiệp và PTNT là Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô là Phó trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn thiên tai.

- Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập (theo điều 28, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP) trong đó: Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban; 01 đ/c phó Chủ tịch UBND huyện làm phó ban Thường trực; Chỉ huy Trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện làm phó ban phụ trách công tác TKCN; Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng kinh tế) làm phó ban phụ trách công tác PCTT. Bộ phận giúp việc là phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế).

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã thành lập (theo điều 29, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP), trong đó: Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban; 01 đ/c Phó chủ tịch UBND xã làm Phó trưởng ban Thường trực; xã đội trưởng làm phó ban phụ trách công tác TKCN; Trưởng Công an xã làm Phó trưởng ban; Xã đội trưởng làm Phó trưởng ban phụ trách lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã.

- Các Sở, Ban ngành, cơ quan đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, các đơn vị thành lập bộ phận Thường trực PCTT và TKCN; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên theo dõi chỉ đạo công tác PCTT và TKCN. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng thường trực và các cơ quan liên quan trong quá trình triển khai thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó thiên tai và TKCN trên địa bàn khi có sự cố thiên tai xảy ra.

2.2. Cơ chế phối hợp và một số khó khăn, tồn tại

Khi có thiên tai xảy ra cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã trong công tác PCTT&TKCN. Đối với UBND cấp xã và các Sở, Ban ngành thì Ban chỉ huy PCTT&TKCN chỉ được chuẩn bị, kiện toàn trước mùa mưa, bão và tùy theo chức năng, nhiệm vụ cần thiết sẽ thành lập Ban chỉ huy PCTT&TKCN của Sở, Ban ngành.

Trên địa bàn Thành phố Hà Nội thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực Phòng, chống thiên tai; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội là Cơ quan Thường trực Tìm kiếm cứu nạn của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố; Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố được kiện toàn và ban hành

quy chế hoạt động; Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT Thành phố do Chi cục Phòng, chống thiên tai - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm, có Quy chế hoạt động, có Văn phòng thường trực, có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và được kiện toàn hàng năm. Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố nghiêm túc tổ chức chế độ trực ban theo mùa phòng, chống thiên tai và trực ban tổng hợp chung. Hàng năm được kiểm tra, rà soát, báo cáo và dự kiến trang bị theo yêu cầu thực tế.

Việc kiện toàn và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố được Chủ tịch Thành phố chỉ đạo thông qua tổng kết công tác PCTT&TKCN của năm trước và các chỉ thị, văn bản đơn đốc của UBND Thành phố và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố và được triển khai thực hiện ngay từ đầu năm. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các Quyết định kiện toàn và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố gồm: kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố; thành lập Đoàn công tác của Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố phụ trách địa bàn các quận, huyện; phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố Hà Nội; kế hoạch công tác năm của Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố. Các quận, huyện và các sở, ban, ngành có liên quan đã thực hiện tốt công tác kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN của đơn vị, địa phương mình. Hàng năm tổ chức hội nghị tổng kết công tác PCTT&TKCN, có những bài học kinh nghiệm để xây dựng phương hướng kế hoạch PCTT&TKCN cho năm tới.

Bên cạnh đó vẫn còn khó khăn vướng mắc và tồn tại như nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực phòng chống thiên tai còn nhiều hạn chế về cả số lượng và chuyên môn đặc biệt là ở cấp huyện và cấp xã. Đa số cán bộ phụ trách tại cấp huyện và cấp xã đều phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, thường xuyên có sự luân chuyển công tác do đó trong công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ còn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, chưa có định mức chi cụ thể cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực phòng chống thiên tai, tiền lương và mức hỗ trợ còn rất thấp chưa tương xứng với nhiệm vụ thực hiện.

3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

Công tác dự báo, cảnh báo sớm phục vụ phòng, chống thiên tai trong thời gian qua đã đảm bảo thông tin chính xác, kịp thời; tần suất phát hành các bản tin dự báo, cảnh báo dày hơn. Tuy nhiên, việc dự báo, cảnh báo cũng đang đảm bảo được tính chính xác tương đối ở các dự báo dài hạn và trung hạn, cần tiếp tục nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo ngắn hạn để đáp ứng trong công tác chỉ đạo phòng, chống thiên tai. Một số loại hình thiên tai như dông, lốc, sét, mưa

đá... xảy ra nhanh, quy mô nhỏ cũng khó dự báo, cảnh báo về thời gian và khu vực bị ảnh hưởng.

Việc dự báo, cảnh báo sớm về thiên tai trên địa bàn Thành phố Hà Nội dựa vào thông tin dự báo của cơ quan khí tượng thủy văn; Phương thức cung cấp thông tin, dữ liệu đánh giá, dự báo, cảnh báo; Ứng dụng các phần mềm giám sát để dự báo của TW; Hệ thống thiết bị đo mực nước sông, hồ của Thành phố...

3.1. Công tác theo dõi diễn biến thời tiết KTTV

Việc dự báo, cảnh báo sớm về thiên tai trên địa bàn Thành phố dựa vào các bản tin dự báo, cảnh báo của trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố. Dự báo, cảnh báo sớm thời tiết nguy hiểm là giải pháp đặc biệt quan trọng trong công tác phòng, chống thiên tai. Tuy nhiên, chất lượng các bản tin dự báo, cảnh báo hiện nay vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Về mạng lưới các trạm khí tượng, thủy văn hiện có trên địa bàn thành phố Hà Nội đều là các trạm do Trung tâm Khí tượng thủy văn Quốc gia quản lý với các số liệu đầy đủ, đạt độ tin cậy, chính xác (03 trạm khí tượng: Láng, Hà Đông và Ba Vì; 04 trạm thủy văn: Trung Hà, Sơn Tây, Hà Nội và Thượng Cát). Ngoài ra còn có các trạm từ nguồn xã hội hóa về đo mưa, đó là: 17 trạm đo mưa tự động; 25 điểm đo mưa nhân dân. Trong việc đo ô nhiễm và các chỉ số về môi trường, Thành phố Hà Nội có 01 Trạm Thủy văn Môi trường Hà Nội; 01 Trạm Môi trường Hà Nội với thiết bị hiện đại và độ chính xác⁷.

Trạm Khí tượng Thủy văn tinh căn cứ trên các số liệu quan trắc của các trạm khí tượng thủy văn (KTTV) trên địa bàn và khu vực, sử dụng các sản phẩm dự báo của Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia (KTTVQG), Đài KTTV Khu vực Đông Bắc; tham khảo các mô hình dự báo trong và ngoài nước, ảnh mây vệ tinh và kết hợp các phương pháp phân tích, thống kê ... để phục vụ công tác dự báo, cảnh báo KTTV các hạn ngắn, hạn vừa và dài.

Các bản tin dự báo, cảnh báo Khí tượng Thủy văn nguy hiểm được cảnh báo trước 6-72 giờ tùy từng loại bản tin. Với bản tin hàng ngày dự báo sớm trước 12-24 giờ. Với chất lượng dự báo các hạn phổ biến 75-85%.

3.2. Phương thức cung cấp thông tin, dữ liệu đánh giá, dự báo, cảnh báo

Đài Phát thanh và Truyền hình phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT& TKCN Thành phố, Trạm Khí tượng Thủy văn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và truyền thông, báo trong việc tuyên truyền phổ biến kiến thức về KTTV.

⁷ Báo cáo số 515/BC-KTTVQG ngày 06/6/2016 tại buổi làm việc của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân TP Hà Nội.

Đưa tin bài, thực hiện các phóng sự ngay khi có các hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra trên địa bàn thành phố. Khi có mưa bão, lũ xảy ra Đài phát thanh – truyền hình sẽ phát sóng thông tin và chủ động bố trí phương tiện cùng kíp phóng viên sẵn sàng lên đường phản ánh thông tin về tình hình thiên tai sớm nhất đến cho người dân và ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Thành phố, đưa tin kịp thời đến các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai.

Công tác cảnh báo dự báo các hiện tượng thời tiết cực đoan như giông, lốc, lũ quét, lũ ống, mưa đá còn gặp rất nhiều khó khăn vì những hiện tượng thời tiết này thường xảy ra nhanh và trên phạm vi hẹp. Vì vậy thông tin cảnh báo mới dừng lại ở mức độ cảnh báo chung cho một khu vực, 1 huyện hoặc khoanh vùng các xã có nguy cơ cao xảy ra thiên tai. Các bản tin cảnh báo đồng là bản tin hạn cực ngắn, thường được ban hành trước khi hiện tượng xảy ra từ 30 phút - 3 giờ.

3.3. Ứng dụng phần mềm giám sát để dự báo

Để đảm bảo công tác dự báo, cảnh báo thiên tai được nhanh chóng và kịp thời Thành phố Hà Nội đã ứng dụng thông tin cảnh báo trên điện thoại thông minh như app "thông tin phòng, chống thiên tai", "Vrain", duy trì vận hành hệ thống nhắn tin SMS đến cấp xã, sử dụng thường xuyên hệ thống VNDMS "Giám sát thiên tai Việt Nam". Nhưng việc chuyển giao công nghệ mới, bổ sung trang thiết bị hiện đại cho các đơn vị trực thuộc; nâng cấp hệ thống đường truyền để bảo đảm dữ liệu được thông suốt cũng còn gặp nhiều khó khăn.

3.4. Hệ thống thiết bị đo mực nước sông, hồ của Thành phố

Lắp đặt bổ sung một số trạm đo mưa tự động, đo mực nước lấy thông tin bổ sung từ hệ thống các trạm đo mưa, trạm đo mực nước chuyên dùng trên thượng nguồn, trên các sông và các hồ chứa thủy điện của thượng du Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Tuyên Quang.

4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị, lực lượng phục vụ phòng, chống thiên tai

Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được quản lý bởi các cơ quan có thẩm quyền, chủ yếu gồm xe cứu thương, xe cứu hộ cứu nạn, xuồng, nhà bạt, phao các loại, các loại trang thiết bị khác như máy phát điện, máy bơm CC, loa cầm tay, máy bộ đàm, thiết bị âm thanh đa năng, thiết bị định vị, ống nhòm, máy ảnh các loại, bình khí oxy ... ngoài ra các cơ quan, đơn vị tự mua sắm một số trang thiết bị khác để thực hiện công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của cơ quan, đơn vị.

Các lực lượng thường trực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thường xuyên kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị, kịp thời sửa chữa, bổ

sung thay thế trang thiết bị hư hỏng đảm bảo đúng, đủ số lượng trang thiết bị phục vụ yêu cầu công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Bộ Tư lệnh thủ đô, công an Thành phố chủ động rà soát các kế hoạch cháy nổ, sập đổ công trình để có phương án kịp thời đối phó khi có tình huống xảy ra, luôn chủ động trong công tác điều chỉnh, bổ sung phương án theo kế hoạch, đồng thời tổ chức huấn luyện, luyện tập, diễn tập theo các phương án đã xác định; luôn duy trì quân số, vật chất, phương tiện trực theo đúng kế hoạch, phương châm “4 tại chỗ” sẵn sàng cơ động thực hiện nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra.

Khi thiên tai xảy ra, ngoài các trang thiết bị của lực lượng thường trực còn có thể trưng dụng các trang thiết bị của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

5. Công tác ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Sử dụng các lực lượng quân đội, công an, y tế, Hội Chữ thập đỏ, Hội Phụ nữ, lực lượng xung kích, thanh niên tình nguyện, Hội nông dân, các đoàn thể, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Trong đó quân đội, công an, xung kích là lực lượng đóng vai trò nòng cốt ở các cấp; chủ lực trong công tác phòng chống, ứng phó, sơ tán, giúp dân di dời, chống tràn, khơi thông dòng chảy, cứu hộ, cứu nạn, thông tin kịp thời tới người dân và khắc phục bước đầu sau thiên tai trên địa bàn thành phố, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Các đơn vị tập trung lực lượng, phương tiện sẵn sàng khi có lệnh, chủ động ứng cứu trên từng địa bàn các quận huyện, xã phường thậm chí trực chiến ở những khu vực ngập lũ bị cô lập chia cắt như khu vực Chương Mỹ, Mỹ Đức và khu vực xung yếu, địa bàn trọng điểm khi mưa lớn, lũ, ngập lụt, ngập úng.

Lực lượng dân quân, tự vệ và đội xung kích được tổ chức biên chế chặt chẽ phù hợp với tình hình hoạt động ở từng địa phương. Thường xuyên xây dựng điều chỉnh, bổ sung hệ thống kế hoạch sát với tình hình thực tế của thành phố.

Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tiếp tục kiện toàn tổ, đội xung kích PCTT&TKCN, sẵn sàng tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc cơ quan, đơn vị và ứng cứu cho các địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng của mưa lớn, lũ, ngập lụt, ngập úng và sạt lở bờ sông.

Khi có thiên tai xảy ra, công tác ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đã nhất quán từ thành phố đến các quận, huyện ví dụ như Hà Nội là thành phố duy nhất có tuyến đê cấp đặc biệt chạy qua bảo vệ cho thủ đô, còn các tuyến đê cấp I của tả Đáy, cấp I của tả, hữu sông Hồng, sông Đuống bảo vệ cho các quận, huyện của Thành phố nên công tác trực ban, tuần tra, canh gác tổ chức rất bài bản và chặt chẽ. Khi có sự cố đê điều, UBND các cấp huy động ngay các vật tư, phương tiện, nhân lực tại chỗ trên địa bàn kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả.

Trong thời gian mùa mưa, lũ, cán bộ các Đội Quản lý đê trực 24/24 và có sự hỗ trợ lực lượng tuần tra canh gác trực tại các điểm canh đê, thường xuyên thay ca nhau đi kiểm tra đê để phát hiện các sự cố, hồng hóc đảm bảo kịp thời phát hiện và xử lý giờ đầu. Trên địa bàn cấp xã còn có cán bộ quản lý đê nhân dân. Khi có thiên tai được huy động, lực lượng cứu hộ đê luôn sẵn sàng.

6. Thông tin, truyền thông trong Phòng, chống thiên tai

UBND các cấp và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời, chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân vùng thiên tai, đặc biệt vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai.

6.1. Về hiện trạng hệ thống viễn thông, thông tin liên lạc

- Trên toàn thành phố hiện nay có 05 doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động, kinh doanh cung cấp dịch vụ viễn thông; mạng thông tin di động đã phủ sóng đến 100% địa bàn, 30/30 quận huyện của thành phố đã có đủ hệ thống di động phủ sóng để cập nhập tình hình thông tin.

- Hạ tầng truyền dẫn cáp quang hầu như kết nối từ trung tâm tỉnh đến 100% các xã phường, thị trấn. Cáp quang đã được kéo đến 30/30 quận huyện của thành phố Hà Nội.

6.2. Công tác thông tin, truyền thông trong phòng chống thiên tai

Truyền tin về công tác chỉ đạo, chỉ huy: UBND các cấp và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp có trách nhiệm phổ biến nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân. Phương thức truyền phát văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thông qua: Văn bản điện tử, fax, email, hệ thống truyền hình, phát thanh, hệ thống thông tin cảnh báo sớm, truyền đạt trực tiếp và các hình thức khác.

- Truyền tin về thiên tai và công tác chỉ đạo, chỉ huy đến tổ chức, cá nhân thông qua Đài Phát thanh - Truyền hình và các hệ thống thông tin khác.

- Thông tin về phòng chống thiên tai được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; lên các trang fanpage của Văn phòng Thường trực BCH PCTT&TKCN thành phố và các trang thông tin điện tử, mạng xã hội khác.

- Lồng ghép thông tin phòng, chống thiên tai vào các Hội nghị, hội thảo, tập huấn tuyên truyền, các buổi sinh hoạt tổ dân phố, các giờ học ngoại khóa cho học sinh của trường học.

- Các buổi hội thảo, tập huấn về phòng, chống thiên tai có sự tham gia của báo chí, phát tờ rơi, băng rôn, khẩu hiệu để đẩy mạnh thông tin về phòng, chống thiên tai đến mọi người.

- Phương thức thông tin, tuyên truyền văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thông qua: Văn bản điện tử, fax, email, SMS, Internet, hệ thống phát thanh, truyền hình, hệ thống thông tin cảnh báo sớm, truyền đạt trực tiếp, mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng bưu chính công cộng và các hình thức khác...

7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong Phòng, chống thiên tai

Do thiên tai ngày càng diễn biến bất thường, với nhiều loại hình khác nhau ở Việt Nam nói chung và Thành phố Hà Nội nói riêng, nên để chủ động ứng phó với tình trạng này, việc đẩy mạnh vai trò của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai cần được coi trọng. Thực hiện Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành kế hoạch thực hiện, theo đó, các xã, phường, thị trấn đã thành lập các đội xung kích PCTT cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt. Thực hiện tốt phương châm "3 sẵn sàng, 4 tại chỗ, 5 không" trong PCTT và xây dựng cộng đồng an toàn gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong công tác triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng", một số xã đã thành lập được nhóm nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng thực hiện công tác đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và hỗ trợ tham mưu cho chính quyền xã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai dựa vào cộng đồng.

Để nâng cao nhận thức cho người dân về phòng chống thiên tai, quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng, Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT thành phố Hà Nội đã tổ chức "Khóa đào tạo về chính sách, cơ chế và hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" giai đoạn 2009-2020". Bên cạnh đó, để đáp ứng được những tình huống khẩn cấp thiên tai, trong nhiều năm trở lại đây, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố đã tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp. 100% cán bộ tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai các cấp được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN 30/30 quận, huyện, thị xã đã tổ chức tập huấn, huấn luyện nâng cao năng lực về PCTT&TKCN cho các lực lượng trên địa phương: Tập huấn công tác tuần tra canh gác cho lực lượng

trên các điểm canh đê và lực lượng quản lý đê nhân dân; tập huấn kỹ thuật hộ đê, cứu hộ, cứu nạn đối với các quận, huyện có đê.

Các cơ quan truyền thông của Thành phố thường xuyên tuyên truyền trên báo địa phương và Đài phát thanh, truyền hình về cảnh báo thiên tai, tuyên truyền các công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai trên sóng truyền hình đảm bảo thông tin đến được với tất cả người dân trên địa bàn thành phố, ngoài ra còn được tuyên truyền trên các báo in, báo mạng và được phổ biến trong các buổi sinh hoạt cộng đồng; các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng phòng chống thiên tai, Qua đó người dân được nâng cao nhận thức về tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố, một số các chương trình cụ thể đã được triển khai như:

+ Xây dựng, phát triển năng lực nghiên cứu, giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai. Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu, cho giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

+ Ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học để tạo các giống cây, con mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu với sâu bệnh và có khả năng thích nghi điều kiện biến đổi khí hậu.

+ Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn; Tăng cường hệ thống kiểm soát, dự báo, phòng chống cháy rừng; nghiên cứu nâng cao tích lũy các bon ở các loại rừng tự nhiên tại các khu bảo tồn thiên nhiên và Vườn quốc gia (Vườn Quốc gia Ba Vì, các Khu bảo tồn loài - sinh cảnh...)

+ Khuyến khích phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao thích ứng với điều kiện BĐKH như: sử dụng giống chịu hạn có năng suất, chất lượng cao, chuyển đổi cơ cấu cây trồng có nhu cầu nước ít hơn (so với lúa) và có giá trị kinh tế cao, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

+ Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, lĩnh vực. Có phương án chủ động xử lý tình huống xấu nhất ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống dịch bệnh; chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của lũ lụt, bão và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

+ Người dân được nâng cao kỹ năng phòng chống thiên tai, ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn thông qua các đợt diễn tập hàng năm do Ban chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố, Ban chỉ huy PCTT&TKCN các quận, huyện, xã thực hiện Diễn tập ứng phó bão lụt và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tại một số xã trọng điểm thiên tai; phối hợp Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Ban chỉ huy Quân sự huyện, Ủy ban nhân dân các huyện, xã tổ chức diễn tập Ứng phó cháy rừng và tìm kiếm

cứu nạn cấp xã tại các xã.

- Việc thực hiện các chương trình truyền thông và Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng của tỉnh đã giúp cho người dân nâng cao một bước về nhận thức trong công tác phòng ngừa và ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố luôn chủ động phương tiện sẵn sàng ứng phó với thiên tai, đảm bảo trong tình trạng hoạt động tốt khi có tình huống xảy ra. Đồng thời xây dựng mối quan hệ phối hợp đồng bộ, theo phương châm "Không được lơ là, chủ quan, luôn luôn chủ động, sẵn sàng trong mọi tình huống". Chính vì vậy, trong các đợt thiên tai xảy ra việc huy động nguồn lực như phao cứu sinh, các phương tiện ứng cứu luôn được các doanh nghiệp đóng trên địa bàn sẵn sàng đóng góp, hỗ trợ. Về nguồn nhân lực luôn được các đơn vị bộ đội, công an đóng trên địa bàn điều động giúp đỡ trong quá trình xảy ra thiên tai và giai đoạn tái thiết phục hồi.

Trong giai đoạn tiếp theo thành phố cần tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch nâng cao nhận thức, kiến thức cho người dân, đặc biệt là người dân thuộc xã, phường, thị trấn nằm trong vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai trên địa bàn của thành phố. Tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về thiên tai đến với người dân và chính quyền các cấp luôn được thành phố, các sở, ngành và địa phương quan tâm, tổ chức thực hiện thông qua nhiều hình thức, nội dung phong phú.

8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

Công trình PCTT bao gồm trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn, địa chấn, cảnh báo thiên tai; công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở; khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, nhà kết hợp sơ tán dân và công trình khác phục vụ cho phòng, chống thiên tai do Nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng⁸.

Trong 5 năm gần đây, các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được đầu tư, xây dựng để đảm bảo khai thác tối đa và góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt công tác dự báo, cảnh báo, công tác truyền tin thiên tai và các công trình bảo vệ đê điều cho các tuyến đê trong thành phố Hà Nội và các công trình giảm ngập bảo vệ thủ đô Hà Nội.

8.1. Trạm quan trắc khí tượng, thủy văn

Hiện tại hệ thống quan trắc và dự báo khí tượng, thủy văn luôn theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn. Các công trình đo đạc, quan trắc của các trạm đã được kiên cố hoá, máy móc, thiết bị đo đạc lạc hậu, thủ công đã

⁸ Luật Phòng chống thiên tai 2013 và luật PCTT và đê điều sửa đổi năm 2020

dần được thay thế bằng các thiết bị hiện đại, tự động và bán tự động. Đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin dự báo khí tượng, thủy văn phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai của thành phố.

Các trạm khí tượng và các trạm thủy văn của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã đầu tư đồng bộ theo hướng hiện đại, trong đó tập trung đầu tư hệ thống quan trắc tự động nhằm bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác các số liệu, ngành Khí tượng thủy văn từng bước đáp ứng yêu cầu cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn phục vụ phòng, chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường của cả nước nói chung và thủ đô Hà Nội nói riêng.

Về các trạm Khí tượng: Mạng lưới của khí tượng đã trải đều trên các khu vực từ Ba Vì đến vùng nội đô, các huyện, thị ngoại thành Hà Nội đều đã có và nâng cấp gồm: Trạm Láng; Trạm Hà Nội (Láng Thượng, Đống Đa); Ba Vì (Tản Lĩnh, Ba Vì); Sơn Tây (Quang Trung, TX Sơn Tây); Hà Đông (Ba La, Hà Đông); Hoài Đức (TT Nhôn, Hoài Đức).

Các trạm thủy văn: Các dòng sông chính trên địa bàn thành phố, có các trạm đo mực nước, lưu lượng: Trạm Hà Nội trên sông Hồng (P. Phúc Tân - Q. Hoàn Kiếm); trạm Thượng Cát trên sông Đuống (Thượng Thanh - Long Biên); trạm Sơn Tây trên sông Hồng (Viên Sơn - Thị xã Sơn Tây); trạm Trung Hà trên sông Đà (Thái Hòa - Ba Vì); trạm Ba Thá trên sông Đáy (Viên An - Ứng Hòa), trong đó có trạm Trung Hà, Sơn Tây, Hà Nội, Thượng Cát đo các yếu tố lưu lượng, mực nước, bùn cát đảm bảo để tính toán các mô hình ứng với các loại tần suất theo cấp độ RRTT.

Ngoài ra trên các sông khác chảy qua Hà Nội hoặc chảy trong nội đô đều có các trạm thủy văn đo mực nước, một số trạm như sau:

Trên sông Kim Ngưu có các trạm tại cống Lò Đức, thượng lưu cống quay; Tại Trạm bơm Yên Sở có các trạm đo mực nước (7 điểm đo); trên sông Tô Lịch có 2 điểm đo, sông Nhuệ có 4 điểm đo, ngoài ra tất cả các sông nội đô đều có trạm đo mực nước để dự báo, cảnh báo khi có mưa lớn.

Trên các hồ, đặc biệt là các hồ trong nội đô đều đặt các trạm đo mực nước như các Hồ Thành Công, Xã Đàn, Giảng Võ, Hoàn Kiếm, Trúc Bạch.

Các trạm đo đều là trạm tự động, có thể theo dõi trực tiếp theo thời gian thực. Việc lắp đặt trạm tự động mới chủ yếu cho nội đô và các sông lớn trong nội đô. Đối với các trạm đo tại các huyện cần phải nâng cấp, trang bị các trạm đo có độ tin cậy cao, thống nhất và đồng bộ với các trạm trong nội đô.

Qua đây cho thấy hệ thống các trạm đo khí tượng thủy văn đã và đang được hiện đại hóa, đồng bộ, thống nhất đảm bảo độ chính xác. Tập trung theo dõi, quan trắc mọi diễn biến về thời tiết, thủy văn trên địa bàn thành phố, chất lượng công tác dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn, thiên tai hàng ngày và đặc biệt là các hiện tượng thời tiết, thủy văn nguy hiểm như lượng mưa liên quan đến lũ lụt và ngập nội đô. Nhiệt độ, độ ẩm liên quan đến nắng nóng đã đảm bảo tốt các thông số và phát bản tin theo đúng quy định.

Giai đoạn 2022-2025, cần tiếp tục đầu tư hiện đại hoá, tự động hóa hệ thống quan trắc, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai. Đẩy mạnh xã hội hoá một số hoạt động khí tượng thủy văn, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phòng, chống thiên tai.

8.2. Hiện trạng hệ thống công trình đê điều và công trình thủy lợi

8.2.1. Hiện trạng hệ thống công trình đê điều

- Đánh giá hiện trạng các tuyến đê:

Theo báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ năm 2022, trên địa bàn thành phố hiện có 626,513 km đê đã được phân cấp, trong đó có 37,709 km là đê cấp đặc biệt trên tuyến đê Hữu Hồng bảo vệ trực tiếp cho thủ đô Hà Nội; có 249,578 km đê cấp I, 45,004 km đê cấp II, 72,165 km đê cấp III là những tuyến đê bảo vệ cho các vùng dân cư, kinh tế quan trọng. Trên địa bàn thành phố còn có 160,016 km đê cấp IV, 62,041 km đê cấp V và 41 tuyến đê bao, đê bồi, đê chuyên dùng với tổng chiều dài 213,93 km chưa được phân cấp⁹.

Trên các tuyến đê còn có hệ thống kè bảo vệ cho các khu vực sát lở vào khu dân cư, hoặc sát lở gần sát chân đê. Hệ thống kè mở hàn để giảm tác động của dòng chủ lưu áp sát chân đê. Hệ thống giếng giảm áp để giảm áp lực nước khi mực nước sông lên cao ở những vị trí có nền đê yếu thể hiện qua các con số sau:

- Về các công trình bảo vệ bờ: Trên các tuyến đê có 179 kè lát mái hộ bờ với tổng chiều dài là 218,92 km (Hữu Đà 7 kè, Hữu Hồng 36 kè, Vân Cốc 4 kè, Tả Hồng 13 kè, Hữu Đuống 10 kè, Tả Đuống 30 kè, Tả Đáy 30 kè, Hữu Cầu 7 kè, Hữu Cà Lò 6 kè, Tả Cà Lò 16 kè). Trên tuyến đê cấp IV: Hữu Đáy 22 kè, Tả Tích 3 kè, Tả Bùi 10 kè, Hữu Bùi 4 kè.

- Về Hệ thống Giếng giảm áp (GGA) trên tuyến đê Hữu Hồng gồm 279 giếng, trong đó: huyện Phúc Thọ có 56 GGA; huyện Đan Phượng có 16 GGA; quận Bắc Từ Liêm có 55 GGA; quận Hoàng Mai có 90 GGA; huyện Thanh Trì có 62 GGA.

⁹ Quyết định số 2207/QĐ-BNN-TCTL ngày 13/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phân cấp đê

- Về các công trên các tuyến đê còn có 201 công qua đê (trong đó có 127 công ổn định, 41 công cần sửa chữa, 10 công cần xây mới, 19 công đã hoành triệt, 02 công đề nghị hoành triệt, 01 công đang thi công); 364 điểm canh đê; 17 Hạt Quản lý đê; cùng 74 điểm kho, bãi vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão.

8.2.2. Hiện trạng công trình thủy lợi

Các công trình thủy lợi góp một phần không nhỏ vào giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, các hồ chứa nước tham gia cắt lũ để giảm ngập cho hạ du, điều tiết nước cho mùa cạn. Các trạm bơm tham gia lấy nước cho các kênh mương và bơm nước hỗ trợ rút nước ở các vùng ngập. Những công trình này đã góp phần làm nên sự bình yên của thành phố Hà Nội nói riêng và đất nước nói chung.

- Về hồ chứa nước:

Trên địa bàn thành phố hiện có 117 đập, hồ chứa nước¹⁰, trong đó có 09 đập, hồ chứa nước thủy lợi lớn; 20 đập, hồ chứa nước thủy lợi vừa và 88 đập, hồ chứa nước thủy lợi nhỏ các công trình đập, hồ chứa nước tập trung trên địa bàn thị xã Sơn Tây và các huyện: Ba Vì, Sóc Sơn, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Thạch Thất và Quốc Oai. Công ty Đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội quản lý 26 đập, hồ chứa nước; Công ty Thủy lợi Sông Tích quản lý 69 đập, hồ chứa nước, Công ty Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Đáy quản lý 22 đập, hồ chứa nước.

Một số hồ lớn đã được nâng cấp sửa chữa: Hồ Đầm, hồ Vông (huyện Ba Vì), hồ Lập Thành (huyện Quốc Oai), các hồ Đồng Đò, Đền Sóc, Kèo Cà, Ban Tiện (huyện Sóc Sơn). Hồ Suối Hai, hồ Mèo Gù (huyện Ba Vì), hồ Văn Sơn (huyện Chương Mỹ), hồ Quan Sơn (huyện Mỹ Đức) đã hoàn thành phục vụ sản xuất và PCTT.

Ngoài ra còn các hồ chứa vừa và nhỏ có dung tích dưới 1 triệu m³ và các đập nhỏ cơ bản đảm bảo đảm bảo an toàn và phục vụ sản xuất. Công tác bảo trì, duy tu, bảo dưỡng đập, tràn, cống lấy nước được thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành. Trong các năm 2015, 2016 đã sửa chữa nâng cấp các hồ xung yếu gồm: Hồ Đồng Đò, hồ Đồng Quan, Kèo Cà huyện Sóc Sơn; Hồ Lập Thành huyện Quốc Oai; hồ Đầm, hồ Vông huyện Ba Vì. Các công trình đã hoàn thành, đảm bảo an toàn phục vụ sản xuất năm 2020 và các năm tiếp theo.

Hiện còn một số hồ chưa được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp. Một số đập, hồ nhỏ nhận bàn giao từ các huyện về đa phần xuống cấp gồm: hồ Thố Bìn (Ba Vì), hồ Canh Nhím có hiện tượng thấm mạnh, lòng hồ bồi lắng... Hồ Lò Sả lòng hồ bồi lắng; hồ Thanh Sơn, Anh Bé mái đá thượng lưu đã bị sụt lún, máy đóng mở

¹⁰ Quyết định số 4412/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND TP Hà Nội ban hành danh mục đập, hồ chứa lớn, vừa và nhỏ trên địa bàn TP Hà Nội

bị kẹt, vận hành khó khăn... Đập Đồng Dấu, đập Vai Xi... một số hạng mục bị xuống cấp cần có kế hoạch tu sửa trong giai đoạn tới.

- Trạm bơm điện: Tổng số 1.837 trạm với 4.139 máy bơm các loại (1.264 trạm bơm tưới với 1.898 máy bơm các loại; 244 trạm bơm tiêu với 1.069 máy bơm các loại; 329 trạm bơm tưới tiêu kết hợp với 1.172 máy bơm các loại).

- Về các trục cấp và tiêu thoát nước:

+ Hệ thống Sông Nhuệ dài 113,6 km lấy nước trực tiếp từ sông Hồng, cấp nước tưới 43.694 ha và tiêu nước 107.000 ha trên địa bàn liên thành phố Hà Nội, Hà Nam.

- Hệ thống kênh mương: Hệ thống kênh gồm 6.393 tuyến kênh các cấp với tổng chiều dài gần 3.635,28 km. Nhìn chung các tuyến kênh tương đối ổn định, tuy nhiên hệ thống kênh mương qua nhiều năm đưa vào khai thác đến nay đã bị xuống cấp. Bờ, mái kênh sạt lở, lòng kênh bị bồi lắng làm giảm khả năng dẫn nước. Nguồn nước bị ô nhiễm nặng do tình trạng xả rác thải, phế thải, nước thải làng nghề chưa qua xử lý đổ trực tiếp vào kênh mương. Qua kiểm tra một số tuyến kênh lòng kênh bị bồi lắng, bờ mái kênh bị sạt lở cần nạo vét, tu sửa, gồm: Kênh Cầu Ngà, Sông Pheo, Kênh Hòa Bình, Kênh Đồng Trì - Đông Mỹ, Kênh Siêu Quân, Kênh Đông.

8.2.3. Tình hình đầu tư xây dựng công trình đê điều, công trình thủy lợi

Việc đầu tư xây dựng các công trình đê điều, công trình thủy lợi những năm qua được lãnh đạo Thành phố rất chú trọng để đảm bảo cho người dân, các hoạt động về kinh tế an toàn nhất khi xảy ra thiên tai.

- Công trình đê điều đã duy tu bảo dưỡng hệ thống đê điều bao; Nâng cấp hạ tầng và trang thiết bị quản lý, điểm canh đê, trụ sở hạt quản lý đê, kho vật tư; Xử lý các công trình cấp bách và triển khai dự án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đê điều hệ thống sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Cầu, sông Cà Lồ... Dọc theo các tuyến đê còn có các công trình hỗ trợ để bảo vệ không những an toàn cho tuyến đê mà còn làm nhiệm vụ hỗ trợ tiêu, thoát nước khi ngập cục bộ phía trong đê, lấy nước tưới cho mùa cạn. Các Hạt Quản lý đê và các điểm canh đê là trụ sở tuần tra canh gác phát hiện sự cố các công trình đê và phụ trợ; dọc theo tuyến đê có điểm kho, bãi vật tư dự trữ phòng chống lụt bão để kịp thời ứng cứu khi có sự cố về đê điều, một trong bốn biện pháp tại chỗ của phòng chống thiên tai. Qua kiểm tra, đánh giá và quá trình theo dõi, quản lý cũng như thực tế xử lý sự cố đê điều trong các mùa lũ trên các tuyến đê. Năm 2022 thành phố Hà Nội xác định còn 05 trọng điểm (1-Đê, kè, cống Xuân Canh, Long Từ (Tả Đuống), huyện Đông Anh; 2-Cống Liên Mạc (Hữu Hồng), quận Bắc Từ Liêm; 3-Cống Cẩm Đình, (Vân Cốc), huyện Phúc Thọ; 4-Đê, kè, cống Cẩm Hà, Tân

Hung - Bắc Phú (Hữu Cầu), huyện Sóc Sơn); (5)- Sự cố nứt đê tại K46+160 đê hữu Hồng, huyện Đan Phượng) và 16 vị trí xung yếu. Từ hiện trạng các công trình nêu trên thì việc ưu tiên đầu tư các dự án xử lý kè chống sạt lở ở những vị trí xung yếu nhằm đảm bảo ổn định bờ sông, an toàn cho các khu dân cư sinh sống ngoài bãi sông; các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đê theo quy hoạch kết hợp mặt đê làm đường giao thông và hành lang chân đê đáp ứng phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện nay.

- Công trình thủy lợi đã duy tu bảo dưỡng hệ thống thủy lợi như cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các trạm bơm; nạo vét, tu bổ hệ thống kênh tưới, kênh tiêu kinh phí, cống tưới; tiếp tục triển khai Dự án tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì và Dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây Thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa). Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi phục vụ chuyên đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; cải tạo, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh, bờ kênh kết hợp giao thông (đa mục tiêu) để đảm bảo phục vụ sản xuất, giao thông đi lại phục vụ sản xuất và phát triển kinh tế xã hội của khu vực.

- Về hồ chứa các sự cố hư hỏng lớn đã được đầu tư xử lý trong những năm gần đây, hiện các hồ cơ bản ổn định đảm bảo an toàn phục vụ sản xuất và chống úng ngập hạ du trong lưu vực hồ đảm nhiệm.

- Các công trình trọng điểm của thành phố đang được quan tâm, trú trọng theo dõi và hàng năm có kiểm tra, rà soát để đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động.

8.3. Hệ thống điện, thông tin liên lạc trong công tác phòng, chống thiên tai

8.3.1. Hệ thống lưới điện trong công tác PCTT

Để sẵn sàng ứng phó với các sự cố có thể xảy ra trên hệ thống lưới điện, nhất là trước, trong và sau mùa mưa bão hằng năm, Công ty Điện lực Hà Nội đều tiến hành đầu tư sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện lưới trên toàn thành phố; bên cạnh đó, tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành an toàn hành lang lưới điện, cảnh báo, nâng cao nhận thức của người dân, các cơ quan, doanh nghiệp để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản khi có thiên tai xảy ra.

Hệ thống điện phải đảm bảo đủ, đáp ứng thông tin liên lạc trong thiên tai được thông suốt. Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội đã thành lập cụm phối hợp trong công tác PCTT&TKCN giữa các đơn vị điện lực trên địa bàn để linh hoạt phối hợp với nhau trong các tình huống do thiên tai gây ra. Đồng thời, chủ động trong việc khắc phục vật tư, phương tiện, triển khai các cụm điện lực gần nhau trong công tác cứu nạn kịp thời. Diễn tập thực tế tại hiện trường để

nâng cao kỹ năng xử lý tình huống do thiên tai gây ra, xây dựng kịch bản các trường hợp như giông, lốc, ngập, lụt, mưa lớn, mưa đá, sạt lở đất... đề ra các phương án xử lý cụ thể trong từng trường hợp.

Đặc biệt với hệ thống cung cấp điện cho các trạm bơm tiêu úng, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội phối hợp với các ngành Nông nghiệp, Xây dựng, UBND các quận, huyện, thị xã kiểm tra, rà soát toàn bộ với các trạm lớn như: Yên Sở, Đông Mỹ, Hoà Bình, Yên Nghĩa... trên cơ sở đó tiến hành duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời những hư hỏng; bổ sung công suất điện cho các trạm bơm mới được nâng cấp, đảm bảo đáp ứng điện cho yêu cầu bơm tiêu khi úng ngập xảy ra.

8.3.2. Hệ thống thông tin liên lạc trong công tác PCTT

Trong nhiệm vụ phục vụ PCTT, UBND Thành phố giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng, tổ chức các phương án đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT&TKCN với các nội dung:

Đảm bảo hệ thống cơ sở hạ tầng ngành Thông tin và Truyền thông luôn được chuẩn bị đầy đủ, vận hành an toàn, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có tình hình mưa bão, sự cố thiên tai trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Ban Chỉ huy PCTT&TKCN ngành Thông tin và Truyền thông xác định việc chuẩn bị và triển khai phương án, kế hoạch phải được thực hiện đầy đủ theo phương châm: “Chủ động phòng tránh - Đối phó kịp thời - Khắc phục khẩn trương và có hiệu quả” trong đó lấy phòng tránh là chính với nguyên tắc “4 tại chỗ” và “3 sẵn sàng” để giảm nhẹ đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Thống nhất trong việc chỉ đạo, điều hành và phối hợp chặt chẽ giữa Ban chỉ huy PCTT&TKCN ngành, các đơn vị, doanh nghiệp trong ngành; huy động mọi lực lượng, phương tiện về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn để đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT&TKCN từ thành phố đến cơ sở; ưu tiên đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND thành phố, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, các ngành ở thành phố, huyện, xã; hạn chế đến mức thấp nhất việc gián đoạn thông tin liên lạc trong quá trình chỉ đạo PCTT&TKCN.

- Hệ thống thông tin, truyền thông trên địa bàn thành phố Hà Nội phát triển nhanh, mạnh, bền vững đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền thành phố, BCH PCTT&TKCN các cấp, các ngành ở thành phố, quận/huyện/thị xã, phường/xã và nhu cầu thông tin của người dân, đáp ứng sự phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu khi thiên tai ngày càng xảy ra mạnh, đột xuất, dị thường.

8.4. Công trình tránh trú thiên tai cộng đồng

Trong giai đoạn 2016 -2020, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, thành phố đã triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng thủ đô văn minh, hiện đại. Các công trình công cộng được đầu tư nâng cấp xây dựng đặc biệt tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai, đảm bảo mục đích sử dụng cũng như có thể sử dụng làm khu tránh trú an toàn khi có thiên tai xảy ra.

Hà Nội không xây dựng các công trình tránh trú thiên tai cộng đồng chuyên biệt mà lồng ghép mục đích sử dụng vào các công trình cơ sở hạ tầng của Thành phố. Việc tránh trú kết hợp với sơ tán dân được UBND các cấp, các ngành sử dụng các trụ sở UBND, nhà văn hóa, trường học... làm nơi sơ tán công cộng khi thiên tai xảy ra.

9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội

Việc thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố vừa thúc đẩy được phát triển kinh tế- xã hội của Thành phố đồng thời đảm bảo công tác phòng chống thiên tai như:

- Lồng ghép nội dung phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong các chương trình hội nghị, hội thảo các cấp, các đợt sinh hoạt tại các cấp cộng đồng, các buổi toạ đàm, các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khoá.

- Thực hiện lồng ghép trong công tác triển khai, thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án. Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức phổ biến lồng ghép tại các hội nghị, họp tổng kết; tổ chức hoạt động thiết thực hưởng ứng Tuần lễ kỷ niệm “Ngày truyền thống phòng chống thiên tai của Việt Nam 22/5”, ngày Quốc tế giảm nhẹ thiên tai 22/10; Tập huấn nghiệp vụ công tác thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Lồng ghép trong đầu tư xây dựng kết cấu, cơ sở hạ tầng như:

- + Hệ thống giao thông hạ tầng đã được đầu tư, nâng cấp, đồng bộ đến cấp xã, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại cho người dân và phục vụ công tác phòng chống thiên tai ví dụ như cải tạo nút giao thông An Dương: đây là 1 điển hình của việc lồng ghép thành công nội dung PCTT vào phát triển KT-XH của thành phố; vừa giải quyết được tình trạng ùn tắc giao thông cục bộ tại khu vực này đồng thời gia cố vững chắc để đảm bảo an toàn phòng, chống lũ và tạo được cảnh quan đô thị

đẹp, thông thoáng; góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông chung của Thủ đô.

+ Các công trình dân sinh, công cộng từng bước đã được nâng cấp, kiên cố hóa, đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra.

+ Hạ tầng điện lưới, thông tin truyền thông đã cơ bản đến được các địa phương trên toàn Thành phố.

+ Các tuyến đê và tuyến hành lang chân đê đều đã được cải tạo để cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân khi cần thiết đồng thời kết hợp với đường giao thông tạo đà phát triển kinh tế đô thị vững chắc. Bên cạnh đó, tạo thuận lợi cho người dân đi lại, chống ô nhiễm môi trường, do chân đê không bị rác thải, nước thải sử dụng bừa bãi; tăng cường vững chắc cho thân đê và nền đê, chống lún chiếm chân đê.

- Lồng ghép trong xây dựng nông thôn mới:

UBND Thành phố công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 11 xã đã được UBND Thành phố công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Các huyện, thị xã và các xã đã tích cực triển khai thực hiện cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; đường làng, ngõ xóm được kiên cố hóa, hệ thống thoát nước cơ bản đáp ứng yêu cầu; đầu tư xây dựng các công trình giao thông thủy lợi, nội đồng đảm bảo nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp; nâng cấp và xây mới các trường học đảm bảo nhu cầu giảng dạy và học tập tại địa phương; xây mới và sửa chữa, mua sắm các thiết bị cho các nhà văn hóa thôn đảm bảo sinh hoạt cộng đồng; cải tạo, nâng cấp, xây mới các trạm y tế đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, ... qua đó đã từng bước ngày càng được nâng cao về năng lực, cơ sở hạ tầng, đảm bảo đáp ứng an toàn trước thiên tai.

- Lồng ghép, đánh giá công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng:

+ Ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học để tạo các giống cây, con mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu với sâu bệnh và có khả năng thích nghi điều kiện biến đổi khí hậu;

+ Tập trung triển khai các dự án trồng rừng trên các vùng sinh thái và thực hiện tốt công tác bảo vệ phòng chống cháy rừng, ngăn chặn khai thác vận chuyển lâm sản trái phép mục đích giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai xảy ra cho người dân.

Bên cạnh đó cần tăng cường công tác phối hợp, giám sát, đánh giá thực hiện lồng ghép PCTT trong việc thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội.

10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

Để đảm bảo công tác phục hồi sau thiên tai Thành ủy, UBND thành phố chỉ đạo quyết liệt, kịp thời công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai nhằm sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các cấp triển khai ngay công tác khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sự tham gia của lực lượng vũ trang, Đoàn Thanh niên... Các lực lượng vũ trang đã huy động số lượng lớn các cán bộ, chiến sỹ, phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm người mất tích, giúp dân dọn dẹp vệ sinh môi trường, dựng lại nhà cửa sớm ổn định cuộc sống và khôi phục sản xuất cho người dân.

Ngay sau khi thiên tai xảy ra, UBND Thành phố kịp thời chỉ đạo các cấp, các ngành, UBND các quận, huyện chủ động sử dụng nguồn kinh phí của cơ quan, đơn vị và nguồn dự phòng ngân sách các cấp để hỗ trợ kịp thời để nhanh chóng ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân vùng bị thiên tai. Trường hợp thiệt hại lớn, vượt quá khả năng nguồn lực của đơn vị, địa phương báo cáo UBND Thành phố để xem xét hỗ trợ. Ban chỉ huy PCTT&TKCN các quận, huyện chủ động kiểm tra tình hình thiệt hại trên địa bàn, chỉ đạo lực lượng tại chỗ thực hiện khắc phục các thiệt hại, trước mắt đảm bảo an toàn về người và phương án khắc phục sau thiên tai; thực hiện công tác báo cáo nhanh về tình hình thiệt hại do thiên tai xảy ra trên địa bàn.

UBND Thành phố thành lập Ban tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ, vận động được nhiều tổ chức, cá nhân tham gia. Tiền, hàng cứu trợ cấp phát đến người dân kịp thời, đúng đối tượng và công bằng. Qua các đợt ảnh hưởng bão, ATNĐ và mưa lũ lớn những năm gần đây, gây thiệt hại nặng nề, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân với sự tham gia của hệ thống chính trị, các tổ chức và cá nhân tình nguyện; sau thiên tai không xảy ra tình trạng người dân bị thiếu lương thực, thực phẩm, không xảy ra dịch bệnh, sớm ổn định đời sống và sản xuất người dân.

Các hoạt động phục hồi tái thiết sau thiên tai bao gồm các bước sau:

+ Cấp xã (phường): Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã giao nhiệm vụ đánh giá nhanh tình hình thiệt hại trên địa bàn từng thôn cho trưởng thôn phối hợp với lực lượng xung kích xã theo sự phân công của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã tổ chức thăm định thông tin, sau đó lập báo cáo bằng văn bản gửi về Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện.

+ Cấp huyện (quận): Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, cập nhật tổng hợp tình hình thiệt hại từ các xã báo cáo lên vào biểu mẫu thống nhất, lập báo cáo bằng văn bản (có thể thêm báo cáo nhanh bằng điện thoại) về Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp thành phố, đồng thời gửi báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

MAO

+ Cấp thành phố: Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố (qua bộ phận Văn phòng Thường trực) sẽ cập nhật, tổng hợp tình hình từ các huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo về Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

Sau mỗi đợt thiên tai, trên cơ sở thống kê thiệt hại và đề xuất của địa phương, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố đã phối hợp với các sở, ngành liên quan nhanh chóng, kịp thời tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ cho các địa phương trong thành phố bị thiệt hại nặng để khôi phục đời sống, sản xuất, đặc biệt là gạo cứu đói, giống cây trồng để khôi phục sản xuất, thuốc, hóa chất khử trùng phòng, chống dịch bệnh và kinh phí hỗ trợ từ dự phòng ngân sách Trung ương để khắc phục các cơ sở hạ tầng thiết yếu. Sử dụng nguồn Ngân sách dự phòng của địa phương để đầu tư, sửa chữa, nâng cấp các công trình PCTT bị hư hỏng; hỗ trợ nhân dân bị thiệt hại. Điển hình như năm 2017 khu vực phía Tây Hà Nội (Ứng Hòa, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Quốc Oai, Thạch Thất) địa hình có độ dốc lớn nên bị ảnh hưởng mạnh của lũ rừng ngang từ Hòa Bình dồn về nhanh, trong thời gian ngắn mực nước các sông lên cao dẫn đến tình hình ngập úng nặng nề nhất là trên địa bàn hai huyện Chương Mỹ và Mỹ Đức.

Ngoài ra, Ban Chỉ huy các cấp cũng tổ chức các đoàn xuống kiểm tra cấp dưới trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, chất lượng và tiến độ khôi phục tái thiết các công trình hạ tầng đặc biệt là công tác phục hồi, tái thiết công trình đê điều, thủy lợi. Khi có thiên tai xảy ra, Hà Nội đã có công tác ban bố tình huống khẩn cấp, xử lý đầu giờ, sau đó bố trí nguồn kinh phí tu bổ.

Trong công tác phục hồi, tái thiết sau các đợt thiên tai không thể thiếu các đơn vị giàu kinh nghiệm trong cứu trợ, vận động cứu trợ như Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội, Hội Chữ thập đỏ thành phố, các tổ chức xã hội, xã hội chính trị như Hội phụ nữ, thanh niên và đặc biệt sự tham gia của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN từ Thành phố đến quận/huyện và phường/xã.

11. Nguồn lực tài chính

Những năm qua, trước tình hình thiên tai phức tạp gây ra hậu quả hết sức nặng nề trên địa bàn Thành phố, cơ bản các giải pháp trong ngắn hạn đã được triển khai mạnh mẽ, toàn diện và có hiệu quả, đặc biệt là các giải pháp kịp thời cung cấp lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho các cá nhân, gia đình bị thiệt hại, ảnh hưởng (mưa, ngập úng 2008; mưa lớn lũ, ngập lụt 2016, 2018...).

Nhằm tăng cường nguồn lực tài chính để thực hiện các giải pháp khắc phục tối đa thiệt hại về kinh tế - xã hội do thiên tai, thành phố Hà Nội chủ trương đa



con; thủy sản 1.886 ha; và nhiều công trình bị hư hỏng... thiệt hại lên tới 1.100 tỷ đồng. Cấp độ rủi ro do lũ và ngập lụt là cấp 3.

1.4. Rủi ro thiên tai do lũ quét

Những năm gần đây, do ảnh hưởng của mưa lớn và những thay đổi trong sử dụng đất, lũ quét xảy ra thường xuyên hơn, nghiêm trọng hơn. Lũ quét xảy ra bất ngờ trong một phạm vi hẹp nhưng gây ra hậu quả rất trầm trọng đối với tính mạng và tài sản của nhân dân và nhà nước. Cũng như các khu vực bị lũ, lũ quét thì trong vòng 5 năm trở lại đây, Hà Nội đã phải hứng chịu nhiều đợt ngập lụt lớn, mà gần đây nhất là trận lụt lịch sử năm 2018. Nguyên nhân không chỉ đến từ mưa lớn, mà còn do hiện tượng lũ rừng ngang, lũ dồn, lũ quét.

Trên địa bàn thành phố có 3 huyện khả năng xảy ra lũ quét, lũ rừng ngang tại khu vực ven núi. Huyện Mỹ Đức là các xã: An Phú, Hợp Thanh; vùng hữu Bùi thuộc huyện Chương Mỹ, tập trung ở các xã: Thủy Xuân Tiên, Tân Tiến, Nam Phương Tiến, Hoàng Văn Thụ, Hữu Văn, Trần Phú, Mỹ Lương, Đồng Lạc, thị trấn Xuân Mai, huyện Ba Vì gồm: Khánh Thượng, Minh Quang, Ba Vì, Ba Trại, Tân Lĩnh, Vân Hòa, Yên Bài.

Qua các trận lũ thực tế đã xảy ra và các nguyên nhân có thể thấy cấp độ rủi ro do lũ quét đã xảy ra trên địa bàn thành phố là cấp 1.

1.5. Rủi ro thiên tai do sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

Từ những năm 2000, sạt lở đất, đặc biệt là sạt lở bờ sông Hồng đoạn qua thành phố Hà Nội là mối đe dọa tới cuộc sống của hàng ngàn người dân ven sông mà nhiều đoạn còn sạt lở sát chân đê như Phong Vân, Cổ Đô, An Cảnh, Xâm Thị, Bá Thị, Sen Chiểu... Đặc biệt gần đây nhất năm 2017, 2018 lũ dồn, lũ quét, lũ rừng ngang tràn về có thể làm sạt chân núi, làm sạt lở nhiều đoạn bờ sông gây mất an toàn cho các khu dân cư sinh sống ven chân núi Bà Vì, ven sông Tích, sông Bùi. Căn cứ vào sạt lở đã xảy ra thực tế thì cấp độ rủi ro về sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy là cấp 2.

1.6. Rủi ro thiên tai do nắng nóng

Trong những năm gần đây cùng với xu thế nóng lên toàn cầu, nhiệt độ vùng tiếp tục tăng trong thời gian tới. Nắng nóng gia tăng không chỉ ở miền Trung, Tây Nguyên mà còn ở các thành phố miền Bắc trong đó phải kể đến thủ đô Hà Nội. Ngay trong tháng 5 năm 2019 đợt nắng nóng đã kéo dài nhiều ngày kết hợp với độ ẩm trong không khí giảm thấp nên có nhiều nguy cơ xảy ra cháy nổ và hỏa hoạn ở khu vực dân cư do nhu cầu sử dụng điện tăng cao. Ngoài ra, nắng nóng có tác động và gây tình trạng mất nước, kiệt sức, đột quỵ do sốc nhiệt

đối với cơ thể người khi tiếp xúc lâu với nền nhiệt độ cao, từ ngày 15-20/5/2019 tại Bắc Bộ và các thành phố miền Trung lại trải qua một đợt nắng nóng gay gắt với nhiệt độ cao từ 37-40 độ. Riêng tại trạm Láng (Hà Nội) nhiệt độ là 41,3 độ - mức nhiệt cao nhất trong tháng 5.

Cấp độ rủi ro về nắng nóng đã xảy ra ở Hà Nội là cấp 1.

1.7. Rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá

Lốc, sét mưa đá ngày càng xuất hiện bất ngờ với tần suất nhiều hơn trước đây. Ngay trong tháng 5 năm 2020, tại Hà Nội bất ngờ xuất hiện mưa đá, kèm theo giông lốc, gió giật mạnh ở một số khu vực phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, hạt mưa kích thước bằng viên bi rơi xuống mái tôn gây tiếng động lớn, tại huyện Đan Phượng và một số khu vực khác ở ngoại thành cũng xảy ra mưa giông mạnh trong thời gian ngắn, kèm mưa đá, kích thước lớn từ 2-3 cm. Cấp độ rủi ro thiên tai đã xảy ra tại Hà Nội do lốc, sét, mưa đá là cấp 1.

1.8. Rủi ro thiên tai do sương mù

Trong những năm gần đây, thời tiết rất bất thường diễn ra trên khắp các khu vực trên cả nước, Hà Nội cũng không nằm ngoài quy luật này, hiện tượng sương mù ở Hà Nội từ năm 2018-2020 xuất hiện liên tục che mờ các phố và nhiều khu vực khiến tầm nhìn hạn chế, người dân di chuyển khó khăn. hiện tượng sương mù dày đặc bao phủ khắp thành phố Hà Nội và các vùng lân cận, kết hợp với gió lạng đã làm tăng khả năng phát tán các chất ô nhiễm thấp khiến ô nhiễm bụi mịn ở mức rất cao.

Cấp độ rủi ro do sương mù đã xảy ra ở Hà Nội là cấp 1.

1.9. Rủi ro thiên tai do rét đậm, rét hại, sương muối

Mặc dù nền nhiệt độ chung của Việt Nam cũng như thế giới đang có xu thế gia tăng, nhưng cũng có năm xảy ra rét đậm, rét hại như năm 2016 tại Hà Đông mức nhiệt thấp ở mức 5,4 độ C vào sáng 24/1 là thấp nhất trong vòng 50 năm trở lại đây. Ba Vì đã rét đậm mà còn có tuyết kéo dài trong trong nhiều ngày ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân.

Đối với rét hại, sương muối: cấp độ rủi ro đã xảy ra là cấp 2

1.10. Rủi ro thiên tai do động đất

Hà Nội chưa xảy ra động đất, nhưng dư chấn ảnh hưởng đến Hà Nội làm cho các nhà cao tầng rung lắc đã xuất hiện nhiều lần, như năm 2007 cơn chấn động diễn ra ở Hà Nội chỉ là sự ảnh hưởng của trận động đất xảy ra ở Lào cũng đã làm các tòa nhà rung lắc, bàn ghế xô nghiêng. Ngày 27/7/2020, một trận động đất 5.3 độ richter ở thành phố Sơn La, dư chấn ảnh hưởng đến Hà Nội khiến các

tòa nhà cao tầng ở Hà Nội có sự rung lắc mạnh. Trận động đất này có tọa độ 20,83 độ vĩ Bắc, 104,65 độ kinh Đông, độ sâu chấn tiêu khoảng 14 km. Cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 vùng chấn tâm.

Các trận động đất xảy ra tại các địa phương khác gây dư chấn ảnh hưởng đến Hà Nội, cấp độ rủi ro do động đất tại Hà Nội là cấp 1.

1.11. Rủi ro thiên tai do cháy rừng

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 27.159 ha diện tích rừng, trong đó, diện tích rừng tự nhiên là 6.839 ha, rừng trồng là 15.894 ha. Trong thời gian qua, công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn toàn Thành phố đã được các cấp, ngành, địa phương quan tâm thực hiện quyết liệt và đạt được kết quả tích cực. Ngoài ra, Hà Nội còn có diện tích rừng ở khu vực giáp thành phố Hà Nam, Hòa Bình, Vĩnh Phúc và Thái Nguyên, nên việc kiểm soát không để xảy ra thiên tai là hết sức cần thiết. Quốc hội khóa 14 đã thông qua Luật 60/2020/QH14 về sửa đổi một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều, trong đó đã bổ sung cháy rừng tự nhiên là 1 loại hình thiên tai.

Với tầm quan trọng của rừng như tạo lớp thảm thực vật để giữ nước khi mưa lớn và lũ cao, tăng nước ngầm khi hạn hán nên ngày 22/01/2018, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Chỉ thị 03/CT-UBND về việc tăng cường công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2018 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Do vậy cần bổ sung loại hình thiên tai này vào Quyết định 7701/QĐ-UBND ngày 6/11/2017 về Kế hoạch ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

2.1. Đánh giá mối quan hệ giữa thiệt hại và độ lớn của thiên tai

Thiên tai trong những năm gần đây đa dạng hơn, với cường độ lớn hơn, cực đoan hơn trước đây, trong đó phải kể đến số lượng và cường độ các trận bão xuất hiện các năm 2016, 2017, 2018, 2019 đã gây mưa lũ trên địa bàn Hà Nội. Kỷ lục là 2017, 2018, 2019 do ảnh hưởng của bão gây mưa lũ đã làm cho đê sông Bùi, sông Tích, sông Mỹ Hà bị tràn và ngập các huyện Chương Mỹ, Mỹ Đức, Quốc Oai gây thiệt hại về người và kinh tế. Trong 4 năm từ 2016-2019 đã làm 2 người chết, 12 người bị thương, thiệt hại về kinh tế sơ bộ trên 3.000 tỷ đồng.

Qua đó cho thấy độ lớn thiên tai không chỉ liên quan đến thiệt hại, đến năng lực phòng, chống thiên tai mà còn liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương.

Tình trạng dễ bị tổn thương bao gồm con người, kinh tế, hạ tầng. Điều này có thể thấy mặc dù Hà Nội có nhiều sông lớn, sông vừa, sông nhỏ bao quanh, không những là trung tâm văn hóa chính trị mà cũng là Thành phố phát triển

kinh tế không ngừng. Nhưng do chuẩn bị tốt về năng lực, giảm tình trạng dễ bị tổn thương nên quan hệ này không còn thuận chiều, điều này đã được chứng minh qua các trận thiên tai lịch sử ở Hà Nội và cách phòng, chống, xử lý của từng trận thiên tai là rất tốt, mặc dù có thiệt hại nhưng đã nhanh chóng kịp thời khắc phục hậu quả nên giảm thiểu tốt nhất về số người chết và thương vong do thiên tai gây ra.

2.2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

2.2.1. Tình trạng dễ bị tổn thương khi bị ảnh hưởng của bão, ATNĐ

Theo thống kê những năm trở lại đây trên địa bàn thành phố Hà Nội không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão mà chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão hoặc rãnh thấp kết hợp với hoàn lưu bão gây mưa vừa, mưa to đến rất to dẫn đến lũ ống, lũ quét và sạt lở đất, đá gây thiệt hại đến tài sản và tính mạng của người dân. Đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của loại hình thiên tai này gồm có: Các khu dân cư ven sông, khu vực trũng thấp thường xuyên xảy ra tình trạng ngập úng; các khu vực canh tác, sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh đó, với mật độ dân số rất đông, tỷ lệ hộ nghèo chiếm số ít, các hộ gia đình có nhà ở kiên cố và bán kiên cố trên địa bàn thành phố cao, do đó nguy cơ mất an toàn về người và nhà ở. Nhưng còn nhiều khó khăn, thiếu về khả năng tự phòng vệ, điều kiện phương tiện, trang thiết bị, công cụ, khả năng tiếp cận thông tin của một số hộ nghèo và các xã thuộc vùng nông thôn khó khăn còn thiếu, ý thức về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai còn hạn chế.

Bảng 3: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương do các trận bão ảnh hưởng đến Hà Nội trong các năm gần đây

Năm	Tên bão	Ngày đổ bộ	Cấp gió	Mức độ tổn thương		
				Thấp	Trung bình	Cao
2016	Cơn bão số 1	27/7/2016	Cấp 9 giạt cấp 10-11		x	
2016	Cơn bão số 3	20/8/2016	Cấp 9,10 giạt cấp 11-12		x	
2017	Cơn bão số 2	16/7/2017	Cấp 9,10 giạt cấp 11-12		x	
2017	Cơn bão số 10	16/9/2017	Cấp 12-13 giạt cấp 15			x
2018	Cơn bão số 3	18/7/2018	Cấp 6,7 giạt cấp 8-9	x		
2018	ATNĐ	21/7/2018	Cấp 6,7 giạt cấp 9	x		

Năm	Tên bão	Ngày đổ bộ	Cấp gió	Mức độ tổn thương		
				Thấp	Trung bình	Cao
2019	Con bão số 2	04/7/2019	Cấp 8 giạt cấp 11		x	
2019	Con bão số 3	02/8/2019	Cấp 6,7 giạt cấp 8-9	x		
2019	Con bão số 4	30/8/2019	Cấp 6,7 giạt cấp 8	x		

Qua các cơn bão cho thấy mức độ tổn thương do ảnh hưởng của bão đối với Hà Nội ở mức trung bình cao, theo số liệu thống kê trên: 4 cơn ở mức tổn thương thấp, 4 cơn ở mức tổn thương trung bình, nhưng có 1 cơn ở mức cao và gây hậu quả nặng nề cho khu vực phía Tây Hà Nội.

2.2.2. Đối với mưa lớn, ngập lụt

Trên lưu vực thành phố hàng năm có khoảng 4-5 ngày mưa đạt từ 50 - 100 mm và có khoảng 1-2 ngày đạt trên 150 mm. Nhiều loại hình thời tiết có khả năng gây ra mưa lớn. Nguyên nhân gây mưa lớn cho Hà Nội đến từ bão, áp thấp nhiệt đới. Trong vòng 20 năm trở lại đây, có khoảng 80% các trận mưa lớn nhất trong năm là do ảnh hưởng của bão và ATNĐ.

Các trận mưa lớn nhất trên địa bàn Hà Nội thường kéo dài từ 3 đến 7 ngày và thường xảy ra trên một diện rộng. Đặc biệt thấy rõ là các trận mưa do bão đổ bộ vào vùng phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, thường gây ra mưa lớn liên tục từ 2-3 ngày. Lượng mưa 1 ngày lớn nhất ứng với tần suất $P=10\%$ dao động từ 170-210 mm, vùng mưa ít là vùng phía Bắc Hà Nội, vùng mưa lớn là vùng Ba Vì.

Các đợt mưa lớn ở Hà Nội trong 10 năm gần đây, lượng mưa trung bình ở Hà Nội từ 100 - 150 mm, có nơi mưa to cục bộ lên đến 200 – 370 mm gây ngập lụt cục bộ tại các quận nội thành và ngập úng các diện tích lúa và hoa màu các huyện ngoại thành, trong đó phải kể đến trận mưa cuối tháng 10/2008 xảy ra tại Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ, với tổng lượng mưa 3 ngày ở Hà Nội từ 350 – 550 mm, một số nơi trên 700 mm (lớn nhất trong vòng 100 năm qua).

Đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của loại hình thiên tai này gồm có: các khu dân cư ven sông, khu vực trũng thấp thường xuyên xảy ra tình trạng ngập úng; các khu vực canh tác, sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là tại các khu vực trũng thấp, ven sông, bãi sông. Trong khu vực nội thành, mưa lớn còn gây ra tình trạng ngập úng cục bộ tại một số khu vực gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân và các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bảng 4: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương do một số trận mưa lớn tại

Hà Nội gây ngập lụt trong các năm gần đây

Năm	Thời gian mưa	Số giờ mưa	Lượng mưa TB và cực bộ (mm)	Mức độ thiệt hại	Mức độ tổn thương		
					Thấp	T. bình	Cao
2008	30/10		200 (514)	Ngập úng nội thành (0,5-1,2m)			x
2010	13/7	2h	100 (160)	Ngập lụt từ 0,3 – 0,5 m		x	
	24-29/7		183 - 191	Ngập 2.671 ha lúa		x	
2011	23 – 27/6		130 (180)	Ngập 256 ha lúa		x	
2012	24-26/7		100			x	
	15-20/8		176 (200)	Ngập 181,5 ha lúa		x	
2014	16 – 21/7		77,7 (211,2)			x	
2016	24 – 26/5	24h	165 (372)	Ngập 0,3 – 0,7 m			x
				Ngập 8.285 ha lúa			
2017	7/2017			Ngập 7000 ha lúa			x
	9/2017		86-265	Ngập 0,15 – 0,3 m			
				Ngập 1000 ha lúa			
	10-12/10		167,8 (346,2)	Ngập 7000 ha lúa			
				Ngập 7000 nhà			
				Gia súc, gia cầm 8000 con			
				Nuôi trồng thủy sản 9000 ha			
				Đê 8000m			
				Số quận huyện ảnh hưởng 18/30			
2018	18-22/7		243,1	Người chết: 3 người			x
				Số hộ ảnh hưởng: 3000 hộ			
				Thiệt hại lúa: 5000 ha			
				Rau màu: 2000 ha			
				Gia súc, gia cầm: 120.000 con			

Năm	Thời gian mưa	Số giờ mưa	Lượng mưa TB và cục bộ (mm)	Mức độ thiệt hại	Mức độ tổn thương		
					Thấp	T. bình	Cao
				Nuôi trồng thủy sản: 2000 ha			
				Ngập lụt: 33 tuyến phố			
2019	2-5/7			Ngập 25 ha lúa		x	
	1-4/8			Ngập 3.529 ha lúa		x	
				Nhà sập 4 nhà			
				Trạm biến áp hỏng: 1 trạm			
	28 – 30/8			Người chết: 01 người		x	

Mưa lớn là loại hình thiên tai không chỉ gây thiệt hại về người và tài sản mà còn gây đình trệ phát triển kinh tế (kẹt xe, giảm giờ làm), ô nhiễm môi trường do kẹt xe thải các chất xăng dầu, khói ra không khí, bệnh tật... Qua những trận mưa lớn cho thấy loại thiên tai này gây ra tổn thương chủ yếu tập trung ở 2 mức trung bình và cao.

2.2.3. Lũ trên các sông của Thành phố

Bảng 5: Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương do một số đợt lũ lụt trên các sông trong các năm gần đây

Năm	Hệ thống sông	Thời gian lũ	Biên độ (m)	Cấp báo động	Mức độ tổn thương		
					Thấp	T. bình	Cao
2016	s. Hồng	24-31/5	2,1 – 3,08			x	
		27-31/7	1,54-3,25			x	
		5-10/8 19-26/8	0,88-1,9			x	
	s. Đáy	24-31/5	4,12				
		4-12/7 27-31/7	1,53-3,80				
		11-31/8	4,34				
2017	s. Hồng	6/2017 30/6	1,05-1,78 4,50			x	
		4-11/7 11-17/7	2,50-3,16	<BĐI		x	

Handwritten signature

Năm	Hệ thống sông	Thời gian lũ	Biên độ (m)	Cấp báo động	Mức độ tổn thương		
					Thấp	T. bình	Cao
		28/8	8,08	<BĐI		x	
		7-20/9 12/9	2,35-2,54 7,76	<BĐI		x	
		10/2017 12/10	5,56-5,78 8,29	<BĐI		x	
	s. Đáy	17-30/7 21/7	3,01 5,40	>BĐI		x	
		14-23/8 19/8	2,51 3,46	<BĐI		x	
		15-30/9 21/9		<BĐI		x	
		14/10	6,2	>BĐII		x	

Trận lũ lịch sử 1971 lớn nhất cách đây 50 năm làm cho thành phố Hà Nội với tần suất lũ $P=1\%$, nhiều tuyến đê của thành phố đã bị vỡ, như đê Mai Lâm, đê bồi Thanh Trì. Sau đó đê Hà Nội đã được củng cố vững chắc với tần suất lũ 1% . Bên cạnh đó, các năm 1978, 1984, 1986 và 1996 Hà Nội cũng đã hứng chịu nhiều đợt lũ, có những trận lũ gây thiệt hại nghiêm trọng cho Hà Nội và các vùng, thành phố lân cận. Trong vòng 10 năm trở lại đây Hà Nội liên tục hứng chịu nhiều đợt mưa lũ gây ngập lụt thành phố, đe dọa đến an toàn các tuyến đê. Đó là các năm 2008, 2016 và 2017; lũ rừng ngang năm 2017 là dạng lũ dồn, lũ quét xảy ra nhanh và bất ngờ gây thiệt hại nặng nề tại các huyện Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Ba Vì.

Đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của loại hình thiên tai này gồm có: Các khu dân cư ven sông; các hoạt động sản xuất ven và trên sông như đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; các khu vực canh tác, sản xuất nông nghiệp ven sông, bãi sông.

Do trên các hệ thống sông chính như sông Hồng, sông Đuống, sông Đà... đã tham gia cắt lũ từ các hồ chứa Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, Tuyên Quang. Chính vì vậy mà lũ đối với các hệ thống sông lớn không còn là mối lo như trước đây. Mặt khác mặt cắt, cao trình ở những tuyến đê này cũng đã được nâng cấp và củng cố bền vững. Tuy nhiên các sông nhỏ trong thành phố như sông Tích, sông Bùi, sông Mỹ Hà hiện nay chưa được củng cố và nâng cấp nên nếu còn lũ như 2017, 2018 thì nguy cơ tràn và ngập nặng là rất cao.

2.2.4. Về nắng nóng

Vào mùa hè nhiệt độ ở Hà Nội có xu thế tăng đột biến trong những năm gần đây. Theo số liệu quan trắc được trong đợt nắng nóng tháng 6/2010 nhiệt độ đã lập một kỷ lục mới tại Hà Nội: Tính nhiệt độ trung bình ngày 16/6, Hà Nội nóng nhất từ năm 1961. Trong ngày 16/6/2010, nhiệt độ tối cao đo được ở trạm Láng là 39,6°C trong khi nhiệt độ thấp nhất vào ban đêm ở mức 30,4°C khiến nhiệt độ trung bình ngày đạt 34,6°C. Nhiệt độ luôn trên 30°C, điều hiếm khi xảy ra, khiến mọi người có cảm giác nóng như thiêu đốt suốt 24 giờ trong ngày!

Năm 2017 cũng ghi nhận được 15 đợt nắng nóng diện rộng của thành phố. Trong đó từ ngày 1/6 đến 6/6 tâm điểm nắng nóng khi các trạm quan trắc Ba Vì, Hoài Đức quan trắc được xấp xỉ 41 độ C; Láng, Sơn Tây trên 41; riêng trạm Hà Đông 42 độ C.

Đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của loại hình thiên tai này gồm có: Hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp (đặc biệt tại các khu vực đồi núi do xa nguồn nước); người già và trẻ em; thiệt hại đến nền kinh tế do trời nắng nóng phải sử dụng các thiết bị làm mát gây ra tổn thất lượng điện không hề nhỏ.

2.2.5. Một số loại hình thiên tai khác

Bên cạnh các loại hình thiên tai xảy ra thường xuyên gây thiệt hại đến người và tài sản thì địa bàn Hà Nội còn có một số các loại hình thiên tai khác có thể gây thiệt hại cho con người và thiệt hại về kinh tế như sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, lũ quét, lốc, sét và mưa đá, sương mù, rét hại và sương muối, động đất.

3. Đánh giá năng lực phòng, chống thiên tai

3.1. Năng lực ban hành và thực thi các văn bản hướng dẫn, thi hành pháp luật, cơ chế chính sách

Triển khai thực thi các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn từ cấp Trung ương, thi hành pháp luật và các chính sách của trung ương, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Luật, các Chỉ thị, Nghị quyết, Nghị định, Quyết định của Chính phủ với phương châm “chủ động phòng, tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả” nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do các sự cố, thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh. Các kế hoạch, chương trình, phương án, đề án, các văn bản quy phạm pháp luật, các quyết định, công văn, công điện và những văn bản liên quan khác đã được triển khai để xây dựng, củng cố, cảnh báo, điều hành, giao nhiệm vụ, phổ biến rộng rãi về lĩnh vực PCTT&TKCN đến các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, đến cá nhân và đến từng người dân trên địa bàn Thành phố.

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai; Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai:

- UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 42-CT/TW, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa việc thực hiện các chủ trương của Đảng và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của toàn xã hội trong công tác phòng, chống thiên tai; với các nhóm nhiệm vụ:

+ Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền; Phân công, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm, đặc biệt là người đứng đầu trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống các văn bản chỉ đạo, các cơ chế chính sách có liên quan để tránh sự chồng chéo, xung đột; bổ sung các quy định, hoàn thiện các cơ chế tổ chức; lồng ghép các nội dung về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai khi xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển của các cấp các ngành.

+ Tăng cường sự phối hợp với Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và các cơ quan.

+ Nâng cao vai trò, năng lực quản lý nhà nước của cơ quan PCTT&TKCN; hoàn thiện mô hình và tổ chức lực lượng hoạt động trong lĩnh vực PCTT&TKCN.

+ Xây dựng chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia công tác PCTT&TKCN; tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, sự chỉ đạo của Trung ương, Thành phố.

Trước tình trạng vi phạm pháp luật về công trình phòng, chống thiên tai ngày càng phức tạp, vi phạm mới vẫn thường xuyên xảy ra, trong khi đó các vi phạm cũ vẫn còn tồn tại nhiều gây khó khăn cho công tác quản lý và bảo vệ công trình phòng chống thiên tai. Trước tình trạng đó, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đê điều trên địa bàn

thành phố Hà Nội và các quy định khác của pháp luật liên quan và Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 30/3/2021 về công tác phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về đê điều, thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2. Năng lực dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai

Công tác dự báo, cảnh báo tình hình thiên tai trên địa bàn Thành phố dựa vào thông tin dự báo của cơ quan khí tượng thủy văn và thông tin bổ sung từ hệ thống các trạm đo mưa, trạm đo mực nước chuyên dùng trên thượng nguồn, trên các sông và các hồ chứa thủy điện của thượng du Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Tuyên Quang, thiết bị đo mực nước và đo mưa theo thời gian tại các hồ chứa thủy lợi của thành phố. Trong những năm qua hệ thống dự báo, cảnh báo của thành phố đã và đang làm tốt công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, đặc biệt là các hiện tượng thời tiết thủy văn nguy hiểm, tham mưu giúp cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương chủ động phòng tránh và ứng phó với thiên tai.

Công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai đã ứng dụng tiến bộ khoa học cụ thể như: ứng dụng công nghệ đo mưa, mực nước, nhiệt độ tự động thay bằng thủ công; cảnh báo thời tiết nguy hiểm bằng hình ảnh mây vệ tinh; ứng dụng gửi các văn bản, công điện khẩn qua đường internet; sử dụng nhiều kênh thông tin (báo, đài truyền thanh, truyền hình, websites, facebook, email, tin nhắn và qua các apps: Windy, PCTT, các trang websites về thời tiết...) để truyền phát, đưa tin, dự báo, cảnh báo và phổ biến các kiến thức, kỹ năng phòng chống thiên tai.

Giai đoạn 2022-2025, cần tiếp tục đầu tư hiện đại hoá, tự động hóa hệ thống quan trắc, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai. Đẩy mạnh xã hội hoá một số hoạt động khí tượng thủy văn, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phòng, chống thiên tai.

Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố thường xuyên cập nhật thông tin, ban hành các công văn, công điện đến các cấp, các ngành, các địa phương, đến từng người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo, đài, mạng xã hội, tin nhắn nhằm cảnh báo, dự báo và điều hành chỉ đạo công tác PCTT và TKCN.

3.3. Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư

Phương tiện, trang thiết bị chủ yếu gồm xe cứu hộ, xe chữa cháy, xuồng, nhà bạt, phao các loại, các loại trang thiết bị khác như máy phát điện, máy bơm CC, loa cầm tay, máy bộ đàm, thiết bị âm thanh đa năng, thiết bị định vị, ống nhôm, máy ảnh các loại, bình khí oxy ...

Hàng năm trước mùa mưa, bão, thành phố đều tiến hành kiểm tra hiện trạng hệ thống các công trình PCTT, công trình thủy lợi trên địa bàn, đánh giá hiện trạng công trình; phân loại trọng điểm xung yếu, xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu; phê duyệt phương án ứng phó thiên tai với từng cấp độ rủi ro thiên tai; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng phương án PCTT&TKCN tại địa phương. Ban hành các quyết định về thành lập, kiện toàn, phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ huy, các tiểu ban, từng thành viên Ban Chỉ huy.

Thực hiện Điều 23 Luật PCTT về chuẩn bị nhân lực, nhu yếu phẩm, trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động phòng, chống, ứng phó thiên tai. Kế hoạch PCTT Thành phố đã kèm theo danh mục vật tư, trang thiết bị, phương tiện, lực lượng ứng phó thiên tai; Kế hoạch PCTT của cấp huyện đã cơ bản đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Điều 15, Điều 22 của Luật PCTT, trong đó số liệu về vật tư, phương tiện, trang thiết bị được tổng hợp từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Các nhu yếu phẩm: Hàng hóa, thuốc men, nhiên liệu được dự trữ phân bố tại các đơn vị trên địa bàn Thành phố để đảm bảo cung ứng khi có thiên tai xảy ra; tại cấp huyện, cấp xã có phân công, phân bố dự trữ tại các hộ, cơ sở kinh doanh trên địa bàn để thuận lợi cung ứng khi thiên tai xảy ra.

Đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt được củng cố, thành lập theo quy định (Đội trưởng, số lượng phó đội trưởng; các thành phần tham gia đội xung kích, ...) tại Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 là 30/30 quận huyện.

3.4. Năng lực và nhận thức của cán bộ làm công tác PCTT và người dân

Đội ngũ cán bộ làm công tác PCTT của các cấp chủ yếu là kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, về năng lực cán bộ đảm bảo theo yêu cầu; cán bộ làm công tác PCTT và TKCN thường xuyên được đào tạo, tập huấn, trau dồi kiến thức về PCTT và TKCN nhằm nâng cao năng lực về quản lý, điều hành và thực hiện các nhiệm vụ PCTT.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ tham gia công tác phòng, chống thiên tai và người dân được thực hiện thường xuyên và bằng nhiều hình thức; huy động được nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức Hội tham gia đã làm thay đổi nhận thức của cộng đồng dân cư, phát huy vai trò của cộng đồng trong việc chủ động phòng chống, ứng phó với thiên tai nên công tác PCTT những năm qua được đánh giá tốt, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn thành phố.

Thời gian qua, nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác PCTT của các cấp, Thành phố đã thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, huấn luyện về quản lý, điều hành và thực và thực hiện các nhiệm vụ PCTT.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ tham gia công tác phòng, chống thiên tai và người dân được thực hiện thường xuyên và bằng nhiều hình thức; huy động được nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức Hội tham gia đã làm thay đổi nhận thức của cộng đồng dân cư, phát huy vai trò của cộng đồng trong việc chủ động phòng chống, ứng phó với thiên tai nên công tác PCTT những năm qua được đánh giá tốt, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Thường xuyên tuyên truyền giáo dục về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài và các pano, áp phích, tờ rơi.

Hàng năm, Bộ Tư lệnh Thủ đô xây dựng, bổ sung hệ thống cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng; chủ động xây dựng kế hoạch hiệp đồng với các cơ quan, đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn sẵn sàng tham gia phòng chống thiên tai theo hiệp đồng; phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp thực hiện diễn tập ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện tại một số xã trọng điểm nhằm nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai của cộng đồng, nhân dân.

Xây dựng, củng cố lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai: Đến nay, toàn thành phố đã thành lập, củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai huyện tại 30/30 quận huyện. Lực lượng xung kích cấp huyện, xã với nòng cốt là dân quân tự vệ, lực lượng xung kích cấp xã gồm cán bộ công chức xã, lực lượng quân sự, công an xã, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, tổ chức đoàn thể khác tại xã thực hiện các nhiệm vụ về an ninh, phòng chống cháy rừng, cháy nổ, sự cố, phòng dịch, phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Lực lượng xung kích cấp xã hàng năm được tổ chức tập huấn, huấn luyện theo các nội dung chủ yếu do Ban Chỉ huy quân sự, công an xã xây dựng tổ chức trong đó có lồng ghép công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, chữa xây dựng kế hoạch nội dung, kịch bản tập huấn, đào tạo riêng cho đội xung kích phòng, chống thiên tai.

3.5. Năng lực công trình PCTT tại địa phương

Hệ thống công trình PCTT tại địa phương bao gồm: Hệ thống công trình thủy lợi; hệ thống công trình đê điều, hệ thống công trình cảnh báo, dự báo; hệ thống các công trình phục vụ di dời dân cư; rừng phòng hộ, rừng đặc dụng,...

3.5.1. Đối với công trình đê điều

- Trên địa bàn Thành phố hiện có 626,513 km đê đã được phân cấp, trong đó có 37,709 km là đê cấp đặc biệt trên tuyến đê Hữu Hồng bảo vệ trực tiếp cho thủ đô Hà Nội; có 249,578 km đê cấp I; 45,004 km đê cấp II; 72,165 km đê cấp III là những tuyến đê bảo vệ cho các vùng dân cư, kinh tế quan trọng; 160,016 km đê cấp IV; 62,041 km đê cấp V và 41 tuyến đê bao, đê bồi, đê chuyên dùng với tổng chiều dài 213,93 km chưa được phân cấp.

Trên các tuyến đê còn có hệ các công trình khác như:

+ Các công trình bảo vệ bờ: Trên các tuyến đê có 161 kè lát mái hộ bờ, kè mở hàn với tổng chiều dài là 204,045 km (Hữu Đà 6 kè, Hữu Hồng 36 kè, Vân Cốc 5 kè, Tả Hồng 13 kè, Hữu Đuống 8 kè, Tả Đuống 12 kè, Tả Đáy 28 kè, Hữu Cầu 6 kè, Hữu Cà Lò 3 kè, Tả Cà Lò 14 kè). Trên tuyến đê cấp IV: Hữu Đáy 18 kè, Tả Tích 3 kè, Tả Bùi 7 kè, Hữu Bùi 2 kè.

+ Hệ thống Giếng giảm áp (GGA) trên tuyến đê Hữu Hồng gồm 279 giếng, trong đó: huyện Phúc Thọ có 56 GGA; huyện Đan Phượng có 16 GGA; quận Bắc Từ Liêm có 55 GGA; quận Hoàng Mai có 90 GGA; huyện Thanh Trì có 62 GGA.

+ Các công trình trên các tuyến đê còn có 197 cống qua đê (trong đó có 19 cống đã hoàn thành), 02 cống đang thi công; 240 cửa khẩu qua đê (02 cửa khẩu đã hoàn thành); 364 điểm canh đê; 17 Hạt Quản lý đê; cùng 74 điểm kho, bãi vật tư dự trữ phòng chống lụt bão.

3.5.2. Đối với công trình thủy lợi

- Về hồ chứa nước:

Trên địa bàn thành phố hiện có 117 đập, hồ chứa nước, trong đó có 09 đập, hồ chứa nước thủy lợi lớn; 20 đập, hồ chứa nước thủy lợi vừa và 88 đập, hồ chứa nước thủy lợi nhỏ các công trình đập, hồ chứa nước tập trung trên địa bàn thị xã Sơn Tây và các huyện: Ba Vì, Sóc Sơn, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Thạch Thất và Quốc Oai. Công ty Đầu tư phát triển thủy lợi Hà Nội quản lý 26 đập, hồ chứa nước; Công ty Thủy lợi Sông Tích quản lý 69 đập, hồ chứa nước, Công ty Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Đáy quản lý 22 đập, hồ chứa nước.

Một số hồ lớn đã được nâng cấp sửa chữa: Hồ Đàm, hồ Vồng (huyện Ba Vì), hồ Lập Thành (huyện Quốc Oai), các hồ Đồng Đò, Đền Sóc, Kèo Cà, Ban Tiện (huyện Sóc Sơn). Hồ Suối Hai, hồ Mèo Gù (huyện Ba Vì), hồ Văn Sơn (huyện Chương Mỹ), hồ Quan Sơn (huyện Mỹ Đức) đã hoàn thành phục vụ sản xuất và PCTT.

Ngoài ra còn các hồ chứa vừa và nhỏ có dung tích dưới 1 triệu m³ và các đập nhỏ cơ bản đảm bảo an toàn và phục vụ sản xuất. Công tác bảo trì, duy tu,

bảo dưỡng đập, tràn, cống lấy nước được thực hiện đầy đủ theo quy định hiện hành. Trong các năm 2015, 2016 đã sửa chữa nâng cấp các hồ xung yếu gồm: Hồ Đồng Đò, hồ Đồng Quan, kè Cà huyện Sóc Sơn; Hồ Lập Thành huyện Quốc Oai; hồ Đàm, hồ Vồng huyện Ba Vì. Các công trình đã hoàn thành, đảm bảo an toàn phục vụ sản xuất năm 2020 và các năm tiếp theo.

Hiện còn một số hồ chưa được sửa chữa, cải tạo, nâng cấp. Một số đập, hồ nhỏ nhận bàn giao từ các huyện về đa phần xuống cấp gồm: hồ Thố Bìn (Ba Vì), hồ Canh Nhím có hiện tượng thấm mạnh, lòng hồ bồi lắng... Hồ Lò Sả lòng hồ bồi lắng; hồ Thanh Sơn, Anh Bé mái đá thượng lưu đã bị sụt lún, máy đóng mở bị kẹt, vận hành khó khăn... Đập Đồng Dầu, đập Vai Xi... một số hạng mục bị xuống cấp cần có kế hoạch tu sửa trong giai đoạn tới.

- Trạm bơm điện: Tổng số 1.837 trạm với 4.139 máy bơm các loại (1.264 trạm bơm tưới với 1.898 máy bơm các loại; 244 trạm bơm tiêu với 1.069 máy bơm các loại; 329 trạm bơm tưới tiêu kết hợp với 1.172 máy bơm các loại);

- Về các trục cấp và tiêu thoát nước:

+ Hệ thống Sông Nhuệ dài 113,6 km lấy nước trực tiếp từ sông Hồng, cấp nước tưới 43.694 ha và tiêu nước 107.000 ha trên địa bàn liên thành phố Hà Nội, Hà Nam.

- Hệ thống kênh mương: Hệ thống kênh gồm 6.393 tuyến kênh các cấp với tổng chiều dài gần 3.635,28 km. Nhìn chung các tuyến kênh tương đối ổn định, tuy nhiên hệ thống kênh mương qua nhiều năm đưa vào khai thác đến nay đã bị xuống cấp. Bờ, mái kênh sụt sạt, lòng kênh bị bồi lắng làm giảm khả năng dẫn nước. Nguồn nước bị ô nhiễm nặng do tình trạng xả rác thải, phế thải, nước thải làng nghề chưa qua xử lý đổ trực tiếp vào kênh mương. Qua kiểm tra một số tuyến kênh lòng kênh bị bồi lắng, bờ mái kênh bị sạt lở cần nạo vét, tu sửa, gồm: Kênh Cầu Ngà, Sông Pheo, Kênh Hòa Bình, Kênh Đồng Trì - Đông Mỹ, Kênh Siêu Quân, Kênh Đông.

3.6. Năng lực về nguồn lực tài chính

Nguồn lực tài chính để phục vụ cho lĩnh vực PCTT&TKCN của Thành phố bao gồm các nguồn do Trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách Thành phố, nguồn ngân sách dự phòng, nguồn hỗ trợ của các tổ chức chính trị xã hội, nguồn Quỹ PCTT.

Hàng năm khi có thiên tai xảy ra, các cơ quan tham mưu báo cáo UBND thành phố, trình Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương hỗ trợ khắc phục thiên tai đối với các công trình cơ sở hạ tầng có vốn đầu tư lớn, đối với các công trình nhỏ, thiệt hại về nhà ở, cây trồng, vật nuôi sử dụng ngân sách dự

phòng địa phương và nguồn Quỹ PCTT của Thành phố. Trường hợp vượt quá khả năng của địa phương thì báo cáo Trung ương hỗ trợ theo quy định.

4. Đánh giá mức độ rủi ro thiên tai

Với xu thế về biến đổi khí hậu với các biểu hiện nền nhiệt độ thay đổi theo chiều hướng trung bình gia tăng, lượng mưa thay đổi theo chiều hướng gia tăng về mùa mưa và giảm về mùa kiệt thì ngày càng làm gia tăng các yếu tố cực đoan của thời tiết và gia tăng cường độ cũng như tần suất các loại hình thiên tai. Trên địa bàn Thành phố Hà Nội cũng như các tỉnh đồng bằng sông Hồng cũng ghi nhận các thiên tai như mưa lớn, ngập lụt... xảy ra thường xuyên hơn và trầm trọng hơn và có xu hướng gia tăng trong một vài năm gần đây trên địa bàn Thành phố. Những loại thiên tai này ảnh hưởng trực tiếp đến cơ sở hạ tầng của đô thị, thủy lợi, giao thông, giáo dục, y tế và ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của các ngành khác trên địa bàn Thành phố đặc biệt là tình trạng dễ bị tổn thương ở từng đối tượng ở các mức khác nhau theo từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể. Trong đó:

- Nguy cơ rủi ro thiên tai đối với lĩnh vực an toàn cộng đồng trên địa bàn Thành phố được đánh giá ở mức trung bình: trong đó rủi ro lớn là thiệt hại về tài sản vật chất và tinh thần của người dân khi có ảnh hưởng của mưa lớn, ngập lụt... xảy ra dẫn đến các thiệt hại về sức khỏe người dân và ảnh hưởng đến đời sống của người dân;

- Nguy cơ thiệt hại về cơ sở hạ tầng của Thành phố ở mức trung bình, thấp, tập trung vào các ngành điện lực, viễn thông, giao thông và giáo dục tại các cấp cơ sở...; Nguy cơ rủi ro về người ở mức thấp, do công tác phòng ngừa ứng phó và công tác tổ chức, xã hội của Thành phố đã được triển khai tốt.

- Nguy cơ rủi ro thiên tai đối với lĩnh vực sản xuất – kinh doanh trên địa bàn Thành phố ở mức trung bình, tập trung vào ngành nông nghiệp các loại hình thiên tai gây thiệt hại chủ yếu gồm mưa lớn, ngập lụt... trong vụ Đông Xuân; Nguy cơ rủi ro thiên tai với lâm nghiệp do cháy rừng tự nhiên ở mức thấp; các ngành nghề sản xuất khác như công nghiệp, du lịch, dịch vụ ảnh hưởng ở mức thấp do bị gián đoạn sản xuất.

- Nguy cơ rủi ro thiên tai đối với lĩnh vực y tế và sức khỏe cộng đồng trên địa bàn Thành phố ở mức trung bình, song ngành y tế cũng cần phát triển nâng cao năng lực cho tuyến cơ sở và hệ thống y tế cộng đồng, đề cao công tác phòng ngừa, sẵn sàng cho các tình huống thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng bất thường hơn.

V. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Kết quả thực hiện công tác PCTT năm 2021

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao năm 2021, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội đã tham mưu UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo các sở, ngành, các quận, huyện, thị xã triển khai hoàn thành nhiều nội dung, nhiệm vụ, kế hoạch PCTT. Cụ thể:

- Công tác phòng ngừa

+ Đề chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại sự cố, thiên tai gây ra, bảo đảm ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, ngay từ đầu năm, Thành ủy, UBND Thành phố, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN Thành phố đã triển khai, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương chủ động ứng phó với các loại hình thiên tai, sự cố năm 2021. Trọng tâm là công tác tổ chức Hội nghị tổng kết công tác PCTT và TKCN năm 2020, triển khai nhiệm vụ năm 2021; Chương trình công tác số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố Hà Nội, giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 05/4/2021 của UBND Thành phố về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021; Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Theo nhiệm vụ được giao, các cấp, các ngành đã sớm tổ chức tổng kết, tham mưu thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Về cơ bản 579/579 xã trên địa bàn Thành phố đã thành lập đội xung kích PCTT cấp xã với số lượng thành viên là 61.741 người theo hướng dẫn tại Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

+ Đối với việc xây dựng kế hoạch, phương án PCTT và TKCN; Theo chức năng, nhiệm vụ được giao các sở, ngành liên quan thường xuyên rà soát, chủ động tham mưu, xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án PCTT và TKCN năm 2021 đảm bảo theo phương châm "4 tại chỗ", sẵn sàng khi có tình huống thiên tai, sự cố xảy ra (Phương án hộ đê và bảo vệ trọng điểm phòng, chống thiên tai, với 04 trọng điểm và 12 vị trí xung yếu; Phương án cứu trợ và đảm bảo đời sống Nhân dân khi có sự cố thiên tai; Phương án phòng, chống úng ngập khu vực ngoại thành và đảm bảo an toàn hồ, đập

trong mùa mưa bão năm 2021; Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự của Công an thành phố Hà Nội; Phương án ứng phó với một số tình huống phòng, chống thiên tai, ứng ngập nội thành, khắc phục sự cố cây gãy, đổ và đảm bảo chiếu sáng công cộng, cung cấp nước sạch mùa mưa bão...). 30/30 quận, huyện, thị xã đã xây dựng, triển khai và thường xuyên rà soát hoàn chỉnh kế hoạch, phương án PCTT và TKCN năm 2021 sát với thực tế đảm bảo sẵn sàng khi có tình huống thiên tai, sự cố xảy ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19 diễn ra phức tạp.

+ Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành các đơn vị trên địa bàn Thành phố đã chuẩn bị đầy đủ vật tư, phương tiện và các điều kiện cần thiết để ứng phó với mọi tình huống thiên tai, sự cố theo phương châm “4 tại chỗ”. Thường xuyên rà soát, kiểm kê vật tư, dụng cụ, trang thiết bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, qua đó xác định số lượng, chất lượng vật tư, trang thiết bị và có kế hoạch thanh lý, mua bổ sung.

+ Năm 2021, do tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp; công tác tuyên truyền, tập huấn và diễn tập phòng chống thiên tai và cứu hộ cứu nạn đã được triển khai thay đổi với nhiều hình thức, trong đó chú trọng hình thức trực tuyến; thường xuyên đăng các tin, bài, phóng sự tuyên truyền về công tác PCTT và TKCN trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh của xã, phường, thị trấn; các cơ quan báo chí, truyền thông; tuyên truyền phổ biến kiến thức, kỹ năng tới người dân và chính quyền các cấp thông qua các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, kết hợp cả hệ thống tin nhắn và các trang mạng xã hội.

- Công tác ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai

+ Tổ chức thực hiện nghiêm hệ thống trực chỉ huy, trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở tất cả các cấp, các ngành. Thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời tham mưu, đề xuất khi có tình huống xảy ra.

+ Khi xảy ra thiên tai, Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các cấp, các ngành chủ động, kịp thời ban hành các công điện, văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện các biện pháp sẵn sàng ứng phó với thiên tai theo phương án đã xây dựng. Với các sự cố, thiên tai trong khả năng, các đơn vị trên địa bàn Thành phố chủ động ứng phó theo phương án đã được duyệt. Đối với sự cố vượt khả năng của địa phương báo cáo Thành phố quyết định huy động vật tư, phương tiện và lực lượng ứng cứu kịp thời.

+ Bên cạnh đó, các cơ quan đơn vị, địa phương thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông tin, cảnh báo kịp thời đến người dân để chủ động phòng tránh; kiểm tra các trọng điểm xung yếu, các công trình (đặc biệt công trình đang thi công), chủ động ứng

phó kịp thời mọi diễn biến thiên tai, bảo đảm an toàn công trình, tính mạng tài sản của Nhà nước và nhân dân nhất là ở những vùng trũng thấp có khả năng ngập úng, vùng có nguy cơ sạt lở, lũ rừng ngang.

+ Trong năm 2021, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra nhiều đợt mưa lớn gây ra các sự cố như ngập úng cục bộ, cây gãy đổ, sạt lở bờ, sự cố đê điều ... Các sự cố đều được chỉ đạo khắc phục kịp thời; không để xảy ra các thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Công tác kiểm tra, rà soát phát hiện kịp thời hư hỏng công trình đê điều, thủy lợi, PCTT luôn được quan tâm triển khai ở các cấp. Đối với các sự cố sạt lở đê điều, thủy lợi nghiêm trọng, đặc biệt nguy hiểm, UBND thành phố Hà Nội đã cho xử lý cấp bách, kịp thời khắc phục, đảm bảo an toàn chống lũ cho các tuyến đê, an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân.

- Các dự án công trình phục vụ công tác PCTT

(Chi tiết tại phụ lục 2a1;2a2)

2. Kế hoạch phòng chống thiên tai thực hiện trong giai đoạn 2022 -2025

2.1. Biện pháp phi công trình

2.1.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách

- Triển khai, thực hiện các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực PCTT và TKCN từ Trung ương; Thành phố xây dựng, hoàn thiện thể chế nhằm thực hiện các chiến lược, luật, chương trình, đề án, kế hoạch, phương án, dự án về PCTT và TKCN đảm bảo nâng cao hiệu quả trong công tác PCTT&TKCN.

- Rà soát và kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp thành phố khi có sự thay đổi; phân công nhiệm vụ thành viên nhằm huy động tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức tham gia công tác phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

- Rà soát, xây dựng chương trình chiến lược phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thành phố Hà Nội.

- Rà soát, sửa đổi và bổ sung các chính sách phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều ngày 17/6/2020.

- Rà soát, đánh giá xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” theo Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Chính phủ. Thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025.

- Rà soát chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

- Nghiên cứu chính sách ưu tiên, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

- Rà soát quy hoạch bố trí dân cư vùng sát chân đê, trong hành lang đê điều giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

2.1.2. Kiện toàn tổ chức, bộ máy và tăng cường năng lực quản lý thiên tai

- Hàng năm kiện toàn tổ chức, bộ máy chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, đảm bảo năng lực hoạt động có hiệu quả.

- Rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp nhằm tăng cường năng lực, hoạt động hiệu quả.

- Hiện đại hóa Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp: Đầu tư trang thiết bị cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp đảm bảo thực hiện nhiệm vụ với diễn biến thiên tai ngày càng phức tạp; đảm bảo thu thập, xử lý, ra quyết định phòng chống ứng phó thiên tai. Các hạng mục cần thiết đầu tư bao gồm: Văn phòng làm việc, trang thiết bị văn phòng, máy tính cấu hình cao; vật tư trang thiết bị (đảm bảo nguồn lực 4 tại chỗ).

- Xây dựng hệ thống giám sát thiên tai cấp thành phố.

- Xây dựng, cập nhật bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm phục vụ điều hành, hỗ trợ ra quyết định phòng, chống thiên tai.

- Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp tỉnh, huyện xã; các cán bộ có liên quan trong công tác phòng, chống thiên tai thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn, diễn tập hàng năm.

- Nâng cao năng lực lực lượng xung kích PCTT cấp xã.

- Lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai các cấp tỉnh, huyện, xã.

- Nâng cấp, hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT và TKCN đảm bảo thông suốt trong quá trình ứng phó thiên tai của Ban Chỉ huy các cấp, cụ thể: Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc tại Ban Chỉ huy các cấp, đảm bảo thông tin trên các phương tiện truyền thông, internet được liên tục.

- Tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2021-2025, xây dựng kế hoạch tham gia của các tổ chức chính trị, xã hội trong quá trình ứng phó thiên tai. Kêu gọi, quản lý thực hiện chương trình hỗ trợ, vận động của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Tăng cường nguồn lực cán bộ chuyên trách làm công tác PCTT và TKCN ở các cấp nhất là lực lượng cán bộ chuyên trách ở các Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ.

- Đầu tư, tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp, chủ động, nhanh, chính xác đáp ứng hoạt động cứu hộ, cứu nạn. Nâng cao năng lực của lực lượng nòng cốt trong công tác cứu hộ, cứu nạn và sự phối kết hợp với các tổ chức liên quan. Hàng năm, rà soát, mua sắm bổ sung vật tư, phương tiện chuyên dùng cho công tác PCTT và TKCN.

- Mua sắm, bổ sung vật tư, công cụ, thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban Chỉ huy PCTT và TKCN với các tổ chức chính trị, xã hội (Ủy ban Mặt trận tổ quốc, thanh niên, phụ nữ, chữ thập đỏ...) tham gia PCTT và TKCN.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào công tác phòng, chống thiên tai.

2.1.3. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch

- Thường xuyên rà soát cập nhật Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật hàng năm;

- Xây dựng Phương án ứng phó với từng loại thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn Thành phố;

- Xây dựng, phê duyệt và triển khai Kế hoạch Tìm kiếm cứu nạn các cấp để chủ động nguồn lực và trách nhiệm thực hiện khi có tình huống thiên tai xảy ra;

- Rà soát quy hoạch thủy lợi cấp nước và tiêu nước lưu vực sông Đáy;

- Rà soát quy hoạch bố trí dân cư vùng sát chân đê, trong hành lang đê điều giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030.

2.1.4. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp thành phố

Kết hợp giữa đầu tư công và xã hội hoá các dịch vụ khí tượng thủy văn. Trong đó dự kiến giai đoạn 2022 – 2025:

Lắp đặt, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai;

Lắp đặt thiết bị cảnh báo, dự báo các khu vực bị ngập sâu, trũng thấp; sụt lún đất (như tại Chương Mỹ, Mỹ Đức);

Bổ sung mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường phục vụ công tác PCTT;

Tăng cường các bản tin dự báo phục vụ phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai trên địa bàn thành phố;

Rà soát quy trình vận hành các hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; cập nhật dữ liệu thông tin vận hành hồ chứa.

2.1.5. Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng, chống thiên tai cho cộng đồng

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về phòng, chống thiên tai đến cộng đồng thông qua thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Chính phủ:

- Lồng ghép các kiến thức về phòng chống thiên tai vào các chương trình đào tạo chính khóa hoặc ngoại khóa nhà trường theo Quyết định 3162/QĐ-BGDĐT ngày 22/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022-2025.;

- Tổ chức các lớp tập huấn, truyền thông về kỹ năng và kiến thức phòng, chống, ứng phó với từng loại hình thiên tai cụ thể trên địa bàn Thành phố cho các xã/ phường thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai;

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng của Thành phố;

- Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào các chương trình hội nghị, hội thảo và các đợt sinh hoạt các hội nhóm ở các cấp cộng đồng;

- Biên soạn tài liệu kiến thức về phòng chống thiên tai cho học sinh các vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của ngập lụt;

- Biên soạn tài liệu kiến thức về phòng chống thiên tai cho người dân vùng ngập lũ.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kỹ năng về phòng chống thiên tai: Tuyên truyền phổ biến kiến thức về PCTT qua các kênh thông tin đại chúng: Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố, Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao các Quận/huyện/thị xã, hệ thống các loa truyền thanh của phường/xã.

2.1.6. Sản xuất nông nghiệp an toàn trước thiên tai, trồng và bảo vệ rừng phòng hộ

- Các dự án điều chỉnh sản xuất nhằm hạn chế thiệt hại về người, đảm bảo sinh kế bền vững phù hợp hoặc thích ứng với loại thiên tai từng khu vực.

- Lập các dự án đối với rừng giàu, rừng trung bình khi khai thác lâm sản phải theo đúng quy hoạch, kế hoạch, phương án điều chế, thiết kế sản xuất, quy trình kỹ thuật.

- Lập các dự án tu bổ, cải tạo để làm giàu rừng đối với rừng nghèo, kiệt và lập dự án cho trồng rừng phủ đất trống, đồi núi trọc.

Trong giai đoạn 2022-2025, tăng cường công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, hỗ trợ người dân về cây giống, hỗ trợ khoa học kỹ thuật, ... nhằm nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

2.1.7 Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

- Nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng Bộ chỉ số kiểm soát an toàn thiên tai cho thủ đô Hà Nội. Xây dựng và ban hành tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở cá nhân sử dụng (theo Điều 18a Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều).

- Triển khai đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực phòng chống thiên tai.

(Các danh mục chi tiết xem tại Phụ lục số 01)

2.2. Biện pháp công trình

2.2.1. Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình thủy lợi

a. Giai đoạn 2022-2025

Các công trình thủy lợi cần đầu tư, nâng cấp, cải tạo gồm trạm bơm, hệ thống kênh tưới tiêu, hồ chứa,...¹¹

Hoàn thiện các hạng mục, công trình đề xuất mới năm 2021 và cải tạo các công trình đã bị xuống cấp. Thực hiện các dự án mở mới được bố trí vốn giai đoạn 2022-2025. *(Chi tiết xem tại Phụ lục số 2a2)*

b. Định hướng, mục tiêu đầu tư

Trên cơ sở đề xuất các dự án theo thứ tự: Ưu tiên, cấp bách, chuyển tiếp và những dự án đề xuất cho mở mới với những loại thiên tai mới xảy ra gần đây thì định hướng và mục tiêu đầu tư giảm nhẹ tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra, tập trung các hồ chứa đã có sự cố, các kênh lớn thoát nước khi có lũ hoặc mưa nội đô.

¹¹ 42 trạm bơm; 42 công trình kênh tưới, tiêu; 10 cụm công trình trạm bơm; 02 cụm công trình trạm bơm, cống; cải tạo, nâng cấp 06 hồ chứa nước; cải tạo, nạo vét, gia cố bờ sông 09 đoạn sông và một số công trình đầu mối, cống, đập khác

Sau các trận mưa lũ năm 2017, 2018 xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội thì các công trình được mở và đề xuất mới phù hợp để chống đỡ thiên tai và khắc phục những yếu điểm đã xảy ra trong thời gian qua, một số công trình mở mới được đề xuất sẽ thực hiện đầu tư từ 2022 đến 2025 (kết thúc kỳ kế hoạch 5 năm). Tập trung các dự án cho tiêu là chính, giảm bớt các điểm ngập sâu, ngập cục bộ.

2.2.2. Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê điều

a. Giai đoạn 2022 -2025:

Thực hiện các dự án mở mới được bố trí vốn giai đoạn 2022-2025. Giai đoạn này tập trung hoàn thiện các công trình của kế hoạch. Tập trung nâng cấp đê để an toàn chống lũ cho các vùng vừa qua bị ngập (sông Tích, sông Mỹ Hà...). Xây dựng các công trình kè bảo vệ bờ sông khỏi sạt lở ở các khu vực gần đê, gần khu dân cư.

b. Định hướng, mục tiêu đầu tư

Đảm bảo cho các tuyến đê an toàn đảm bảo chống tràn, ổn định mặt cắt và ổn định các vùng đã bị ngập lũ năm 2017, 2018. Ưu tiên tôn cao áp trực mặt cắt đê. Cụ thể 1 số dự án tăng cường cho công tác chống ngập, chống tràn, đảm bảo đê khép kín an toàn, những công trình đề xuất này phù hợp với tình hình thiên tai hiện tại đồng thời phù hợp với Quyết định 1821 của Thủ tướng Chính phủ về hệ thống sông Đáy, trong đó:

Các Dự án còn từ giai đoạn 2016-2020 đã có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố gồm (1) Nâng cấp đê sông Nhuệ trên địa bàn huyện Phú Xuyên theo quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 và (2) Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang, huyện Ba Vì theo quyết định số 6151/QĐ-UBND ngày 31/8/2017.

Các dự án đề xuất trong kỳ quy hoạch từ 2022-2025 gồm các dự án tập trung khu vực bị ngập lũ năm 2017, 2018 phù hợp với nội dung quy hoạch hệ thống sông Đáy tại Quyết định 1821 của Thủ tướng Chính phủ.

(Các dự án công trình đê điều được chi tiết trong phụ lục 2b2)

2.2.3. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông xét đến yếu tố rủi ro thiên tai

Trong giai đoạn tới, Hà Nội tiếp tục tập trung đầu tư hình thành mạng lưới hạ tầng giao thông khung của thành phố theo quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thông tuyến và khép kín các đường vành đai trong khu vực đô thị trung tâm, cùng một số tuyến đường sắt đô thị có tính kết nối. Đây là những công trình lồng ghép trong các công trình phòng chống thiên tai phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế hiện nay.

Kết cấu hạ tầng giao thông mà Hà Nội tập trung giải quyết là đầu tư các tuyến đường, công trình giao thông khung kết nối khu vực đô thị trung tâm với năm đô thị vệ tinh và kết nối Thủ đô với các thành phố, địa phương thuộc vùng thủ đô, thông qua các tuyến đường hướng tâm như: QL1A, QL3, QL6, QL21; QL21B; các trục Tây Thăng Long, Ngọc Hồi - Phú Xuyên, đường trục phía Nam; các đường vành đai như vành đai 3,5, đường vành đai 4, vành đai 5; một số cầu vượt sông như cầu Tứ Liên, cầu Hồng Hà và cầu Mễ Sở (vành đai 4); cầu Ngọc Hồi (vành đai 3,5); cầu Đuống 2 (trên QL1A cũ).

Hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng tuyến đường sắt đô thị số 2A (Cát Linh - Hà Đông) và tuyến đường sắt đô thị thí điểm số 3 (đoạn Nhôn - Ga Hà Nội);

Giai đoạn 2022-2025 hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và khởi công thêm 4 tuyến đường sắt đô thị, bao gồm tuyến số 5 đoạn Văn Cao - Hòa Lạc và Tuyến số 3 đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai, tuyến Nam Thăng Long- Trần Hưng Đạo (do Thành phố đầu tư); Tuyến số 1 Yên viên - Ngọc Hồi (Bộ Giao thông vận tải đầu tư); tiếp tục đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu chuẩn bị đầu tư các tuyến đường sắt đô thị còn lại làm cơ sở khởi công trong giai đoạn tiếp theo.

Việc quy hoạch và phát triển hệ thống giao thông thành phố cần kết hợp giữa các sở ngành, đảm bảo quy hoạch thoát nước tổng thể thành phố, có xem xét đến tình hình biến đổi khí hậu, đặc biệt yếu tố mưa cực trị đảm bảo phòng chống thiên tai của thành phố. Khi xây dựng các công trình giao thông cần xét đến yếu tố rủi ro thiên tai.

- Các dự án về giao thông khi lập cần xem xét đến yếu tố thiên tai:

+ Đối với cầu qua sông, các bến cảng, phà không được làm thu hẹp dòng chảy, thu hẹp thoát lũ gây ra ngập lụt:

Đối với các đường dẫn không được làm co hẹp dòng chảy lũ;

Đối với các dự án đường giao thông, cao trình đường không được làm giảm khả năng thoát lũ, cần phải bố trí hệ thống công tiêu thoát để tránh gây ngập lụt;

Đối với các dự án giao thông thủy, chính trị giao thông thủy phải tính toán không làm xói lở bờ sông hoặc ảnh hưởng đến hệ thống đê điều hay làm giảm mặt cắt thoát lũ và không làm ảnh hưởng đến bờ đối diện ...

Các dự án lồng ghép về giao thông còn phải xét tới đường giao thông kết hợp với đường cứu hộ, cứu nạn như trong vùng ngập lũ, hay bị chia cắt khi có mưa, lũ lớn, nghiên cứu kết hợp đường giao thông với đường cứu hộ, cứu nạn, sơ tán để người dân tránh trú tạm thời.

+ Nâng cao các tiêu chuẩn thiết kế của đường, có biện pháp gia cố chống sạt lở, lũ quét, lắp đặt hệ thống cảnh báo đảm bảo an toàn tại các khu vực nguy hiểm.

2.2.4. Công trình hạ tầng cấp, thoát nước và xét đến yếu tố rủi ro thiên tai

Những năm gần đây, tốc độ đô thị hóa trên địa bàn Hà Nội diễn ra nhanh chóng, với việc hình thành nhiều khu đô thị mới, khu công nghiệp tập trung, kéo theo sự gia tăng dân số. Tuy nhiên, sự đầu tư các công trình hạ tầng thoát nước chưa theo kịp tốc độ phát triển và mở rộng của Thủ đô, cộng với diễn biến thời tiết phức tạp đặt ra nhiều thách thức cho công tác thoát nước.

Hệ thống thoát nước (HTTN) vùng đô thị là một hệ thống hỗn hợp đồng bộ bao gồm các cống, kênh mương, hồ nội đô, các sông thoát nước ngoại thành và các trạm bơm tiêu cục bộ và đầu mối đảm nhận việc tiêu thoát nước mưa đô thị và vùng nông nghiệp với các hệ số tiêu khác nhau.

Sau hai giai đoạn Dự án thoát nước Hà Nội, hiện nay hoàn chỉnh được HTTN mưa khu vực nội thành lưu vực sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét và sông Kim Ngưu với diện tích 77,5 km² (gồm các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Tây Hồ và một phần các quận Cầu Giấy, Thanh Xuân). Hệ thống này có thể giải quyết được tình trạng úng ngập cho những trận mưa có cường độ 300 mm/2 ngày.

Dự án thoát nước giai đoạn I triển khai năm 1998, với mục tiêu là chống úng ngập do nước mưa cho đô thị lõi của Thủ đô và trong lưu vực sông Tô Lịch có ranh giới từ sông Tô Lịch đến sông Hồng (diện tích là 77,5 km²).

Dự án thoát nước Hà Nội giai đoạn II (chủ yếu cho lưu vực sông Tô Lịch) được khởi động từ năm 2008 đã nâng cấp, cải tạo trạm bơm đầu mối Yên Sở, nâng công suất lên 90m³/s, cải tạo 13 hồ điều hòa trong nội thành và 12 trạm bơm nước.

HTTN lưu vực sông Tô Lịch đã được đầu tư xây dựng với một số công trình trọng điểm đã hoàn thành như: cụm công trình đầu mối Yên Sở bao gồm hệ thống hồ điều hòa hơn 130ha và trạm bơm 90 m³/s; cải tạo 56km kênh mương và 17 hồ; cải tạo và xây dựng 49,9km cống thoát nước; xây dựng 3 nhà máy xử lý nước thải: Kim Liên, Trúc Bạch và Bảy Mẫu; xây dựng 36,5km đường công vụ dọc các tuyến sông; trang bị các thiết bị nạo vét cơ giới hiện đại.

Năm 2012, thành phố đã đầu tư xây dựng, cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 phía Tây Hà Nội¹² với trạm bơm Cầu Biều đang hoạt động đã đáp ứng công suất theo quy hoạch thoát nước.

¹² Quyết định số 4956/QĐ-UBND phê duyệt dự án 3 trạm bơm

Giai đoạn 2022-2025, thành phố cần tiếp tục tăng cường năng lực tiêu thoát nước cho các sông, kênh, hồ điều hoà như: Công điều tiết, hồ điều hoà cải tạo sông (xây kè, nạo vét, cải tạo lòng dẫn), hoàn thiện hệ thống trạm bơm tiêu thoát nước,... và cải tạo, nâng cấp mở rộng, bảo trì, duy tu và sửa chữa định kỳ các tuyến công thoát nước;

Song song với biện pháp công trình còn đưa ra các giải pháp phi công trình: soát xét, điều chỉnh lại Quy hoạch thoát nước thành phố Hà Nội trên cơ sở cập nhật hiện trạng phát triển đô thị và hệ thống hạ tầng có xét đến các trận thiên tai lịch sử đã xảy ra, tính đến các yếu tố bất thường của thời tiết và BĐKH, tăng cường năng lực cảnh báo và kiểm soát úng ngập đô thị bằng các hệ thống quan trắc và điều hành phù hợp.

Khi đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng cần xem xét:

- Công trình hạ tầng cấp, thoát nước: Đối với khu vực đô thị, dân cư tập trung cần có các biện pháp cấp, thoát nước có tính đến yếu tố thiên tai như thiếu nước, hạn hán, ngập lụt...

- Các khu đô thị: Cần xem xét tùy từng khu vực mà thiên tai đã xảy ra theo cấp độ RRTT, loại hình để đưa các yếu tố rủi ro thiên tai vào thiết kế, xây dựng nhà ở, và các hạ tầng khác. Đặc biệt những khu đô thị mới chú trọng việc thoát nước nhanh và khu chứa nước khi mưa lớn để tránh ngập cục bộ, khu dân cư bị chia cắt. Cần rà soát tiêu chuẩn xây dựng để đưa chống động đất vào các khu cao tầng.

- Khu công nghiệp: Phải xem xét cốt nền, độ lớn của thiên tai đã xảy ra để thiết kế, xây dựng phù hợp. Cần kết hợp các công trình có sẵn hoặc xây dựng nhà tránh trú thiên tai cho cán bộ, công nhân trong khu công nghiệp hoặc hỗ trợ người dân gần đó để tránh trú thiên tai.

- Các khu chung cư cũ: Cần có phương án an toàn khi có bão hoặc bị ảnh hưởng của động đất.

VI. LÒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Lợi ích và quan điểm lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai

1.1. Lợi ích của việc lồng ghép

Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành kinh tế - xã hội đã được quy định rõ tại Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ Kế hoạch và đầu tư. Công tác lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành kinh tế xã hội nếu được triển khai một cách nghiêm túc sẽ mang lại những lợi ích to lớn cho kế hoạch phát triển KT - XH chung của các địa phương. Cụ thể:

- Tạo mức độ bền vững công trình và an toàn xã hội, hạn chế được những hình thái rủi ro mới do các công trình xây dựng tạo nên.

- Đánh giá được rủi ro thiên tai cho từng vùng và xây dựng được các giải pháp phù hợp, có tính khả thi cao.

- Tiên đoán được rủi ro thiên tai và hạn chế được hậu quả do thiên tai mang lại do sự kém hiểu biết hoặc thiếu thông tin.

- Huy động được nguồn lực để xây dựng Quỹ phòng, chống thiên tai, giảm nhẹ rủi ro thiên tai từ nhiều nguồn khác nhau.

- Phát triển bền vững, công trình bền vững đem lại hiệu quả tốt hơn cho phát triển kinh tế và an toàn xã hội.

- Giảm lãng phí, thất thoát, tránh được sự chông chéo trong đầu tư.

- Tăng năng suất, sản lượng cây trồng vật nuôi, tăng diện tích canh tác.

- Nâng cao tính trách nhiệm, tính chủ động của cấp Thành phố, huyện, xã.

- Đảm bảo tính công bằng xã hội: các khu vực có điều kiện tự nhiên không thuận lợi sẽ có chính sách ưu tiên hơn trong đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Giảm được tình trạng dễ bị tổn thương về mặt xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo bền vững.

- Tăng thêm năng lực đối phó với thiên tai của cộng đồng, giảm nhóm dễ bị tổn thương và tình trạng dễ bị tổn thương.

- Tạo điều kiện để Thành phố tự xây dựng được các chính sách thể chế liên quan đến phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội.

- Gắn kết việc lập kế hoạch phòng, chống thiên tai với quy trình kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội sau khi đã được tăng cường ở các cấp địa phương; giao chính quyền địa phương chịu trách nhiệm thực hiện các kết quả, nhưng cho phép họ xây dựng các giải pháp phù hợp với hoàn cảnh thực tế của địa phương.

1.2. Quan điểm lồng ghép

1.2.1. Lồng ghép toàn diện

- Nội dung phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai phải được lồng ghép trong các loại quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố như: Quy hoạch (tổng thể) phát triển kinh tế xã hội của thành phố (dài hạn, trung hạn và hàng năm), Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch sử dụng và khai thác tổng hợp các lưu vực sông; Quy hoạch các ngành như Quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đê điều, quy hoạch các khu tái định cư, quy hoạch các khu nuôi trồng thủy sản, quy hoạch mạng lưới trường học và bệnh viện, trạm y tế, quy hoạch các khu công

nghiệp, các khu du lịch, quy hoạch khai thác khoáng sản... và đặc biệt phải được lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào các Chiến lược phát triển chung của Thành phố và của các ngành, ví dụ Chiến lược phát triển Thủy lợi đến năm 2025 và tầm nhìn 2030; Chiến lược phát triển ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu;...

- Lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 được ban hành tại Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

- Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai còn được lồng ghép vào Đề án xây dựng nông thôn mới qua việc xây dựng các Tiêu chí xây dựng nông thôn mới của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, lồng ghép vào kế hoạch phát triển ở các cấp, các ngành, các địa phương, cả trong các văn bản quy phạm pháp luật cũng như tổ chức thực hiện;

- Ngoài ra, mỗi chương trình, mỗi dự án lớn đều phải được khuyến cáo về đánh giá rủi ro thiên tai, có đề xuất các giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong quá trình thực hiện và trong giai đoạn vận hành, bảo trì. Việc lồng ghép toàn diện nhằm đảm bảo rằng các kế hoạch, chương trình phát triển và kể cả các tiểu dự án không tạo ra các hình thái thiên tai mới.

1.2.2. Phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai lấy phòng ngừa là chính

- Công tác phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai lấy phòng ngừa là chính, lấy thích ứng làm trọng tâm, cho nên Thành phố cần phối hợp với các cơ quan, các tổ chức tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương cho từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, từng nhóm đối tượng dân cư (nhóm khá, nhóm trung bình, nhóm nghèo, nhóm nhóm nam, nhóm nữ, nhóm theo các độ tuổi khác nhau) để xác định được khả năng ứng phó của từng nhóm đối tượng, từ đó ban hành các chính sách và có giải pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực đối phó cho từng nhóm đối tượng, đặc biệt quan tâm nhiều hơn nữa đến các nhóm dễ bị tổn thương như người nghèo, trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi... đồng thời xác định được chính xác nguyên nhân của những vấn đề còn tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục.

- Cần xây dựng các giải pháp phòng ngừa, đồng thời cần xây dựng cả các giải pháp thích ứng với để đáp ứng được phương châm “Sống chung với lũ” và hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

2. Nguyên tắc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai

2.1. Nguyên tắc chung

- Nội dung phòng, chống thiên tai phải được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội.

- Căn cứ vào kết quả đánh giá, loại hình rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai ứng với mỗi loại hình và cấp độ rủi ro thiên tai của ngành hoặc địa phương để lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

- Ưu tiên các công trình đa mục tiêu, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, hướng tới phát triển bền vững và đối tượng dễ bị tổn thương trong lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

- Chủ động lồng ghép nội dung quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm mục tiêu, các chỉ số phát triển và các giải pháp) vào tất cả các bước của quá trình xây dựng kế hoạch của tất cả các ngành, các lĩnh vực, các địa phương.

- Lồng ghép hài hòa cả hai nhóm giải pháp: giải pháp phi công trình và giải pháp công trình.

- Các giải pháp ưu tiên được lựa chọn phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với loại hình và đặc điểm của mỗi loại thiên tai cũng như mức độ ảnh hưởng có thể có của biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của từng ngành, từng địa phương.

- Nguyên tắc thiết kế các chính sách của phòng, chống thiên tai: thiết kế chính sách theo hướng khuyến khích tính chủ động của các địa phương nằm trong các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào cấp trung ương. Cân đối giữa chính sách hỗ trợ của trung ương, địa phương và các nguồn khác, tăng cường sự tham gia của cộng đồng một cách toàn diện (đóng góp ý tưởng sáng tạo, đóng góp vật chất, sức lao động, ngày công lao động...). Xây dựng hệ thống chính sách phòng, chống thiên tai đồng bộ các cấp có sự tham gia của các bên liên quan và đặc biệt là từ đề xuất của các Thành phố, quận/huyện, xã/phường, và các ngành. Các chính sách phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và Kế hoạch hành động phải có quan hệ chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới và chiến lược an sinh xã hội trong kế hoạch phát triển các năm tiếp theo và các Quy hoạch phát triển của ngành.

- Các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của thành phố và kế hoạch phát triển của ngành phải là bộ phận hữu cơ của Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai của thành phố đến năm 2030 và Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030 và kế hoạch phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai của Ban

Chỉ huy PCTT&TKCN. Con người, các quyền con người và đặc biệt sự an toàn của con người là trọng tâm của sự phát triển.

- Nguồn vốn cho công tác PCTT được lồng ghép, cân đối trong quá trình lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch; trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển.

2.2. Đảm bảo tính đồng bộ, toàn diện nhưng có sự ưu tiên

Đảm bảo lồng ghép một cách đồng bộ và toàn diện các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm của các ngành, và các chương trình, dự án. Các Kế hoạch hành động (bao gồm các giải pháp công trình và phi công trình), Kế hoạch Thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Đề án nâng cao nhận thức của cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030 phải được lồng ghép một cách toàn diện vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Thành phố và các Kế hoạch phát triển 5 năm 2021-2025 của các ngành.

Các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai được lồng ghép và kế hoạch phát triển của các ngành phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của ngành, khả năng ứng phó của ngành và cộng đồng. Các giải pháp phải được xếp hạng ưu tiên trước khi lồng ghép vào kế hoạch phát triển. Chú trọng cả các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và phục hồi sau thiên tai, giải pháp về tổ chức thể chế, công trình và phi công trình, cơ chế điều phối giữa các cơ quan, ban, ngành làm căn cứ lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp.

Lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai: Bất cứ động thái nào, của bất cứ ngành nào đều đưa vấn đề giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào. Các dự án, chương trình đều phải có thẩm định rủi ro thiên tai, kể cả về phương diện kinh tế lẫn xã hội. Ban hành chính sách “Đánh giá rủi ro thiên tai” và ưu tiên thu hút đầu tư các công trình đa mục tiêu, vừa có tác dụng phát triển kinh tế - xã hội vừa có tác dụng GNRRTT, nhất là ưu tiên các công trình đê kè, đê bao, thủy lợi nội đồng kết hợp với giao thông nông thôn... Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kế hoạch các ngành, các cấp về kỹ năng lập kế hoạch và kỹ năng lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Bắt buộc thực hiện đánh giá tác động môi trường gắn liền với đánh giá tác động của RRTT khi triển khai các Quy hoạch, Chương trình và dự án lớn trên địa bàn toàn Thành phố.

3. Nội dung lồng ghép

3.1. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế.

a) Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà an toàn phòng, chống thiên tai

Căn cứ các chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở của Trung ương, Thành phố, các tổ chức phi Chính phủ và nguồn hỗ trợ xã hội hóa của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn Thành phố. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cùng với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố và Sở Lao động- Thương binh và xã hội tham mưu UBND Thành phố xây dựng và triển khai Đề án hỗ trợ xây dựng nhà an toàn phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021- 2025.

b) Di dời người dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai

Căn cứ các chính sách của Trung ương như: Quyết định số 1776/2012/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai và nguồn lực thực tế tại địa phương. Các ngành chức năng tiến hành rà soát, hỗ trợ di dời người dân ra khỏi các vùng có nguy cơ cao sạt lở bờ sông, sạt lở núi và các nguy cơ thiên tai khác để xây dựng kế hoạch, phương án di dời dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai và thực hiện các dự án tái định cư để ổn định đời sống Nhân dân.

c) Nâng cao tiêu chuẩn an toàn các công trình cơ sở hạ tầng

Trong các dự án, đề án quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, khi khảo sát và tính toán kết cấu cần phân tích thêm tác động của thiên tai để nâng cao tiêu chuẩn an toàn của công trình, cũng như đồng bộ với hệ thống cơ sở hạ tầng xung quanh, không làm gia tăng rủi ro, đặc biệt là khả năng thoát úng ngập.

Nghiên cứu, xây dựng và phổ biến các mô hình nhà ở phù hợp, chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai; hướng dẫn người dân xây dựng nhà ở, có chính sách phù hợp hỗ trợ hộ nghèo, hộ khó khăn xây dựng nhà ở đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai.

Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cấp Thành phố, triển khai mạnh mẽ nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 được phê duyệt tại Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

d) Nâng cao nhận thức và kiến thức của cán bộ, người dân về an toàn phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường, nâng cao nhận thức, năng lực ứng phó thiên tai cho đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai, cán bộ chính quyền cơ sở và người dân, góp phần xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai; hình thành văn hóa phòng ngừa, chủ động và tích cực tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai của đại đa số người dân nhằm góp phần thực hiện tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, giảm

thiếu đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, môi trường do thiên tai là mục tiêu thành phố Hà Nội đề ra nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố.

Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 6/4/2021 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

e) Nâng cấp các công trình phòng, chống thiên tai (hồ chứa, trạm bơm, ...)

Các công trình hồ, đập trên địa bàn Thành phố đều đang được khai thác, sử dụng đa mục tiêu, vừa cung cấp nước sinh hoạt, vừa cung cấp nước tưới, vừa nuôi trồng thủy sản, vừa chống hạn, vừa phòng lũ,.... Tuy nhiên, hiện nay nhiều công trình đã bị xuống cấp cần nguồn vốn rất lớn để đầu tư nâng cấp, sửa chữa. Vì vậy trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cần phải ưu tiên đầu tư công trình hồ chứa, trạm bơm và các công trình phòng, chống thiên tai khác.

Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại những khu vực diễn biến sạt lở phức tạp, có ảnh hưởng nghiêm trọng tới các công trình đề điều, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng.

f) Nâng cấp hệ thống thoát nước đảm bảo thoát lũ, ngập lụt

Trong thời gian qua tình hình ngập lụt, ngập úng cục bộ tại một số khu vực trên địa bàn Thành phố vẫn còn diễn ra trong mùa mưa lũ. Nguyên nhân của tình trạng này là do dòng chảy bị cản trở, hệ thống thoát nước không đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước thực tế do kinh phí lớn, địa phương chưa bố trí được. Việc tiêu thoát lũ, ngập úng chủ yếu theo chế độ tự chảy. Về phương án tổng thể, cần đầu tư, xây dựng các công trình chống nước lũ tràn vào các khu dân cư, các khu sản xuất kinh doanh tập trung, các cơ sở hạ tầng của Thành phố. Các công trình có thể triển khai thực hiện như: nâng cao mặt đê và khép kín tuyến đê; xây dựng và gia cố các đoạn đê đã xuống cấp, sạt lở; nghiên cứu xây dựng nhà ở và các cơ sở hạ tầng theo mô hình bên dưới để thoát lũ, bên trên đê ở trong những ngày ngập lụt. Để khắc phục được tình trạng này, thời gian tới cần có sự phối hợp lồng ghép các nội dung tiêu thoát lũ, ngập úng trong các Dự án, Kế hoạch, Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng đã được Thành phố phê duyệt trong giai đoạn 2022-2025, bố trí lồng ghép các hệ thống cống, kênh mương, rãnh thoát nước hợp lý, đồng bộ tại các công trình xây dựng mới, công trình sửa chữa nâng cấp như các công trình giao thông, công trình dây dựng, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

g) Đối với nhóm các đối tượng dễ bị tổn thương do thiên tai

- Xây dựng và triển khai các mô hình, dự án ưu tiên tập trung chăm sóc sức khỏe cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như nước sạch và vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ tạo việc làm cho người dân, đặc biệt là phụ nữ nghèo. Hoạt động hỗ trợ tạo việc làm lồng ghép trong các chương trình, dự án như dự án vay vốn tạo việc làm trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dự án hỗ trợ vay tín dụng ưu đãi tạo việc làm, giảm nghèo theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, vùng chịu tác động của thiên tai và BĐKH.

3.2. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế, xã hội.

3.2.1. Ngành nông nghiệp

Nông nghiệp là ngành chịu tác động nặng nề nhất dưới tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu, do đó để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế thiệt hại cho người nông dân, ngành nông nghiệp Thành phố cần phải đưa ra những giải pháp cụ thể để xây dựng hướng phát triển mới cho ngành.

a. Lĩnh vực nông nghiệp:

Phát triển nông nghiệp xanh, sạch gắn với khả năng PCTT, thích ứng với BĐKH:

- Đối với cây trồng có giải pháp chuyển đổi giống hoặc mùa vụ cho phù hợp với tình trạng ngập lụt.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng tiết kiệm, khai thác hiệu quả tài nguyên đất, nước gắn với bảo vệ môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh cho phát triển bền vững.

- Vận động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc sử dụng rác thải hữu cơ từ nông nghiệp làm phân bón phục vụ sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, tăng cường ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất góp phần giảm thiểu được những tác động của thiên tai trên địa bàn, thích ứng với BĐKH, đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững. Nhân rộng các mô hình: Lúa chất lượng cao, hoa cây cảnh, cây ăn quả, kinh tế trang trại; các chuỗi sản xuất theo VietGAP, VietGHAP, GloboGAP, HACCP, GMP. Giảm dần diện tích trồng lúa, tăng dần diện tích trồng rau, đậu. Phấn đấu năm 2025, tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên 70%.

- Phối hợp với các địa phương hỗ trợ chứng nhận các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, đạt tiêu chuẩn; hỗ trợ lựa chọn giống, kỹ thuật để người dân thực hiện mô hình canh tác các loại cây trồng, vật nuôi đặc sản, chất lượng cao; sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ; bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, truy suất nguồn gốc; phòng chống dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp tác nghiệp đồng ruộng ngắn hạn như: Áp dụng các biện pháp canh tác bảo vệ đất trồng trọt, độ phì nhiêu của đất, chống xói mòn, điều chỉnh thời vụ và lịch gieo trồng thích hợp với BĐKH, thay đổi các biện pháp canh tác thích hợp, ...

- Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp tác nghiệp đồng ruộng dài hạn như: giảm thiểu xói mòn trên đất dốc bằng các biện pháp làm mương bờ theo đường đồng mức, trồng cây phân xanh, ...; thực hiện thâm canh ngay từ đầu, thâm canh liên tục theo chiều sâu; hạn chế khô hạn bằng các biện pháp như quy hoạch tưới tiêu hợp lý, xây dựng đồng ruộng có khả năng tăng cường giữ nước trong đất và tuyển chọn các giống cây có khả năng chịu hạn, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước cho cây trồng.

b. Lĩnh vực chăn nuôi

- Quy hoạch chuồng trại, nơi ở cao ráo, đảm bảo an toàn cho đàn vật nuôi khi thiên tai xảy ra.

- Nhân rộng mô hình chăn nuôi tập trung, kinh tế trang trại. Phần đầu đến năm 2025, sản phẩm chăn nuôi được sản xuất theo chuỗi liên kết trên 50%.

- Giảm đàn vật nuôi: Khi có thiên tai xảy ra thực hiện biện pháp giảm đàn (chọn loại thải những con kém chất lượng, bệnh tật...) để có điều kiện bảo vệ đàn vật nuôi còn lại có chất lượng để khôi phục sau thiên tai (nái sinh sản, hậu bị, đực giống ...).

- Thực hiện cung cấp nhanh dịch vụ thú y để chẩn đoán điều trị bệnh, tiêm vắc xin, hỗ trợ sức khỏe cho đàn vật nuôi để bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi.

- Dự trữ, cung cấp thức ăn, nước uống là biện pháp có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đàn vật nuôi trong khi gặp thiên tai như: lũ lụt, sạt lở đất, rét đậm, rét hại, sương muối, ... để tái sản xuất sau thiên tai.

c. Lĩnh vực thủy sản

- Lựa chọn các giống thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu của địa phương.

- Hướng dẫn thời vụ nuôi trồng cho Nhân dân để tránh thời điểm hạn hán, lũ lụt và tổ chức bảo vệ ao hồ thủy sản khi thiên tai xảy ra.

- Phát triển thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, trên cơ sở khai thác có hiệu quả diện tích mặt nước, phát huy các lợi thế, nhất là lợi thế về nuôi các loài cá đặc sản.

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống sản xuất giống cá đặc sản, nâng cao năng lực sản xuất giống, dịch vụ thủy sản. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị và bền vững; mở rộng phát triển nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, an toàn sinh học, đảm bảo môi trường... chuyển dịch cơ cấu nuôi trồng theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng các loài cá bản địa, cá đặc sản, cá thương phẩm cao sản có giá trị kinh tế cao. Phát triển các hợp tác xã, thu hút doanh nghiệp đầu tư nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến, tiêu thụ.

d. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Nghiên cứu, tham mưu thành phố Hà Nội có chính sách hỗ trợ về trồng rừng như hỗ trợ 100% vốn giống đối với cây lâm nghiệp lâu năm; hỗ trợ khoa học kỹ thuật; hỗ trợ mỗi địa phương xây dựng 1-2 mô hình trồng và làm giàu rừng hiệu quả làm cơ sở để nhân rộng.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội phối hợp với các sở, ngành liên quan thiết lập hồ sơ quản lý bảo vệ rừng, đất lâm nghiệp từ cơ sở đến thành phố, cụ thể đến từng lô, khoảnh; xác định rõ ranh giới trên bản đồ cũng như ngoài thực địa.

e. Lĩnh vực Thủy lợi

- Tái cơ cấu, tu bổ, nâng cấp hệ thống thủy lợi, điều chỉnh cơ cấu hệ thống thủy lợi lớn, bổ sung công trình thủy lợi vừa và nhỏ nhằm thích ứng với hoàn cảnh BĐKH. Triển khai xây dựng các hồ chứa nước, đập dâng nhằm tăng cường khả năng tích nước tự nhiên, giữ nước cho mùa khô; cải tạo, nâng cấp các hồ chứa thủy lợi hiện có, đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi có tính đến yếu tố BĐKH, củng cố và nâng cấp các hồ chứa vừa và nhỏ, đảm bảo an toàn trữ nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt, an toàn khu dân cư hạ lưu; tăng cường bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.

3.2.2. Ngành công thương

- Nhằm chủ động ứng phó kịp thời cho các khu vực thường bị chia cắt, cô lập khi xảy ra thiên tai, Sở Công thương chủ động liên hệ, vận động các doanh

nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm, nhu yếu phẩm đóng trên địa bàn thành phố đảm bảo dự trữ, chuẩn bị một lượng hàng hóa thiết yếu nhất định (UBND Thành phố sẽ mua bằng tiền ngân sách thành phố khi cần thiết), để bảo đảm kịp thời sẵn sàng phục vụ Nhân dân ở các vùng khi có thiên tai xảy ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về công tác bảo vệ hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp cho các cấp chính quyền ở địa phương; duy trì việc phát thanh tuyên truyền liên tục trong thời gian dài bảo đảm để người dân tiếp thu và có ý thức trong việc bảo vệ hành lang an toàn lưới điện cao áp một cách có hiệu quả, không để xảy ra các hành vi vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp.

- Phối hợp với Cục Quản lý thị trường và các ngành, thành viên chủ động tham gia phòng, chống các loại dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, phòng chống sự bùng phát dịch. Kiểm tra chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản cho đến khâu tiêu thụ nhất là những mặt hàng đóng gói và thực phẩm tươi sống; làm tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong công tác chống buôn lậu, sản xuất, mua bán hàng giả và gian lận thương mại trên phạm vi toàn Thành phố, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các giải pháp bình ổn giá; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai, lũ lụt để đầu cơ tăng giá vật tư, hàng hoá gây khó khăn cho đời sống Nhân dân tại những vùng thiên tai, lũ lụt.

3.2.3. Ngành xây dựng

- Triển khai thực hiện việc rà soát, cập nhật, bổ sung các giải pháp ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu vào quy hoạch đô thị, khu dân cư phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu và những khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai như lũ ống, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất; xác định mức độ ảnh hưởng với các tần suất mưa lũ xảy ra ở từng khu vực trên địa bàn để lựa chọn địa điểm tái định cư đảm bảo an toàn cho người dân; cảnh báo và chủ động di dời nhân dân đến nơi an toàn ở các khu vực có nguy cơ ngập lụt, các khu vực dân cư sinh sống tại vùng đồi núi có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, các khu vực thoát lũ ở hạ lưu các hồ chứa. Phối hợp cùng các đơn vị chức năng di dời dân cư đến khu vực an toàn theo quy hoạch.

- Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật: rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm đảm bảo việc chống ngập úng khi mưa, lũ; kiểm tra các biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị; kiểm soát quy trình cắt tỉa cây xanh đô thị đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão; đảm bảo an toàn điện và cung cấp nước sạch cho các vùng bị úng ngập.

- Đối với các công trình đang khai thác, sử dụng: yêu cầu người dân, chủ sử dụng thực hiện gia cố, giằng chống đảm bảo an toàn nhà ở trước mùa mưa bão; đối với các công trình sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn panô, biển quảng cáo, bồn chứa nước trên cao phải được kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cường; các công trình xây dựng tại các khu vực có nguy cơ sạt lở đất như bờ sông, bờ suối, lũ ống, lũ quét phải có đánh giá, cảnh báo cho Nhân dân.

- Đối với công trình đang thi công xây dựng: phải lập và thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác đảm bảo an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa bão.

- Đối với các công trình tháp (trụ) viễn thông, truyền hình: yêu cầu các chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng báo cáo chi tiết số lượng công trình đang quản lý, khai thác, sử dụng theo phân cấp công trình (05 cấp theo quy định tại Thông tư 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng), thời gian đưa vào sử dụng và vị trí xây dựng; thực hiện công tác kiểm định chất lượng công trình theo chu kỳ, bảo trì, sửa chữa khắc phục các tồn tại (nếu có); lập kế hoạch và khẩn trương tổ chức thực hiện công tác kiểm định chất lượng công trình sớm phát hiện các nguy cơ.

- Đối với các cột điện bê tông cốt thép (BTCT) ly tâm: phối hợp với Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam yêu cầu các đơn vị quản lý, vận hành trên địa bàn tổ chức rà soát, đánh giá, phân loại các loại cột điện BTCT ly tâm hiện hữu đang khai thác; thực hiện gia cường, giằng chống đối với các trường hợp không đảm bảo chất lượng, nghiêng hoặc bố trí hoạt tải sai khác so với thiết kế ban đầu; thực hiện nghiêm công tác bảo dưỡng, sửa chữa cột điện BTCT ly tâm đảm bảo an toàn trước mùa mưa bão; đảm bảo an toàn hành lang lưới điện trong mùa mưa bão.

- Đối với các công trình hồ đập: rà soát, kiểm tra, kiểm định an toàn hồ đập trước mùa mưa bão; kiểm tra quy trình vận hành hồ đập nhằm đảm bảo an toàn cho lưu vực hạ du.

3.2.4. Ngành Tài nguyên Môi trường

- Thu thập, khai thác và sử dụng dữ liệu về khí tượng thủy văn ở địa phương theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai trên địa bàn Thành phố.

+ Hướng dẫn tích hợp nội dung phòng, chống thiên tai vào các hoạt động liên quan của ngành, triển khai tập huấn sâu rộng Khung trường học an toàn cho các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Đưa kiến thức về phòng, chống thiên tai, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu vào nhà trường:

+ Cập nhật, tích hợp, lồng ghép có chọn lọc những kiến thức về công tác phòng, chống thiên tai, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu vào các chương trình học của nhà trường, các chương trình ngoại khóa để phổ biến kiến thức đến các em học sinh.

+ Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh liên quan tới công tác phòng, chống thiên tai, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu thông qua việc thúc đẩy nhận thức, kỹ năng, hành vi và thói quen sống xanh, lành mạnh và thân thiện.

+ Tích hợp nội dung phòng, chống thiên tai vào các hoạt động, phong trào của ngành Giáo dục: Trường học an toàn, xanh, sạch, đẹp...; tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn kỹ năng phòng chống đuối nước trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

+ Chỉ đạo các đơn vị trường học, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Thành phố tổ chức dạy bơi cho học sinh (dạy theo chủ đề tự chọn trong chương trình chính khóa hoặc ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp)

- Các biện pháp nâng cấp các trường học đảm bảo an toàn PCTT và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn:

+ Trên cơ sở quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản quy phạm pháp luật khác, các cấp quản lý, các cơ sở giáo dục và đào tạo thành lập tổ phòng, chống thiên tai tại cơ sở đồng thời phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động, cơ chế phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp tại địa phương.

+ Sở Giáo dục chỉ đạo các đơn vị cấp dưới xây dựng kế hoạch ứng phó, phòng tránh thiên tai của ngành khi xảy ra phù hợp với đặc thù của địa phương, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; xây dựng phương án bố trí nơi ăn, ở, học cho học sinh và cộng đồng dân cư; xây dựng phương án huy động nguồn lực, kinh phí để đáp ứng nhu cầu khi thiên tai xảy ra.

+ Tham mưu các cấp đầu tư xây dựng, nâng cấp các trường học có nguy cơ ngập lụt, có phương án di dời khi ngập lụt xảy ra. Chỉ đạo các đơn vị kịp thời sửa chữa, cải tạo, cắt tỉa cây xanh, kiểm tra – sửa chữa hệ thống điện, nước trước mùa mưa bão.

+ Thường xuyên theo dõi tình hình khí tượng thủy văn và thông báo kịp thời tới giáo viên, học sinh, sinh viên và phụ huynh.

+ Phối hợp với các chính quyền địa phương trang bị một số thiết bị ứng cứu cho nhà trường để tạo nơi cứu hộ và trú ẩn.

+ Tập trung phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh. Đầu tư cơ sở vật chất trường lớp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, tiên tiến và từng bước hiện đại.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm công tác phòng, chống thiên tai các cấp.

3.2.6. Ngành Thông tin – truyền thông

- Tham mưu triển khai Phương án đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, chỉ huy ứng phó trong mọi tình huống từ Thành phố đến các quận/huyện/thị xã, các xã/phường/thị trấn và các vùng thường xuyên xảy ra lũ quét, sạt lở đất, ngập úng, ngập lụt.

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị Viễn thông, Bưu chính trên địa bàn Thành phố đảm bảo liên lạc, kịp thời chuyển thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành việc phòng tránh, ứng phó với bão, lũ.

3.2.7. Ngành y tế

- Chỉ đạo, tăng cường các y, bác sĩ của các Bệnh viện, Trung tâm Y tế để thực hiện cứu chữa người bị thương tại các khu xảy ra thiên tai.

- Tổ chức thực hiện phương án cấp cứu, điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân, vệ sinh môi trường, nguồn nước sinh hoạt, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm. Có kế hoạch phân bổ thuốc, trang thiết bị và hóa chất trong tình huống xảy ra thiên tai và dịch bệnh.

- Thực hiện phương án sơ tán, di dời cơ sở Y tế khi xảy ra sự cố, sập đổ để nhanh chóng cấp cứu, điều trị nạn nhân trong mọi tình huống khẩn cấp, đảm bảo điều kiện cho các cơ sở Y tế hoạt động, tuyệt đối không để người bệnh, nhân viên Y tế bị thiệt mạng do thiên tai.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý môi trường, nguồn nước và phòng chống các dịch bệnh phát sinh sau khi có thiên tai.

VII. XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Nguồn nhân lực cho phòng, chống thiên tai

Các lực lượng được huy động thực hiện công tác PCTT gồm có:

- Lực lượng nòng cốt:

+ Quân đội nhân dân, công an nhân dân là lực lượng nòng cốt trong công tác phòng, chống thiên tai. Các hoạt động thực hiện gồm có: sơ tán người dân ra khỏi vùng nguy hiểm và có nguy cơ cao, di chuyển phương tiện, tài sản, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội theo sự điều động của người có thẩm quyền.

+ Lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

- Cán bộ công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan nhà nước về lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

- Lực lượng tại chỗ:

+ Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm việc và sinh sống trên địa bàn;

+ Dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai của địa phương và sự điều động của người có thẩm quyền.

+ Tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo sự chỉ huy của người có thẩm quyền.

2. Nguồn vật lực

Vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai gồm có vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai và vật tư, phương tiện, trang thiết bị khác của Nhà nước; huy động của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự chuẩn bị.

Hàng năm, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai phải được kiểm kê, đánh giá và báo cáo lại Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai các cấp. Trong trường hợp cần mua bổ sung, các địa phương cần phải xây dựng kế hoạch và tổ chức mua sắm vật tư, trang thiết bị theo đúng quy định của pháp luật.

3. Nguồn tài lực

a. Ngân sách địa phương (Ngân sách được phân bổ hàng năm và dự phòng).

- Tập trung đầu tư xử lý cấp bách các công trình bảo vệ bờ sông, nâng cấp mặt đê, nâng cấp, cải tạo các công trình thủy lợi trạm bơm, hệ thống tưới, tiêu nước, kênh dẫn nước, các công trình đầu mối chống úng, chống hạn cho sản xuất, đảm bảo an toàn đời sống nhân dân, ổn định dân sinh, kinh tế, xã hội.

+ Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo, báo động thiên tai.

+ Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật, lập kế hoạch, phương án và diễn tập phòng, chống thiên tai các cấp.

+ Hỗ trợ các sở, ngành, đơn vị, địa phương mua sắm vật tư, vật liệu, phương tiện, trang thiết bị theo phương châm “4 tại chỗ”.

+ Hỗ trợ cho công tác lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và xây dựng kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội các cấp.

b. Quỹ Phòng, chống thiên tai

- Thực hiện theo Nghị Định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Thành phố về quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai.

- Hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu như các công trình lồng ghép hoặc các dự án phi công trình nhằm nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai.

c. Nguồn kinh phí khác gồm: Ngân sách Trung ương, các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện: Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện từ việc huy động trong xã hội, hỗ trợ nhân dân vùng bị thiên tai để khắc phục thiệt hại, giảm bớt khó khăn và ổn định cuộc sống, sinh kế. Việc phân bổ, sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và có sự thống nhất của chính quyền địa phương nơi có đối tượng được hỗ trợ.

d. Các đơn vị được giao kinh phí thực hiện Kế hoạch có trách nhiệm sử dụng kinh phí đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp và phù hợp (về đối tượng, phạm vi, nội dung, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục triển khai thực hiện,...) với các cơ chế, chính sách hiện hành của Trung ương và Thành phố.

4. Kinh phí thực hiện năm 2021 và dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025

Tổng kinh phí thực hiện năm 2021 là **1.021.400 triệu đồng**

Tổng kinh phí cho các dự án đề xuất giai đoạn 2022-2025 là **8.777.800 triệu đồng**. Trong đó phân bổ nguồn vốn cho các hạng mục cụ thể như sau:

Tổng kinh phí ngân sách Thành phố đầu tư 2021 và kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025

TT	Tên công trình	Dự trữ kinh phí (tr.đồng)	Ghi chú
I	Kinh phí đã thực hiện năm 2021	1,282,900	
1	Danh mục dự án đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi	769,000	PL2a1
2	Danh mục dự án đầu tư, nâng cấp công trình đê điều	513,900	PL2b1
II	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025	8,815,575	
1	Danh mục dự án đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi	5,433,000	PL2a2
2	Danh mục dự án đầu tư, nâng cấp công trình đê điều	3,352,575	PL2b2
III	Dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ dự án PCTT năm 2022	2.518.345	PL2c

5. Tiến độ thực hiện và giải ngân theo thời gian

Trong giai đoạn này, Thành phố tập trung đầu tư xây dựng các công trình mở mới của kế hoạch và bố trí kinh phí giao các đơn vị phụ trách triển khai thực hiện, đặc biệt ưu tiên chú trọng vào các công trình trọng điểm của Thành phố.

Danh mục nhiệm vụ/dự án về công tác PCTT dự kiến, ưu tiên thực hiện năm 2022. Với tổng mức đầu tư: **2.518.345 triệu đồng**

Chi tiết danh mục các dự án xem tại “Chương I: Các biện pháp phòng, chống thiên tai” (Phần 2) và các phụ lục đính kèm.

Nguồn vốn dự kiến đầu tư giai đoạn 2022-2025 được phân bổ như sau:

- Dự án đầu tư nâng cấp công trình thủy lợi: **5.453.000 triệu đồng**, trong đó:
 - + Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020: 1.982.000 triệu đồng.
 - + Dự án khởi công mới năm 2021: 150.000 triệu đồng
 - + Dự án khởi công mới giai đoạn 2022-2025: 3.321.000 triệu đồng.
- Dự án đầu tư nâng cấp công trình đê điều: **3.324.800 triệu đồng**, trong đó:
 - + Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020: 39.000 triệu đồng.
 - + Dự án khởi công mới năm 2021: 0 triệu đồng
 - + Dự án khởi công mới giai đoạn 2022-2025: 3.285.800 triệu đồng.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Trách nhiệm chung

Các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã khẩn trương tiến hành rà soát, bổ sung phương án Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của cơ quan, địa phương mình; lồng ghép các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao vào kế hoạch của sở, ngành, đơn vị, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Các cơ quan, doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn cần chủ động xây dựng kế hoạch PCTT&TKCN theo lĩnh vực quản lý phù hợp với đặc điểm, tình hình thiên tai của Thành phố; phối hợp tích cực với các sở, ban, ngành của Thành phố trong công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực về phòng chống thiên tai chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, trên địa bàn Thành phố trong công tác triển khai thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai Thành phố đến năm 2025 và chế độ báo cáo theo quy định.

Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các cấp xây dựng dự toán: kinh phí cho các hoạt động phi công trình, công trình theo nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao; kinh phí vật tư, vật liệu, mua sắm trang thiết bị và các khoản chi tiêu theo phương án PCTT và TKCN hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, đơn vị mình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các quy định hiện hành khác của Nhà nước có liên quan.

Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương đóng vai trò là chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các biện pháp theo kế hoạch đã đề ra.

(Chi tiết tại Phụ lục: 01 kèm theo).

2. Trách nhiệm cụ thể

a) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố

- Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, điều hành công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, gồm:

+ Chỉ đạo thực hiện phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; chỉ đạo việc điều chỉnh kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm trên địa bàn Thành phố;

+ Điều phối các hoạt động trong 3 giai đoạn (phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai):+ Kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai.

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành và nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra; chỉ huy đảm bảo an toàn hồ đập thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai.

+ Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để thực hiện công tác phòng, chống thiên tai ; tổ chức sơ tán, di dời dân ở khu vực xung yếu, vùng ngập lụt, nguy cơ lũ quét, sạt lở...đến nơi an toàn.

- Chỉ đạo các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai theo phương án, kế hoạch đã được phê duyệt và khẩn trương tổ chức ứng phó, xử lý kịp thời với các diễn biến thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất...) bảo vệ sản xuất, các cơ sở kinh tế - xã hội, các khu dân cư; tổ chức cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố sử dụng nguồn ngân sách dự phòng để xử lý ngay những tình huống cấp bách, trường hợp vượt quá khả năng xử lý cần báo cáo kịp thời lên Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xem xét, quyết định.

- Chỉ đạo các đơn vị quản lý công trình thủy lợi, thủy điện tổ chức thực hiện đúng quy trình vận hành hồ chứa và các phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức tuyên truyền luật và các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt về phòng, chống thiên tai.

- Chỉ đạo Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố tổ chức trực ban 24/24h trực tiếp tiếp nhận và xử lý thông tin về diễn biến thiên tai; báo cáo và tham mưu xử lý các thông tin về công tác phòng, chống thiên tai cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố, Trưởng ban và Phó ban Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực Phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đóng vai trò là Cơ quan Thường trực Phòng chống thiên tai.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tổ chức kiểm tra các hồ thủy lợi, trọng điểm, điểm xung yếu.

Thực hiện phương án phòng chống mưa lũ và khắc phục hậu quả thiên tai, khôi phục sản xuất.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã bám sát phương án phòng, chống thiên tai, quy chế phối hợp trong việc xử lý sự cố, khắc phục hậu quả đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Có kế hoạch phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng và vật nuôi ở những vùng xảy ra thiên tai...

- Đôn đốc Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố tập trung kiểm tra, rà soát các khu vực trọng điểm, vị trí xung yếu, phát hiện và xử lý, khắc phục kịp thời hệ thống công trình thủy lợi, đặc biệt là các hồ chứa lớn đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

- Hướng dẫn các địa phương, đơn vị tập trung rà soát, tổng hợp nguồn nước, xây dựng các kịch bản, kế hoạch và phương án điều tiết, sử dụng nước hợp lý để chủ động triển khai thực hiện trong trường hợp nguồn nước bị thiếu hụt, bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện nguồn nước. Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan kiểm tra, đôn đốc địa phương, đơn vị triển khai các giải pháp đảm bảo nguồn nước, chủ động thực hiện công tác phòng, chống hạn, phòng chống cháy rừng.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ, hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai.

c) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội - Cơ quan thường trực Tìm kiếm cứu nạn của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của Thành phố

- Xây dựng Kế hoạch phòng, thủ dân sự; tham gia xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai và Phương án ứng phó với các loại hình thiên tai. Chú trọng vào các nội dung: nguồn lực ứng phó thiên tai, phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ cứu hộ, cứu nạn; đề xuất nhu cầu trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; phương án hiệp đồng các lực lượng trong công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; phương án bố trí lực lượng, phương tiện ứng phó, xử lý sự cố, tình huống khẩn cấp - Xây dựng phương án huy động lực lượng và phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng tham gia sơ tán, di dời dân, tìm kiếm cứu nạn khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban hoặc Phó ban thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN Thành phố.

- Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đặc biệt lực lượng Đội xung kích

phòng chống thiên tai cấp xã, xây dựng kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố thiên tai.

d) Công an Thành phố

Sẵn sàng lực lượng huy động cán bộ, chiến sỹ phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị có liên quan tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông tại khu vực bị thiên tai, kiểm soát chặt chẽ phương tiện giao thông qua các đoạn đường ngập lụt, sạt lở; Phối hợp với lực lượng quân đội và chính quyền địa phương trong việc sơ tán dân, tham gia cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo trật tự, an ninh xã hội và giúp đỡ nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Lồng ghép nội dung phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển của ngành, địa phương theo hướng kết hợp đa mục tiêu, hạn chế tối đa việc gia tăng rủi ro thiên tai, thích ứng với đặc điểm tình hình của từng địa phương, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, khu vực đông dân cư, các lưu vực sông, suối,...; trước mắt tổ chức lồng ghép tốt vào Quy hoạch thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Thành phố và các địa phương giai đoạn 2021-2025, chương trình, kế hoạch hàng năm của các sở, ngành liên quan và chính quyền cấp huyện, xã. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung nêu trên.

- Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, công tác quy hoạch và đầu tư theo thứ tự ưu tiên các dự án xây dựng, nâng cấp các công trình, hạ tầng phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước. Kết hợp sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nước và vốn ODA để xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Theo dõi, kiểm tra và đánh giá nội dung lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thẩm định nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào lập quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội theo quy định.

f) Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của đơn vị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

g) Sở Giao thông vận tải

- Xây dựng phương án đảm bảo giao thông thông suốt trên các tuyến đường Quốc lộ, Thành phố lộ theo phương án đề phòng, xử lý các vị trí sạt lở gây ách tắc giao thông; tổ chức phân luồng xe đảm bảo lưu thông thông suốt giữa các thành phố khi có sự cố về cầu, đường bị ngập lụt, ách tắc giao thông.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chỉ đạo các đơn vị quản lý thực hiện công tác đảm bảo giao thông khi có tình huống bão, lũ, sạt lở; Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chuẩn bị đầy đủ vật tư dự trữ, phương tiện và lực lượng sẵn sàng khắc phục sự cố, đảm bảo giao thông thông suốt khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn.

h) Sở Xây dựng

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát các chủ đầu tư xây dựng, tổ chức thực hiện tốt phương án đảm bảo an toàn cho các công trường xây dựng, các nhà xưởng, công trình xây dựng trọng điểm; tham mưu khắc phục, xử lý sự cố các công trình xây dựng do thiên tai gây ra.

- Phối hợp các Sở, ngành tham mưu UBND Thành phố Ban hành các tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình của hộ gia đình, cá nhân sử dụng công trình, nhà ở trên địa bàn thành phố.

- Triển khai rà soát, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế xây dựng cụm tuyến dân cư, khu đô thị ở những nơi có khả năng ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất...

i) Sở Công thương

Xây dựng kế hoạch chuẩn bị các mặt hàng thiết yếu đảm bảo nguồn cung ứng cho Nhân dân khi có thiên tai (bão, lũ) xảy ra. Chỉ đạo công tác dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ dân sinh; kiểm tra, đôn đốc công tác dự trữ tại các địa phương, địa bàn xung yếu; chỉ đạo công tác bình ổn giá cả thị trường khi có thiên tai xảy ra.

k) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, phối hợp với cơ quan Khí tượng Thủy văn thực hiện việc quan trắc, dự báo, cảnh báo về tình hình diễn biến thiên tai, cung cấp kịp thời

11/10

các bản tin cho các cơ quan, đơn vị có liên quan phục vụ công tác chỉ đạo phòng chống thiên tai.

- Phối hợp cùng các địa phương và các đơn vị liên quan triển khai công tác khắc phục môi trường sau thiên tai xảy ra.

l) Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham mưu triển khai Phương án đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, chỉ huy ứng phó trong mọi tình huống từ thành phố đến các quận, huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn và các vùng thường xuyên xảy ra lũ quét, sạt lở đất, bị chia cắt, cô lập.

- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị Viễn thông, Bưu chính trên địa bàn thành phố đảm bảo liên lạc, kịp thời chuyển thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành việc phòng tránh, ứng phó với các tình huống thiên tai.

m) Sở Y tế

- Chỉ đạo, tăng cường các y, bác sĩ của các Bệnh viện, Trung tâm Y tế để thực hiện cứu chữa người bị thương tại các khu xảy ra thiên tai.

- Tổ chức thực hiện phương án cấp cứu, điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân, vệ sinh môi trường, nguồn nước sinh hoạt, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm. Có kế hoạch phân bổ thuốc, trang thiết bị và hóa chất trong tình huống xảy ra thiên tai và dịch bệnh.

- Thực hiện phương án sơ tán, di dời cơ sở y tế khi xảy ra sự cố, sập đổ để nhanh chóng cấp cứu, điều trị nạn nhân trong mọi tình huống khẩn cấp, đảm bảo điều kiện cho các cơ sở y tế hoạt động, tuyệt đối không để người bệnh, nhân viên y tế bị thiệt mạng do thiên tai.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý môi trường, nguồn nước và phòng chống các dịch bệnh phát sinh sau khi có thiên tai.

n) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với UBND các quận, huyện, thị xã kiểm tra các trường học, cơ sở dạy nghề có phương án ứng cứu kịp thời khi có các tình huống mưa bão phức tạp; chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện, các đơn vị trực thuộc chủ động cho học sinh nghỉ học khi xảy ra mưa bão nguy hiểm, đồng thời bố trí dạy bù vào thời gian thích hợp.

- Xây dựng phương án đảm bảo an toàn cho học sinh, giáo viên, trang thiết bị, dụng cụ học tập và cơ sở hạ tầng giáo dục khi xảy ra tình huống thiên tai như bão, lũ, giông lốc, sét, mưa đá...

- Lồng ghép các kiến thức về công tác phòng chống thiên tai vào chương trình học các cấp; hướng dẫn kỹ năng bơi lội cho học sinh các cấp.

o) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Tham mưu, tổ chức thực hiện tốt các chính sách của Chính phủ, Thành phố về công tác cứu trợ, hỗ trợ đối với các gia đình bị thiệt hại về người và tài sản gây ra. Đồng thời tham mưu hướng dẫn UBND cấp huyện, xã giải quyết các chính sách, chế độ trợ giúp cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai theo quy định, đặc biệt là đối tượng chính sách, đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, phụ nữ mang thai, ...

p) Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội

Tổ chức thực hiện phương án đảm bảo nguồn điện liên tục phục vụ cho các cơ quan, đơn vị chỉ đạo, cảnh báo, dự báo, thông tin liên lạc về phòng chống thiên tai từ cấp Thành phố đến cấp huyện, xã. Bảo vệ hệ thống điện, thiết bị điện, trạm biến thế; đồng thời xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng, chuẩn bị máy phát điện dự phòng khi có sự cố thiên tai xảy ra.

q) Các công ty thủy lợi

- Triển khai công tác kiểm tra các công trình thủy lợi trong phạm vi quản lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống bão, lũ (nhất là các hồ chứa nước, khu vực hạ du có khu dân cư sinh sống). Trước mùa mưa lũ tiến hành kiểm tra và có kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng xuống cấp.

- Lập quy trình quản lý vận hành hồ chứa theo quy định. Xây dựng và triển khai phương án phòng, chống thiên tai; phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp nhằm đảm bảo an toàn công trình khi có sự cố xảy ra và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Tổ chức kiểm định an toàn công trình trong phạm vi quản lý để có biện pháp quản lý phù hợp và sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn cho công trình.

- Xây dựng phương án cấp nước phục vụ sản xuất cho các công trình đơn vị quản lý, phối hợp với UBND các quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện việc điều tiết, vận hành các công trình thủy lợi theo đúng quy trình. Tổ chức, phối hợp với chính quyền địa phương nơi có công trình thủy lợi để huy động lực lượng, phương tiện, vật tư sẵn sàng ứng phó thiên tai.

i) Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

- Xây dựng kế hoạch, Phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai...

- Khi có thiên tai xảy ra ở địa phương nào và tùy theo cấp độ rủi ro thiên tai, yêu cầu địa phương, đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện theo Phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đã được phê duyệt. Chủ động phối hợp với lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn, sử dụng các loại vật tư, phương tiện, lực lượng tại chỗ của địa phương, đơn vị mình để tổ chức di dời dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, đảm bảo tính mạng, tài sản của Nhân dân. Đảm bảo cung cấp đầy đủ lương thực, thực phẩm, thuốc men, chăm sóc sức khỏe cho người dân, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bảo vệ các khu vực, công trình trọng điểm, tham gia cứu hộ, cứu nạn khi có sự cố công trình và giúp đỡ các gia đình bị nạn...

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện theo dõi chặt chẽ tình hình thiên tai địa bàn, chủ động trong công tác chuẩn bị và ứng phó để giảm thiểu thiệt hại tối đa về tài sản và con người trên địa bàn. Sau thiên tai, cần phối hợp với các lực lượng trên địa bàn triển khai nhanh công tác tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch

a) Báo cáo đột xuất: Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện khi triển khai các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch gặp khó khăn về nhân lực, tài chính hoặc gặp sự cố ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản phải báo cáo đột xuất về UBND Thành phố, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố để kịp thời xử lý. Trong báo cáo đột xuất nêu tóm tắt sự việc, những khó khăn trở ngại cần giải quyết.

b) Báo cáo định kỳ: Hàng năm các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp quận/huyện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai về UBND Thành phố, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN. Trong báo cáo nêu rõ tình hình thiên tai ở địa phương, ảnh hưởng thiên tai đến lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành; công tác triển khai các hoạt động PCTT theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn, bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần quan tâm, giải quyết.

Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện, giao Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Thành phố tổng hợp, báo cáo.

4. Đánh giá thực hiện kế hoạch

a) Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch Phòng, chống thiên tai thành phố Hà Nội được áp dụng đối với các sở, ban ngành của Thành phố, các đơn vị của thành phố hàng năm có đánh giá bằng báo cáo gửi sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp để báo cáo với UBND Thành phố.

b) Các nội dung đánh giá việc thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai của thành phố bao gồm:

- Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến công tác phòng chống thiên tai;

- Năng lực ứng phó, tìm kiếm cứu nạn;

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy phòng, chống thiên tai và TKCN;

- Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai;

- Thông tin, truyền thông; nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai;

- Quy hoạch, kế hoạch PCTT và việc lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phát triển ngành;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai;

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ vào các ngành bị ảnh hưởng bởi thiên tai;

- Tiến độ xây dựng, triển khai thực hiện và giải ngân của các chương trình, dự án, đề án.

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch PCTT thành phố Hà Nội đến năm 2025)

Phụ lục 01: Tổng hợp danh mục biện pháp phòng chống thiên tai giai đoạn 2022 – 2025

Phụ lục 02: Tổng kinh phí đề xuất đầu tư giai đoạn 2022-2025

Phụ lục 2a1: Danh mục dự án nâng cấp công trình thủy lợi thực hiện năm 2021

Phụ lục 2a2: Dự kiến danh mục đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi giai đoạn 2022-2025

Phụ lục 2b1: Danh mục dự án nâng cấp công trình đê điều thực hiện năm 2021

Phụ lục 2b2: Dự kiến danh mục đầu tư, nâng cấp công trình đê điều giai đoạn 2022-2025

Phụ lục 2c: Danh mục nhiệm vụ/dự án về phòng chống thiên tai dự kiến triển khai thực hiện trong năm 2022

Phụ lục 3: Danh mục phương tiện, vật tư, trang thiết bị giao các đơn vị quản lý

Phụ lục 4: Biểu nhân lực huy động ứng phó trong phòng chống thiên tai thành phố Hà Nội

Phụ lục 5: Biểu tổng hợp thông tin về nhu yếu phẩm thành phố Hà Nội


Phụ lục 6: Diện tích, dân số và mật độ dân số năm 2019 thành phố Hà Nội

Phụ lục 7: Cơ cấu kinh tế phân theo ngành giai đoạn 2015- 2019

Phụ lục 8: Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thành phố

Phụ lục 9: Tình hình thiệt hại do thiên tai trên địa bàn thành phố Hà Nội

Phụ lục 10: Biểu tổng hợp thiệt hại.



Phụ lục 01. Tổng hợp danh mục biện pháp phòng chống thiên tai giai đoạn 2022 - 2025

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
A. Biện pháp phi công trình							
I. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách							
1	Rà soát chính sách hỗ trợ phục hồi sau thiên tai			UBND thành phố	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan	2022
1.1	Rà soát chính sách và mức hỗ trợ về dân sinh đối với những hộ bị thiệt hại do thiên tai trên địa bàn thành phố	Thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ	Quyết định cơ chế, mức hỗ trợ các hộ bị thiệt hại, ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa bàn thành phố				
1.2	Rà soát chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng chống thiên tai	Các hộ nghèo được hỗ trợ tiền mặt và vay vốn từ ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng nhà ở chống bão, lũ	Quyết định cơ chế, chính sách hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở PCTT				
1.3	Rà soát các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất tại vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn thành phố	Thực hiện Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ	Quyết định cơ chế, mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất cho lĩnh vực ngành nghề vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh				
2	Chính sách ưu tiên, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai	Huy động mọi nguồn lực của xã hội tham gia công tác PCTT	Quyết định	UBND thành phố	Sở NN và PTNT	Các sở, ngành liên quan	2022-2025

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Xây dựng Bộ chỉ số kiểm soát an toàn thiên tai cho thủ đô Hà Nội	Kiểm soát các rủi ro thiên tai hiện có và các rủi ro thiên tai có thể phát sinh trong tương lai do quá trình phát triển đô thị	Bộ chỉ số kiểm soát an toàn thiên tai thành phố Hà Nội	UBND thành phố	Sở NN và PTNT	Các sở, ngành liên quan	2022-2023
4	Rà soát, xây dựng chương trình thực hiện chiến lược phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thành phố Hà Nội	Thực hiện chiến lược quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Chương trình thực hiện Chiến lược phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thành phố Hà Nội	UBND thành phố	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan	2022-2023
5	Rà soát, đánh giá xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” theo Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Chính phủ	Thực hiện Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Chính phủ	Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030”	UBND thành phố	Sở NN và PTNT	Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan	2022-2025
6	Xây dựng ban hành hướng dẫn kiểm soát an toàn cho các khu chung cư cũ, các chung cư cao tầng trước thiên tai.	Đảm bảo an toàn cho các khu chung cư trước thiên tai	Các hướng dẫn, tiêu chuẩn	UBND thành phố	Sở Xây dựng	Các sở, ngành liên quan	2022
II. KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ THIÊN TAI							
1	Kiện toàn tổ chức, bộ máy chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Củng cố bộ máy chỉ huy PCTT và TKCN các cấp đảm bảo năng lực hoạt động có hiệu quả	Quyết định kiện toàn Ban chỉ huy các cấp có kèm theo danh sách và phân công nhiệm vụ	UBND các cấp	Sở NN và PTNT và Ban chỉ huy các cấp	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Phân công nhiệm vụ thành viên BCH các cấp	Giao trách nhiệm của cá nhân và đơn vị ngành phụ trách trong công tác PCTT	Huy động tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức; giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản	UBND các cấp	Sở NN và PTNT và Ban chỉ huy các cấp	Các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	Hàng năm
3	Rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Tăng cường năng lực Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Quyết định về Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng TT	UBND các cấp	Cơ quan TT PCTT và TKCN các cấp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Đầu tư trang thiết bị cho Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Tham mưu cho Ban chỉ huy thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai trong tình hình mới	Văn phòng làm việc, trang thiết bị họp trực tuyến, trang thiết bị văn phòng	UBND các cấp	Sở NN và PTNT, PNN/ KT quận/ huyện; Ban CH cấp xã	Sở Tài chính, Sở KHĐT; Phòng Tài chính; Kế toán cấp phường/xã,	Hàng năm
5	Rà soát, hoàn thiện lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp phường/xã	Tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho cấp phường/xã	Đội xung kích PCTT cấp phường/xã được phổ biến kiến thức về PCTT	UBND cấp phường/xã	Ban CH PCTT và TKCN cấp phường/ xã	Ban chỉ huy quân sự phường/xã; các tổ chức cấp phường/xã	cập nhật hàng năm
6	Lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai	Phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng ngừa và ứng phó thiên tai	Các bản đồ phân vùng RRTT	Sở NN và PTNT	Sở NN và PTNT		2022-2025
6.1	Rà soát, cập nhật, tích hợp bản đồ phân vùng ngập lụt do mưa lũ và do mưa (ngập úng đô thị)	Phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng ngừa và ứng phó với ngập lụt do mưa, ngập úng đô thị	Bản đồ phân vùng ngập lụt do mưa ứng với từng cấp độ RRTT do mưa lớn				2022

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6.2	Lập bản đồ nguy cơ sạt lở đất, sạt lở bờ sông và cập nhật hàng năm	Phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng ngừa và ứng phó với nguy cơ sạt lở đất, sạt lở bờ sông	Bản đồ nguy cơ sạt lở đất, sạt lở bờ sông				2022-2025
7	Rà soát, xây dựng, cập nhật bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm phục vụ điều hành, hỗ trợ ra quyết định phòng chống thiên tai	Đảm bảo tính chuyên nghiệp trong công tác PCTT và TKCN	Hệ thống cơ sở dữ liệu	UBND thành phố	Sở nông nghiệp và PTNT	Sở ngành liên quan	Hàng năm
8	Xây dựng hệ thống giám sát thiên tai cấp thành phố và rà soát cập nhật dữ liệu hàng năm	Hỗ trợ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành và ra quyết định trong công tác PCTT của thành phố	Hệ thống giám sát thiên tai của thành phố	UBND thành phố	Sở nông nghiệp và PTNT	Sở ngành liên quan	2022 và hàng năm
9	Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc phòng chống thiên tai và TKCN	Đảm bảo liên lạc thông suốt của Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc tại Văn phòng Ban chỉ huy các cấp	UBND thành phố	Sở ngành liên quan và UBND cấp quận/ huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2022
10	Tổ chức diễn tập, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn	Nâng cao năng, trình độ về quản lý thiên tai cho đội ngũ cán bộ làm công tác PCTT	Tài liệu; Hội nghị	Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các cấp	Cơ quan TT PCTT và TKCN các cấp		
11	Tăng cường nguồn lực cán bộ chuyên trách làm công tác phòng chống thiên tai	Đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cán bộ làm công tác PCTT	UBND	Sở NN & PTNT	Sở Tài chính, Sở KHĐT	Hàng năm
12	Tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng PCTT và TKCN	Đảm bảo tính chuyên nghiệp trong công tác PCTT và TKCN	Mua sắm các trang thiết bị, phương tiện PCTT và TKCN	UBND thành phố	Sở nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban, ngành	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
13	Rà soát vật tư, phương tiện PCTT, mua sắm bổ sung hàng năm	Đảm bảo số lượng và chất lượng vật tư dự trữ PCTT	Mua sắm vật tư, trang thiết bị PCTT	UBND các cấp	Cơ quan TT PCTT và TKCN các cấp	Các Sở, ban, ngành	Hàng năm
14	Áp dụng khoa học, kỹ thuật mới trong công tác quản lý PCTT & TKCN	Nâng cao hiệu quả công tác quản lý PCTT & TKCN	Thiết bị, công nghệ mới phù hợp, hiệu quả	UBND các cấp	Cơ quan TT PCTT và TKCN các cấp	Các Sở Ngành liên quan	Hàng năm
15	Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan Ban chỉ huy với các Tổ chức chính trị, xã hội	Xây dựng một xã hội phòng chống thiên tai bao gồm cả các tổ chức: UB Mặt trận, Thanh niên, Phụ nữ, Chữ thập đỏ, ... tham gia phòng chống thiên tai	Các cơ quan, tổ chức tham gia trong quá trình ứng phó thiên tai Kêu gọi, quản lý, thực hiện chương trình hỗ trợ, vận động của các tổ chức trong và ngoài nước	Ban Chỉ huy PCTT	Văn phòng Ban chỉ huy	Các Tổ chức	Hàng năm
III. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án							
1	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp thành phố giai đoạn 2021 – 2025 và cập nhật hàng năm	Giảm thiệt hại về người và tài sản	Kế hoạch; các biện pháp phòng chống thiên tai	UBND thành phố	Sở NN và PTNT	Các sở, ngành liên quan và UBND cấp quận/huyện/thị xã	Tháng 12 hàng năm
2	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện cập nhật kế hoạch PCTT giai đoạn 2022-2025	Giảm thiệt hại về người và tài sản	Kế hoạch; các biện pháp phòng chống thiên tai cấp huyện	UBND cấp huyện	Phòng NN và PTNT/KT	Các phòng, ban liên quan và UBND cấp xã	cập nhật hàng năm

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp phường/ xã cập nhật kế hoạch PCTT 2022 – 2025	Giảm thiệt hại về người và tài sản	Kế hoạch; các biện pháp phòng chống thiên tai cấp xã	UBND cấp xã	Nhóm kỹ thuật cấp xã	Thành viên Ban chỉ huy cấp phường/ xã	Hàng năm
4	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Chủ động ứng phó với các loại hình thiên tai	Phương án ứng phó	Các sở ban ngành theo lĩnh vực	Các sở ban ngành theo lĩnh vực	Đài KTTV, UBND cấp quận/ huyện	Cập nhật hàng năm
5	Rà soát phương án quy hoạch, đề điều, PCTT, thủy lợi, cháy rừng			UBND thành phố	Sở NN & PTNT; Sở XD; Sở Quy hoạch-KT		2021-2025
6	Rà soát quy hoạch bố trí dân cư vùng sát chân đê, trong hành lang đê điều giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;	Tái định cư cho nhân dân nằm trong vùng hành lang an toàn đê	Quy hoạch; xác định các khu tái định cư	UBND thành phố	Sở NN&PTNT	Sở ngành liên quan, UBND các huyện	2021-2025
IV.	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp Thành phố						
1	Hiện đại hóa và bổ sung mạng lưới quan trắc KTTV phục vụ công tác PCTT						
1.1	Lắp đặt, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai	Nâng cao năng lực dự báo cảnh báo, phục vụ điều tiết hồ chứa nước	Lắp đặt bổ sung thiết bị đo mưa, mực nước, camera giám sát cho các hồ chứa bị xuống cấp, thiếu khả năng chống lũ trên địa bàn thành phố	UBND thành phố	BCH PCTT&TK CN		2022-2023

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1.2	Lắp đặt thiết bị cảnh báo, dự báo các khu vực bị ngập sâu, trũng thấp; sạt lở đất (như tại Chương Mỹ, Mỹ Đức)		Biển cảnh báo; thiết bị cảnh báo	UBND cấp huyện,	BCH PCTT TKCN cấp huyện	Chi cục PCTT; UBND cấp xã	2022-2023
1.3	Lắp đặt thiết bị đo độ rung chấn để cảnh báo, dự báo sạt lở	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sạt lở để có biện pháp khắc phục kịp thời		UBND thành phố	Sở NN và PTNT	UBND cấp huyện	2022
1.4	Bổ sung mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường phục vụ công tác PCTT	Dự báo, cảnh báo sớm	Trạm đo mưa, đo mực nước trên các lưu vực sông	Bộ Tài nguyên và môi trường, UBND Thành phố	Sở TNMT	Sở NN và PTNT và các Sở ban ngành liên quan	2022-2023
2	Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ khí tượng thủy văn	Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo	Lắp đặt bổ sung các trạm đo mưa tự động trên 3 lưu vực sông có nguy cơ ngập lụt (Nhuệ, Đuống, Bùi)	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND cấp quận/ huyện	2022-2025
3	Rà soát quy trình vận hành các hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; cập nhật dữ liệu thông tin vận hành hồ chứa	Đảm bảo an toàn đập và hồ chứa nước	Quy trình vận hành; hệ thống cơ sở dữ liệu		Sở Nông nghiệp và PTNT,	Các Công ty Khai thác CTTL; các đơn vị khai thác hồ chứa	2022
4	Tăng cường các bản tin dự báo phục vụ phát triển KTXH phòng chống thiên tai trên địa bàn thành phố	Giảm chi phí đầu tư và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra	Cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo phục vụ các ngành	UBND thành phố	Đài KTTV	Đài PTTH	2022-2025

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
V. Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng chống thiên tai cho cộng đồng							
1	Thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" giai đoạn 2021-2030	Nâng cao nhận thức về thiên tai, năng lực ứng phó thiên tai cho người dân vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, góp phần xây dựng cộng đồng cấp xã, cấp huyện an toàn trước thiên tai, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	Tài liệu, Hội nghị	UBND thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban ngành, UBND các cấp và các tổ chức chính trị, xã hội các cấp	2021-2030
2	Đưa kiến thức phòng chống thiên tai vào các chương trình học chính khóa hoặc ngoại khóa của học sinh các cấp	Thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" giai đoạn 2021-2030 và Quyết định 3162/QĐ-BGDĐT ngày 22/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025	Kiến thức PCTT được giảng dạy lồng ghép trong các chương trình đào tạo chính khóa hoặc ngoại khóa của các cấp	UBND thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nông nghiệp và PTNT và Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan	2022-2025
3	Tổ chức các lớp tập huấn, truyền thông về kỹ năng và kiến thức phòng, chống, ứng phó với từng loại hình thiên tai cụ thể trên địa bàn thành phố cho các xã/ phường thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai	Truyền thông nâng cao nhận thức phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra cho các vùng nguy cơ cao với thiên tai trên địa bàn thành phố	Người dân các xã/ phường thuộc khu vực nguy cơ cao với các loại hình thiên tai trên địa bàn thành phố được tuyên truyền, hiểu biết về thiên tai và cách phòng ngừa, ứng phó	UBND thành phố	Cơ quan TT PCTT và TKCN các cấp	Các cơ quan liên quan, UBND các cấp	2022-2025

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng của thành phố	Nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về phòng tránh thiên tai	Các chương trình truyền thông, đưa tin về PCTT trên Đài truyền hình thành phố, Đài phát thanh thành phố, Đài phát thanh các Quận/huyện, hệ thống các loa truyền thanh của phường/xã	UBND thành phố	Sở TTTT	Các cơ quan liên quan, UBND các cấp và cơ quan thông tin báo chí	Hàng năm
5	Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào các chương trình hội nghị, hội thảo và các đợt sinh hoạt các hội nhóm ở các cấp cộng đồng	Nâng cao nhận thức của người dân và phối hợp lồng ghép triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng"	Các cuộc sinh hoạt Chi bộ Đảng, các cuộc họp các tổ chức, hội như Hội phụ nữ, Hội chữ thập đỏ, Hội Nông dân, ... được phổ biến kiến thức về PCTT tại địa phương	UBND thành phố	UBND các cấp	Các đơn vị, tổ chức Hội có liên quan	2022-2025
6	Biên soạn tài liệu kiến thức về phòng chống thiên tai cho học sinh các vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của ngập lụt	Nâng cao nhận thức và kiến thức PCTT cho học sinh	Tài liệu		Văn phòng BCH		2022
7	Biên soạn tài liệu kiến thức về PCTT cho người dân vùng ngập lũ	Nâng cao nhận thức và kiến thức PCTT cho cộng đồng	Tài liệu		Văn phòng BCH		2022

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
VI. Chương trình trồng và bảo vệ rừng							
1	Dự án đầu tư phát triển cải tạo rừng, làm giàu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để phát huy tốt chức năng phòng hộ bảo vệ môi trường, chống xói mòn, điều hòa khí hậu kết hợp phát triển kinh tế			UBND thành phố	Sở NN và PTNT		Hàng năm
2	Dự án đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng trong lâm nghiệp (đường lâm nghiệp, hồ chứa nước, đường ranh cản lửa...) phục vụ công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng			UBND thành phố	Sở NN và PTNT		Hàng năm
VII. Ứng dụng khoa học công nghệ							
1	Xây dựng trung tâm giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội			UBND thành phố	Sở NN và PTNT		2022 -2025
2	Xây dựng trạm thực nghiệm và chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội			UBND thành phố	Sở NN và PTNT		2022 -2025

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
B.	BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH						
I	Đầu tư, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai, công trình thủy lợi						
1	Công trình thủy lợi (Chi tiết tại Phụ lục 2a)						
2	Công trình đê điều (Chi tiết tại Phụ lục 2b)						
3	Điều tra cơ bản						
3.1	Đo khảo sát đoạn ngã ba sông Đuống và sông Hồng (đến trạm thủy văn Thượng Thanh)			UBND thành phố	Sở NN và PTNT		2022 - 2022
3.2	Điều tra, đánh giá hệ thống công dưới đê (từ cấp III trở lên) đối với hệ thống công lớn và các công dưới đê phân lũ, đê sông Bùi, sông Đuống)	Đánh giá hiện trạng các công trình về độ an toàn khi vận hành sử dụng để xây dựng kế hoạch duy tu, bảo trì		UBND thành phố	Sở NN và PTNT		2022
II.	Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai						
	Xây dựng các trường học, cơ sở y tế, nhà văn hóa kết hợp làm nơi tránh trú khi bão, lũ	Lồng ghép nội dung PCTT trong các dự án xây dựng		UBND thành phố	Sở Giáo dục Đào tạo, Sở Y tế	Sở Xây dựng, UBND cấp huyện	2022-2025
III.	Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai (theo dự án)						

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Mục tiêu	Sản phẩm	Cơ quan ra Quyết định	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	Xây dựng, nâng cấp đường bộ, đường thủy, đường không, đường sắt kết hợp phòng chống thiên tai	An toàn giao thông và cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai	Các tuyến đường được nâng cấp không làm gia tăng lũ lụt	Bộ Giao thông Vận tải; UBND thành phố	Sở Giao thông Vận tải	Các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện	2022 -2025
IV.	Công trình hạ tầng thoát nước						
	Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được phê duyệt tại Quyết định 725/QĐ-TTg ngày 10/5/2013)	Chống ngập úng trong thành phố	Các công trình thoát nước	UBND thành phố	Sở NN & PTNT và Sở Xây dựng	UBND cấp huyện	2022 -2025

**Phụ lục 02: TỔNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ 2021 VÀ KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2022-2025**

TT	Tên công trình	Dự trữ kinh phí (tr.đồng)	Ghi chú
I	Kinh phí đã thực hiện năm 2021	1,301,900	
1	Danh mục dự án đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi	788,000	PL2a1
2	Danh mục dự án đầu tư, nâng cấp công trình đê điều	513,900	PL2b1
II	Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025	8,815,575	
1	Danh mục dự án đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi	5,463,000	PL2a2
2	Danh mục dự án đầu tư, nâng cấp công trình đê điều	3,352,575	PL2b2
III	Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2022	2,518,345	



Phụ lục 2a1: Danh mục dự án nâng cấp công trình thủy lợi thực hiện năm 2021

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kinh phí thực hiện năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng kinh phí		788,000		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang		650,000		
1	Nạo vét, cứng hóa bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa	Huyện Ứng Hòa	19,000	UBND huyện Ứng Hòa	Quyết định số 5370/QĐ-UBND ngày 29/10/2010; Quyết định 599/QĐ-UBND ngày 01/02/2018; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
2	Cải tạo thoát nước sông Pheo huyện Từ Liêm	Quận Bắc Từ Liêm	1,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 27/6/2012; Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 06/6/2017; Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
3	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1 đoạn qua thị xã Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây	10,000	UBND thị xã Sơn Tây	Quyết định số 5998/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
4	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất	Huyện Thạch Thất	5,500	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 11/1/2010; Quyết định số 4397/QĐ-UBND ngày 08/9/2010; Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 19/6/2019; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 14/1/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
5	Kiên cố kênh tiêu chính Thập Cửu, trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	7,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 13/7/2011; Quyết định số 6618/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 28/4/2014; Quyết định số 3340/QĐ-UBND ngày 30/7/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
6	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diễm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diễm kết hợp làm đường giao thông	Huyện Mê Linh	22,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 6527/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; Quyết định số 5587/QĐ-UBND ngày 18/10/2018; Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 02/6/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
7	Nâng cấp cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng, huyện Thanh Trì (giai đoạn I)	Huyện Thanh Trì	23,500	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 6050/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
8	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tưới tiêu An Mỹ 1, Huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	25,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 3313/QĐ-UBND ngày 20/6/2019; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
9	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì	137,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 06/10/2010; Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 04/3/2016; Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
10	Công trình trọng điểm 2016-2020: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm Yên Nghĩa) - Giai đoạn I	Quận Hà Đông	320,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 23/2/2013; Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 13/2/2019; Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
11	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	30,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 6055/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
12	Xây dựng mới trạm bơm và hoàn chỉnh hệ thống tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai (Trạm bơm tiêu Yên Sơn)	Huyện Quốc Oai	45,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
13	Nạo vét kênh Đầm Và xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	Huyện Mê Linh	5,000	UBND huyện Mê Linh	Quyết định số 5088/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 13/2/2018; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kinh phí thực hiện năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
II	Dự án khởi công mới năm 2021		138,000		
1	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1B và hệ thống kênh tiêu Hát Môn (gồm kênh tiêu Hát Môn, B1, B2, B3) huyện Phúc Thọ	Huyện Phúc Thọ	30,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 5259/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
2	Cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bậy, huyện Gia Lâm	Huyện Gia Lâm	70,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 5222/QĐ-UBND ngày 20/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
3	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín	19,000		
4	Nạo vét cứng hóa bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa	Huyện Ứng Hòa	19,000		

Phụ lục 2a2: DỰ KIẾN DANH MỤC ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIAI ĐOẠN 2022-2025

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Dự kiến tổng kinh phí		5,463,000		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang		1,992,000		
1	Nạo vét, cứng hóa bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa	Huyện Ứng Hòa	22,000	UBND huyện Ứng Hòa	Quyết định số 5370/QĐ-UBND ngày 29/10/2010; Quyết định 599/QĐ-UBND ngày 01/02/2018; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
2	Cải tạo thoát nước sông Pheo	Quận Bắc Từ Liêm	3,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 27/6/2012; Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 06/6/2017; Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
3	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất	Huyện Thạch Thất	12,500	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 11/1/2010; Quyết định số 4397/QĐ-UBND ngày 08/9/2010; Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 19/6/2019; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 14/1/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
4	Nâng cấp cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng, huyện Thanh Trì (giai đoạn 1)	Huyện Thanh Trì	1,500	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 6050/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
5	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì	563,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 4927/QĐ-UBND ngày 06/10/2010; Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 04/3/2016; Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
6	Công trình trọng điểm 2016-2020: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm Yên Nghĩa)	Quận Hà Đông	1,280,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 23/2/2013; Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 13/2/2019; Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
7	Cải tạo nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	35,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 6055/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
8	Xây dựng trạm bơm và hoàn chỉnh hệ thống tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai	Huyện Quốc Oai	75,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 6129/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021		150,000		
1	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1B và hệ thống kênh tiêu Hát Môn (gồm kênh tiêu Hát Môn, B1, B2, B3) huyện Phúc Thọ	Huyện Phúc Thọ	70,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 5222/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
2	Cải tạo nâng cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm	Huyện Gia Lâm	80,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 5259/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
III	Dự án khởi công mới giai đoạn 2022-2025		3,321,000		
	Dự án khởi công mới đủ điều kiện bố trí vốn		957,000		
1	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh	Huyện Mê Linh	320,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 28/10/2013; Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 02/7/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín	175,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 5220/QĐ-UBND ngày 24/10/2014; Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 02/7/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
3	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Nhân Lý, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	31,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
4	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Đầm Buộm, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	31,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Đức Môn, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	38,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
6	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu La Làng, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	26,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
7	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Mỹ Thượng, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	15,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
8	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Mỹ Hạ, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	20,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
9	Nâng cấp, mở rộng hệ thống công trình và trạm bơm Đình Thông, huyện Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	40,000	UBND huyện Sóc Sơn	Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 17/1/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
10	Công trình mương, vai thủy lợi nội đồng thôn Gò Đình Muôn xã Khánh Thượng	Huyện Ba Vì	9,000	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 13/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
11	Công trình mương, vai thủy lợi nội đồng thôn Đồng Sóng xã Khánh Thượng	Huyện Ba Vì	8,000	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 12/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
12	Công trình thủy lợi nội đồng thôn Muồng Châu xã Vân Hòa	Huyện Ba Vì	9,000	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 12/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
13	Công trình mương, vai thủy lợi nội đồng thôn Rùa xã Vân Hòa	Huyện Ba Vì	8,000	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 3367/QĐ-UBND ngày 12/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
14	Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh mương xã Tân Lĩnh	Huyện Ba Vì	10,000	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 12/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
15	Cải tạo nâng cấp hồ Phú Lợi, xã Minh Quang	Huyện Ba Vì	8,500	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 6903/QĐ-UBND ngày 13/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
16	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Nương Xoan và kênh tưới xã Thụy An	Huyện Ba Vì	7,000	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 3346/QĐ-UBND ngày 12/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
17	Cứng hóa hệ thống kênh tiêu thôn Phú An - Trung Hòa xã Thái Hòa	Huyện Ba Vì	7,000	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 12/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
18	Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh tiêu xã Minh Châu	Huyện Ba Vì	7,000	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 12/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
19	Xây dựng công, bai mương dẫn nước thoát lũ khu vực nhà văn hóa, trường mầm non xã Tiến Xuân	Huyện Thạch Thất	4,500	UBND huyện Thạch Thất	Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 18/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
20	Xử lý cấp bách công thoát lũ hạ lưu hồ Cổ Đụng xã Tiến Xuân	Huyện Thạch Thất	2,500	UBND huyện Thạch Thất	Quyết định số 5686/QĐ-UBND ngày 13/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
21	Cải tạo, nạo vét và xây đập hồ Chằm Nửa, xã Phú Mãn	Huyện Quốc Oai	10,500	UBND huyện Quốc Oai	Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 13/10/2014; Quyết định số 9098/QĐ-UBND ngày 13/12/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
22	Cải tạo, nạo vét hồ Chằm Khoai, Chằm Mai thôn Đồng Bèn, xã Đông Xuân	Huyện Quốc Oai	12,000	UBND huyện Quốc Oai	Quyết định số 3245/QĐ-UBND ngày 13/10/2014; Quyết định số 9221/QĐ-UBND ngày 13/12/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
23	Xây dựng đập Vai và hệ thống mương thủy lợi nội đồng thôn Đồng Bò xã Đông Xuân	Huyện Quốc Oai	12,000	UBND huyện Quốc Oai	Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 06/10/2014; Quyết định số 9302/QĐ-UBND ngày 18/12/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
24	Xây dựng hệ thống mương thủy lợi nội đồng thôn Đồng Bèn xã Đông Xuân	Huyện Quốc Oai	10,500	UBND huyện Quốc Oai	Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 02/10/2014; Quyết định số 9037/QĐ-UBND ngày 09/12/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
25	Cải tạo hồ Đồng Âm xã Phú Mãn	Huyện Quốc Oai	10,000	UBND huyện Quốc Oai	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; Quyết định số 9031/QĐ-UBND ngày 01/12/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
26	Xây dựng và cứng hóa hệ thống mương thủy lợi thôn Lập Thành xã Đông Xuân	Huyện Quốc Oai	12,000	UBND huyện Quốc Oai	Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 08/10/2014; Quyết định số 9036/QĐ-UBND ngày 04/12/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
27	Nạo vét suối vai Còi và cải tạo nâng cấp kênh tưới trạm bơm Đồng Kế xã Trần Phú	Huyện Chương Mỹ	2,500	UBND huyện Chương Mỹ	Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
28	Cứng hóa hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã Trần Phú	Huyện Chương Mỹ	6,500	UBND huyện Chương Mỹ	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
29	Nạo vét tu bổ kênh mương xã Bạch Hạ	Huyện Phú Xuyên	32,000	UBND huyện Phú Xuyên	Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 19/4/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
30	Cứng hóa kênh mương tuyến chính kết hợp đường giao thông nội đồng Hòa Mỹ, Hồng Minh	Huyện Phú Xuyên	14,000	UBND huyện Phú Xuyên	Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 28/4/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
31	Nạo vét tu bổ kênh mương xã Quang Lăng	Huyện Phú Xuyên	5,000	UBND huyện Phú Xuyên	Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 17/5/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
32	Xây dựng kênh mương tưới thôn Đồng Chiêm, Ái Nàng, Đồng Văn xã An Phú	Huyện Mỹ Đức	9,000	UBND huyện Mỹ Đức	Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 30/5/2014; Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 31/12/2017; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
33	Xây dựng kênh mương tưới thôn Đức Dương, Phú Thanh, Đồi Dừng, Đồi Lý xã An Phú	Huyện Mỹ Đức	10,000	UBND huyện Mỹ Đức	Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 24/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
34	Xây dựng kênh mương tưới thôn Nam Hưng, Thanh Hà, vùng 3 thôn Rộc Éo, Bơ Mối xã An Phú	Huyện Mỹ Đức	9,500	UBND huyện Mỹ Đức	Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 24/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
35	Cải tạo nạo vét hồ thủy lợi Trung Tiến xã Trần Phú	Huyện Chương Mỹ	25,000	UBND huyện Chương Mỹ	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 Dự án đề xuất đang hoàn thiện thủ tục đầu tư Tổng mức đầu tư dự kiến: 25 tỷ đồng
Dự án bố trí vốn giai đoạn 2022-2025			2,364,000		
1	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Văn Sơn, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ			Quyết định số 4893/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 Thời gian thực hiện: 2022-2024
2	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Mèo Gù, huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì			Quyết định số 4893/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 Thời gian thực hiện: 2022-2024
3	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Suối Hai, huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì			Quyết định số 5501/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 Thời gian thực hiện: 2022-2024
4	Cải tạo, nâng cấp bờ tả kênh dẫn Cẩm Đình - Hiệp thuận kết hợp làm đường giao thông nông thôn huyện Phúc Thọ	Huyện Phúc Thọ			Quyết định số 5777/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 Thời gian thực hiện: 2022-2023
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Sơn Đà và kiên cố hóa kênh tưới hồ Mèo Gù kết hợp làm đường giao thông huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì			Thời gian thực hiện: 2023-2026
6	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới, tiêu Nội Cói, huyện Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên			Thời gian thực hiện: 2023-2025
7	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hoàng Đông, huyện Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên			Thời gian thực hiện: 2023-2025
8	Cải tạo kênh tiêu Lim và trạm bơm Lim, huyện Thạch Thất	Huyện Thạch Thất			Thời gian thực hiện: 2022-2025
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm tưới, tiêu Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn			Thời gian thực hiện: 2023-2025
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Đầm Mới, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ			Thời gian thực hiện: 2022-2024
11	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đốc Tín, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức			Thời gian thực hiện: 2022-2024
12	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cộng Hòa 1 và hệ thống kênh tiêu (S8, kênh tiêu Đầm Bung 2) huyện Quốc Oai	Huyện Quốc Oai			Thời gian thực hiện: 2022-2025
13	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cống Mèn xã Đại Thành và hệ thống kênh dân huyện Quốc Oai	Huyện Quốc Oai			Thời gian thực hiện: 2022-2024
14	Xây dựng trạm bơm tiêu Cầu Khoai xã Xuân Sơn thị xã Sơn tây	Thị xã Sơn tây			Thời gian thực hiện: 2023-2025

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
15	Xây dựng mới trạm bơm Long Từ, huyện Đông Anh	Huyện Đông Anh			Thời gian thực hiện: 2023-2027
16	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm dã chiến Áp Bắc, huyện Đông Anh	Huyện Đông Anh			Thời gian thực hiện: 2021-2023 Ngân sách thành phố: CBĐT Vốn doanh nghiệp: THĐT
17	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Hiệp Thuận kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ	Huyện Phúc Thọ			Thời gian thực hiện: 2022-2025
18	Cải tạo, nâng cấp, kiên cố hệ thống kênh I2-VDD7, kênh I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông huyện Ứng Hòa	Huyện Ứng Hòa			Thời gian thực hiện: 2022-2025
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê sông Nhuệ trên địa bàn các xã: Hữu Hòa, Tả Thanh Oai và Đại Áng, huyện Thanh Trì	Huyện Thanh Trì			Thời gian thực hiện: 2022-2025
20	Khoi thông dòng chảy, kè, nâng cấp mặt đê tạo cảnh quan, bộ hành 2 bờ sông Tô Lịch dài 7km trên địa bàn huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín			Thời gian thực hiện: 2022-2025
21	Cải tạo, nâng cấp, gia cố bờ kênh kết hợp giao thông kênh Yên Cốc, huyện Thanh Oai	Huyện Thanh Oai			Thời gian thực hiện: 2022-2025
22	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Tây Ninh-Ngòi Núc huyện Thạch Thất	Huyện Thạch Thất			Thời gian thực hiện: 2022-2025
23	Cải tạo, nạo vét kênh tiêu Phùng Xá - Dị Nậu, huyện Thạch Thất	Huyện Thạch Thất			Thời gian thực hiện: 2022-2025
24	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Đồng Thông - Tây Ninh huyện Thạch Thất	Huyện Thạch Thất			Thời gian thực hiện: 2022-2024
25	Cải tạo, nâng cấp kênh Thiên Đức, huyện Gia Lâm	Huyện Gia Lâm			Thời gian thực hiện: 2022-2024
26	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới Vàng - Dương Xá, huyện Gia Lâm	Huyện Gia Lâm			Thời gian thực hiện: 2022-2024
27	Cải tạo, nâng cấp trục kênh chính Thạch Phú, huyện Mê Linh	Huyện Mê Linh			Thời gian thực hiện: 2022-2025
28	Cứng hóa kênh, bờ kênh kết hợp đường giao thông kênh tưới, tiêu hồ Quan Sơn đến cầu Sâu Gia, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức			Thời gian thực hiện: 2022-2025
29	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới T5 giai đoạn 2 (từ đường 422 ra đến sông Đáy), huyện Hoài Đức	Huyện Hoài Đức			Thời gian thực hiện: 2022-2025
30	Kiên cố hóa hệ thống thoát lũ hạ du xã tràn hồ chứa nước Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây	Thị xã Sơn tây			Thời gian thực hiện: 2022-2025
31	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu vực Giang - Sông Tích để đảm bảo việc tiêu thoát nước cho Khu công nghệ cao Hòa Lạc và khu vực, huyện Thạch Thất	Huyện Thạch Thất			Thời gian thực hiện: 2022-2024

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
32	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu Cổ Đô - Vạn Thắng kết hợp giao thông huyện Ba Vi	Huyện Ba Vi			Thời gian thực hiện: 2023-2026
33	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu dẫn vào các trạm bơm: tiêu Trại Ro; tiêu Thông Đạt; tiêu Cán Hạ, huyện Quốc Oai	Huyện Quốc Oai			Thời gian thực hiện: 2022-2024
34	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới T6 kết hợp làm đường giao thông toàn tuyến (từ trạm bơm Đào Nguyên đến sông Đáy) huyện Hoài Đức	Huyện Hoài Đức			Thời gian thực hiện: 2023-2025
35	Cải tạo kênh Si Du, Đồng từ Km0+00 đến Km4+095 huyện Ứng Hòa	Huyện Ứng Hòa			Thời gian thực hiện: 2023-2025
36	Kiên cố hóa kênh Khê Tang kết hợp giao thông từ Quốc lộ 21B đi trực phát triển phía Nam huyện	Huyện Thanh Oai			Thời gian thực hiện: 2023-2025
37	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Mạnh Tân, huyện Đông Anh	Huyện Đông Anh			Thời gian thực hiện: 2023-2025
38	Cứng hòa kênh Tây Ninh kết hợp đường giao thông từ đường Cần Thơ - Xuân Quang đi xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	Huyện Ứng Hòa			Thời gian thực hiện: 2023-2025
39	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới N12 kết hợp giao thông huyện Ba Vi	Huyện Ba Vi			Thời gian thực hiện: 2023-2025
40	Nạo vét, gia cố bờ kênh kết hợp làm đường giao thông nông thôn kênh tiêu N22, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ			Thời gian thực hiện: 2023-2025
41	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới Đồng Mô, kênh tưới N7C huyện Quốc Oai	Huyện Quốc Oai			Thời gian thực hiện: 2022-2024
42	Cải tạo, nâng cấp trục kênh chính Tam Bảo, huyện Mê Linh	Huyện Mê Linh			Thời gian thực hiện: 2022-2024
43	Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi dẫn nước tưới thuộc khu vực miền Đông, miền Trung Tây huyện Phú Xuyên (bao gồm cả kênh Bim)	Huyện Phú Xuyên			Thời gian thực hiện: 2023-2027
44	Nạo vét, đắp bờ tu bổ bờ kênh Du My kết hợp làm đường giao thông	Huyện Phú Xuyên			Thời gian thực hiện: 2022-2025
45	Nạo vét, gia cố bờ kênh tiêu Vĩnh Mộ, huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín			Thời gian thực hiện: 2023-2025
46	Kiên cố mái, mặt bờ tả đê sông Lương kết hợp giao thông từ trạm bơm Đồng Lạc đến cầu Hòa Thượng	Huyện Phú Xuyên			Thời gian thực hiện: 2023-2025
47	Cải tạo, nâng cấp và phát huy hiệu quả sông Hang	Thị xã Sơn Tây			Thời gian thực hiện: 2023-2025
48	Kiên cố hóa kênh tưới NP kết hợp giao thông (Tây Đằng - Phú Phương) huyện Ba Vi	Huyện Ba Vi			Thời gian thực hiện: 2023-2025

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
49	Nâng cấp kênh tiêu nước dọc tuyến đường Đan Phượng - Tân Hội, huyện Đan Phượng	Huyện Đan Phượng			Thời gian thực hiện: 2023-2025
50	Nạo vét, kiên cố hóa bờ kênh N7 kết hợp giao thông, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức			Thời gian thực hiện: 2023-2025
51	Cải tạo, nâng cấp bờ tả sông Duy Tiên, xã Bạch Hạ; bờ hữu sông Lương, xã Tri Thủy và bờ tả sông Lương, các xã Đại Xuyên và Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên			Thời gian thực hiện: 2023-2025
52	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh: A2-8, Hoàng Xá, Lưu Khê, Đào Xá, huyện Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên			Thời gian thực hiện: 2023-2025
53	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới, tiêu Hòa Hạ (kênh Đại Thắng) huyện Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên			Thời gian thực hiện: 2023-2025
54	Nâng cấp kênh Lái Lũ đê 71 đoạn qua xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ			Thời gian thực hiện: 2022-2025
55	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Áng Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức			Thời gian thực hiện: 2023-2025
56	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Tân Độ và hệ thống kênh tưới chính xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức			Thời gian thực hiện: 2023-2025
57	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu cấp 3 kết hợp giao thông trên địa bàn các xã Đồng Quang, Ngọc Mỹ, Tuyết Nghĩa, Tân Hòa, Đại Thành, Yên Sơn, Sài Sơn, Phương Cách, Đông Yên và thoát nước thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	Huyện Quốc Oai			
58	Xây dựng hệ thống kênh T1, kênh Đồng Lớ, kênh Phụng Hiệp huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín			Thời gian thực hiện: 2023-2025

Phụ lục 2b1: Danh mục dự án nâng cấp công trình đê điều thực hiện trong năm 2021

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tổng số vốn đầu tư	Kinh phí thực hiện năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng kinh phí		649,720	513,900		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2021 sang		451,817	88,000		
1	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà, hữu Hồng, huyện Ba Vi	Huyện Ba Vi	231,417	20,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 5076/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 10/6/2016; Quyết định số 5492/QĐ-UBND ngày 12/10/2018; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
2	Nâng cấp toàn bộ mặt đê sông Nhuệ trên địa bàn huyện Phú Xuyên (gồm các đoạn: Bờ tả đoạn từ cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân, bờ hữu từ cầu Tân Dân đến cầu Cống Thần và hai bờ sông Nhuệ từ cầu Cống Thần đến cầu Thống Nhất và chống sạt lở bờ sông Vân Đình, xã Hồng Minh)	Huyện Phú Xuyên	118,320	17,000	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 3294/QĐ-UBND ngày 19/6/2019; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
3	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở từ bờ hữu sông Đáy khu vực dân cư xóm 8, xóm 9 đến tiếp giáp kè Hòa Chính và bờ tả sông Bùi xã Hòa Chính huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	52,143	25,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 1633/QĐ-SNN ngày 03/9/2020; Quyết định số 2099/QĐ-SNN ngày 10/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
4	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua thôn Cấp Tiến và xóm 6-8, xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	49,937	26,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 1632/QĐ-SNN ngày 03/9/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
II	Dự án khởi công mới năm 2021		197,903	425,900		
1	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê tả sông Bùi đoạn qua địa phận các xã Tốt Động, Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	57,251	50,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 2063/QĐ-SNN ngày 06/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
2	Xử lý cấp bách chống sạt lở mái đê hữu Đáy từ K12+400 đến K12+520 xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai	Huyện Quốc Oai	1,316	1,200	Sở NN&PTNT	Quyết định số 1959/QĐ-SNN ngày 28/10/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
3	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ hữu sông Cà Lồ, xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh	Huyện Đông Anh	10,272	9,200	Sở NN&PTNT	Quyết định số 2057/QĐ-SNN ngày 06/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
4	Xử lý cấp bách sạt lở bờ sông Đà (đoạn từ bến phà cũ đến gốc Gạo) xã Thái Hòa, huyện Ba Vi	Huyện Ba Vi	31,500	28,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 2092/QĐ-SNN ngày 10/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
5	Xử lý cấp bách chống sạt lở khu vực kè Khê Thượng tương ứng từ K20+100 đến K4+700 đê hữu Đà; khu vực trạm bơm Đồng Tiên với chiều dài khoảng 500m và đoạn từ cuối thôn Liên Bu với chiều dài khoảng 450m về phía cầu Đồng Quang thuộc bờ hữu sông Đà, huyện Ba Vi	Huyện Ba Vi	62,375	55,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 2090/QĐ-SNN ngày 10/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Tổng số vốn đầu tư	Kinh phí thực hiện năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
6	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tương ứng từ K20+700 đến K20+950 và từ K21+200 đến K21+500 đê hữu sông Hồng thuộc xã Chu Minh, huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì	35,189	30,000	UNBD huyện Ba Vì	Quyết định số 2050/QĐ-SNN ngày 05/11/2020; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
7	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ xã Ninh Sở đến xã Vạn Điểm), huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín	105,887	20,000		
8	Xử lý cấp bách sự cố sạt, sập cống xả trạm bơm tiêu Tào Khê qua đê hữu Đáy, thuộc địa bàn xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	5,000	5,000		
9	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Đà, xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội		6,500	6,500		
10	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ tả sông Đáy đoạn qua địa bàn thôn Thanh Giang, xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai từ K29+600 đến K30+200 đê tả Đáy		11,000	11,000		
11	Xử lý cấp bách sạt lở mái thượng lưu đê tả Đáy từ K61+380 đến K61+540 xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa		1,000	1,000		
12	Xử lý cấp bách sạt lở mái đê tả Cà Lồ từ K1+800 đến K2+050 thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn		8,000	8,000		
13	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Bùi, sông Đáy đoạn đi qua địa bàn xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức		32,000	32,000		
14	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ		45,000	45,000		
15	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn qua địa bàn các xã: Phú Nam An, Hòa Chính, huyện Chương Mỹ		68,000	68,000		
16	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn qua địa bàn xã Viên An, huyện Ứng Hòa		16,000	16,000		
17	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ		40,000	40,000		

Phụ lục 2b2: Dự kiến danh mục đầu tư, nâng cấp công trình đê điều giai đoạn 2022 -2025

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Dự kiến tổng kinh phí		3,352,575		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang		66,775		
1	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà, hữu Hồng, huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì	34,275	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Quyết định số 5076/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 10/6/2016; Quyết định số 5492/QĐ-UBND ngày 12/10/2018; Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 14/6/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
2	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ (từ bờ hữu cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân và bờ tả từ cầu Tân Dân đến cầu Cổng Thần)	Huyện Phú Xuyên	25,000	UBND huyện Phú Xuyên	Quyết định số 5939/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
3	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ các đoạn từ Tân Minh đến Hiền Giang, từ UBND xã Hiền Giang đến cầu Đen xã Khánh Hà, từ lối rẽ chùa Đậu đến cầu Đông Quan, huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín	7,500	UBND huyện Thường Tín	Quyết định số 5940/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 14/5/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021.
II	Dự án khởi công mới năm 2021		0		
III	Dự án khởi công mới năm 2022-2025		3,285,800		
	Dự án khởi công mới đủ điều kiện bố trí vốn		1,581,300		
1	Xử lý cấp bách sạt lở bờ tả sông Đuống tương ứng từ K2+700 đến K3+600 thôn Đông Ngàn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh	Huyện Đông Anh	41,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 338/QĐ-SNN ngày 31/3/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
2	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ tả sông Đáy đoạn qua địa bàn thôn Thanh Giang, xã Thanh Cao huyện Thanh Oai từ K29+600 đến K30+200 đê tả Đáy	Huyện Thanh Oai	11,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 863/QĐ-SNN ngày 27/7/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
3	Xử lý cấp bách sạt lở mái đê tả Cà Lồ từ K1+800 đến K2+050 thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	8,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 861/QĐ-SNN ngày 27/7/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
	Xử lý cấp bách sạt lở mái thượng lưu đê tả Đáy từ K61+380 đến K61+540 xã Đông Tiến, huyện Ứng Hòa	Huyện Ứng Hòa	1,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 862/QĐ-SNN ngày 27/7/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
5	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sụt, sạt mái kè Sơn Tây và kè Linh Chiểu đoạn qua địa phận thị xã Sơn Tây và huyện Phúc Thọ	TX. Sơn Tây, huyện Phúc Thọ	70,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 847/QĐ-SNN ngày 21/7/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
6	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Bùi, sông Đáy đoạn đi qua địa bàn xã Phúc Lâm huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	32,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 943/QĐ-SNN ngày 11/8/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
7	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	45,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 942/QĐ-SNN ngày 11/8/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
8	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn qua địa bàn các xã: Phú Nam An, Hòa Chính, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	68,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 939/QĐ-SNN ngày 11/8/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
9	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn qua địa xã Viên An, huyện Ứng Hòa	Huyện Ứng Hòa	16,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 944/QĐ-SNN ngày 11/8/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
10	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	40,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 938/QĐ-SNN ngày 11/8/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
11	Xử lý đảm bảo ổn định khu vực cửa sông Đuống thành phố Hà Nội - Giai đoạn I	Huyện Đông Anh, Long Biên	233,400	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
12	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ các tuyến đê sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Cà Lồ	Hà Nội	40,000	Sở NN&PTNT	Quyết định số 6907/QĐ-UBND ngày 02/12/2019; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
13	Xử lý cấp bách sự cố sụt, sập công xã trạm bơm tiêu Tảo Khê qua đê hữu Đáy, thuộc địa bàn xã Bột Xuyên, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức	5,000	UBND huyện Mỹ Đức	Quyết định số 113/QĐ-SNN ngày 02/02/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
14	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Đà, xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì	Huyện Ba Vì	6,500	UBND huyện Ba Vì	Quyết định số 860/QĐ-SNN ngày 27/7/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
15	Cải tạo nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ xã Ninh Sở đến xã Vạn Điểm) huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín	85,000	UBND huyện Thường Tín	Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 18/2/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
16	Cải tạo nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ thị trấn Phú Minh đến xã Quảng Lăng) huyện Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên	300,000	UBND huyện Phú Xuyên	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
17	Cải tạo, nâng cấp đê tả Đáy huyện Đan Phượng kết nối đê tả Đáy huyện Hoài Đức	Huyện Hoài Đức	40,000	UBND huyện Đan Phượng	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
18	Cải tạo, nâng cấp đê sông Nhuệ trên địa bàn các xã: Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Tân Minh và Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín	57,000	UBND huyện Thường Tín	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
19	Cải tạo nâng cấp đê tả Bùi; hữu Đáy huyện Chương Mỹ	Huyện Chương Mỹ	244,000	UBND huyện Chương Mỹ	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
20	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Hồng trên địa bàn huyện Thanh Trì	Huyện Thanh Trì	233,400	UBND huyện Thanh Trì	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
21	Kè bờ suối Bồng thôn Đồng Ké, xã Trần Phú	Huyện Chương Mỹ	5,000	UBND huyện Chương Mỹ	Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021
Dự án bố trí vốn giai đoạn 2022-2025			1,704,500		
1	Kè chống sạt lở bờ tả sông Hồng từ K84+600 đến K86+389 đê hữu Hồng khu vực xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì	Huyện Thanh Trì			Thời gian thực hiện: 2022-2025
2	Xử lý sạt lở khu vực thượng lưu kè Thanh Am (từ K4+200 đến K4+500 đê hữu Đuống), phường Thượng Thanh, quận Long Biên và hạ lưu kè Tĩnh Quang (từ K6+500 đến K6+900 đê hữu Đuống), phường Giang Biên, quận Long Biên	Quận Long Biên			Thời gian thực hiện: 2022-2024
3	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đuống từ K10+135 đến K11+000 đê tả Đuống, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm	Huyện Gia Lâm			Thời gian thực hiện: 2022-2024
4	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đà, sông Hồng trên địa bàn huyện Ba Vì (sông Đà đoạn từ K2+250 đến K4+100; sông Hồng đoạn từ K25+00 đến K26+00; kè Minh Châu đoạn từ K15+000 đến K16+000)	Huyện Ba Vì			Thời gian thực hiện: 2023-2025
5	Gia cố kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn tương ứng từ K94+000 đến K94+389, xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín	Huyện Thường Tín			Thời gian thực hiện: 2023-2024
6	Kè chống sạt lở các vị trí xung yếu thuộc bờ tả sông Đáy, huyện Thanh Oai	Huyện Thanh Oai			Thời gian thực hiện: 2023-2025
7	Kè chống sạt lở các vị trí xung yếu thuộc bờ tả sông Đáy, huyện Ứng Hòa	Huyện Ứng Hòa			Thời gian thực hiện: 2023-2025
8	Nâng cấp mặt tuyến đê hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn thị xã Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây			Thời gian thực hiện: 2023-2026
9	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Hồng, đê Ngọc Tảo kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn huyện Phúc Thọ	Huyện Phúc Thọ			Thời gian thực hiện: 2023-2026

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2022-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
10	Nâng cấp tuyến đê tả Hồng kết hợp làm đường giao thông từ K48+165 đến K64+126 thuộc địa bàn huyện Đông Anh	Huyện Đông Anh			Thời gian thực hiện: 2023-2026
11	Cải tạo, nâng cấp mặt đê Văn Cốc đoạn từ K8+800 đến K13+660 huyện Đan Phượng	Huyện Đan Phượng			Thời gian thực hiện: 2023-2025
12	Xây dựng đường hành lang cơ đê bao phía hạ lưu đê Liên Trung, huyện Đan Phượng	Huyện Đan Phượng			Thời gian thực hiện: 2022-2023
13	Cải tạo, nâng cấp, hoàn chỉnh mặt cắt đê Tiên Tân, huyện Đan Phượng	Huyện Đan Phượng			Thời gian thực hiện: 2022-2025
14	Cải tạo, nâng cấp mặt đê La Thạch huyện Đan Phượng	Huyện Đan Phượng			Thời gian thực hiện: 2022-2025
15	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Đáy kết hợp giao thông trên địa bàn quận Hà Đông	Quận Hà Đông			Thời gian thực hiện: 2023-2025
16	Cải tạo, nâng cấp đê tả Đáy kết hợp làm đường giao thông đoạn từ K51+250 đến K59+300 và làm đường hành lang đê tả Đáy, huyện Ứng Hòa (đoạn từ K43+700 đến K51+250, từ K65+350 đến K80+022)	Huyện Ứng Hòa			Thời gian thực hiện: 2023-2026
17	Cải tạo, nâng cấp đê tả Đáy kết hợp giao thông đoạn từ K26+650 đến K43+700, huyện Thanh Oai	Huyện Thanh Oai			Thời gian thực hiện: 2023-2026
18	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Cầu đoạn từ K17+000 đến K29+828 và kè bờ hữu sông Cầu từ K25+530 đến K26+000 huyện Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn			Thời gian thực hiện: 2023-2026
19	Cải tạo, nâng cấp đê tả Cà Lồ đoạn K0+000 đến K20+252 huyện Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn			Thời gian thực hiện: 2023-2026
20	Xây dựng mới tuyến đê tả Đáy từ Yên Nghĩa đến cầu Mai Lĩnh	Quận Hà Đông			Thời gian thực hiện: 2024-2027 Ngân sách thành phố: CBĐT+GPMB Ngân sách Trung ương: THĐT
21	Cải tạo, nâng cấp đê Mỹ Hà, huyện Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức			Thời gian thực hiện: 2024-2030 Ngân sách thành phố: CBĐT Ngân sách Trung ương: THĐT
22	Cải tạo lòng dẫn sông Đáy thành phố Hà Nội (B=22 từ Yên Nghĩa đến Ba Thá)	Quận Hà Đông, huyện Thanh Oai, Ứng Hòa, Chương Mỹ			Thời gian thực hiện: 2024-2030 Ngân sách thành phố: CBĐT Ngân sách Trung ương: THĐT

**Phụ lục 2c: Danh mục nhiệm vụ/dự án về phòng chống thiên tai
dự kiến triển khai thực hiện trong năm 2022**

TT	Danh mục nhiệm vụ/dự án	Kinh phí dự kiến	Nguồn vốn
	TỔNG SỐ	2,518,345	
I	Dự án thủy lợi	2,002,500	
1	Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa) - Giai đoạn 1	1,043,000	Ngân sách Thành phố
2	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	400,000	
3	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất	12,500	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	35,000	
5	Xây dựng mới trạm bơm và hoàn chỉnh hệ thống tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai (trạm bơm tiêu Yên Sơn), huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	75,000	
6	Cải tạo thoát nước sông Pheo, quận Bắc Từ Liêm	3,000	
7	Cải tạo, nâng cấp sông Cầu Bậy, huyện Gia Lâm	80,000	
8	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1B và hệ thống kênh tiêu Hát Môn (gồm kênh tiêu Hát môn, B1, B2, B3), huyện Phúc Thọ	40,000	
9	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh	150,000	
10	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín	80,000	
11	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ xã Ninh Sở đến xã Vạn Điểm), huyện Thường Tín	65,000	
12	Nạo vét, cứng hoá bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hoà	19,000	
II	Dự án đê điều	515,845	
1	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Hồng và hữu Đà, huyện Ba Vì	13,000	
2	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	3,600	
3	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ xã Ninh Sở đến xã Vạn Điểm), huyện Thường Tín	83,235	
4	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở kè Nhận Tái, huyện Đông Anh đoạn tương ứng từ K3+600 đến K4+250 đê hữu Cà Lò	14,000	
5	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ hữu sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	25,000	
6	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở chân đê thượng lưu đê hữu Đáy đoạn từ K5+770 đến K5+990 và đoạn từ K6+020 đến K6+310, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	3,500	
7	Xử lý cấp bách chống sạt lở kè Linh Chiểu tương ứng từ K32+600 đến K32+850 đê hữu Hồng, xã Sen Phương, huyện Phúc Thọ	16,000	

8	Xử lý xấp bách sạt lở bờ sông hữu Đà từ trạm bơm Đồng Cống đến phía cầu Trung Hà, xã Thái Hòa huyện Ba Vi	25,909	Ngân sách Thành phố
9	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở kè Cổ Đô từ K7+370 (sau MH10) đến K7+850 (sau MH12), xã Cổ Đô, huyện Ba Vi	26,693	
10	Xử lý cấp bách khắc phục tình trạng sạt lở bờ tả sông Đuống tương ứng từ K4+350 đến K5+050 đê tả Đuống, huyện Đông Anh	14,948	
11	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Đà đoạn từ K3+150 đến K3+430 và từ K3+760 đến K4+100 đê hữu Đà, xã Sơn Đà, huyện Ba Vi	60,000	
12	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Sơn Tây trên địa bàn xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	6,500	
13	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Sơn Tây trên địa bàn phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây	63,760	
14	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn từ K0+200 đến K0+300 đê hữu Hồng, xã Thái Hòa, huyện Ba Vi	37,700	
15	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở mái đê, hư hỏng mặt đê hữu Đáy trên địa bàn các xã Đồng Quang, Yên Sơn và thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai	25,000	
16	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở mái thượng lưu và nứt mặt đê hữu Bùi trên địa bàn xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ	5,000	
17	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt trượt mặt đê, mái đê tại K1+900 phía thượng lưu đê tả Đáy, xã Song Phượng, huyện Đan Phượng	5,000	
18	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố lún, sụt mặt đê hữu Đáy và sập cống qua đê trạm bơm Tân Độ, xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức	12,000	
19	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Hồng đoạn từ K25 đến K26 đê hữu Hồng thuộc xã Đông Quang và xã Cam Thượng, huyện Ba Vi	75,000	

Phụ lục 3. Danh mục phương tiện, vật tư, trang thiết bị giao các đơn vị quản lý

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn (cấp hoặc mua sắm)	Thực lực					
				Thời điểm 01/01/2020	Chất lượng				
					1	2	3	4	5
A	BẢNG TỔNG HỢP								
1	Xe cứu hộ các loại	Chiếc	DTQG, BQP, MS, Huy động	32		15	11	1	5
2	Xe chữa cháy			138		80	55		3
3	Tàu TKCN, xà lan, thuyền			80		7		6	67
4	Xuồng các loại			460	27	157	241	3	32
5	Nhà bạt các loại	Bộ		995	264	494	118	30	89
6	Phao các loại	Chiếc		52610	21000	20075	7587	546	3402
7	Trang thiết bị khác								
7.1	Máy phát điện các loại	Chiếc		1091	26	149	889	6	21
7.2	Máy bơm nước các loại			626	13	198	293	10	112
7.3	Máy khoan cắt bê tông			333	11	110	185	14	13
7.4	Máy cưa các loại			808	58	365	346	8	31
7.5	Bộ VNS	Bộ		1		1			
7.6	Máy đẩy các loại	Cái		3		2	1		
7.7	Máy cắt cỏ	Chiếc		2		2			
7.8	Máy cắt cầm tay phi 100			5		2	2		1
7.9	Máy nén khí			1		1			
7.10	Máy cắt thực bì chữa cháy rừng	Bộ		13		12	1		
7.11	Máy chống sập Hà Lan			3	2	1			
7.12	Máy đo điện trở chống sét	Chiếc		1	1				
7.13	Máy thổi khói	Cái		23		19	4		
7.14	Mặt nạ phòng độc	Chiếc	79	67	10			2	
7.15	Trang phục phòng cháy chữa cháy, bảo hộ	Bộ	263	8	214	19	6	16	
7.16	Thiết bị chữa cháy đồng bộ		1	1					
7.17	Đệm hơi cứu người tầng 3	Chiếc	17		11	5		1	
7.18	Băng ca cứu thương		123		110	8	3	2	
7.19	Đệm cứu hộ, cứu nạn		15		7	5		3	
B	BÀN DIỄN GIẢI								
I	Quận, huyện								
1	Quận Ba Đình								
1.1	Xe chữa cháy	Chiếc	MS	3		3			
1.2	Xuồng các loại			20		3		17	
	Xuồng cao su	Chiếc	MS	5		3		2	
	Xuồng các loại khác...	Chiếc		15				15	
1.3	Nhà bạt các loại			15		3		12	
	Nhà bạt 16,5m2	Bộ	MS	15		3		12	
1.4	Phao các loại			920			550	370	
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	MS	400			230	170	
	Áo phao	Chiếc		520			320	200	
1.5	Trang thiết bị khác								
	Máy phát điện các loại	Chiếc	MS	3		2		1	
	Máy bơm nước các loại	Chiếc		2				2	

Handwritten signature

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn (cấp hoặc mua sắm)	Thực lực					
				Thời điểm 01/01/2020	Chất lượng				
					1	2	3	4	5
	Máy cưa máy	Chiếc	MS	63		63			
	Cưa tay	Chiếc		40		40			
	Máy khoan cắt bê tông	Chiếc		22		6	2	14	
2	Quận Cầu Giấy								
2.1	Xuông các loại			3		3			
	Xuông S08 (vỏ Comarit)	Chiếc	MS	1		1			
	Xuông Cao su	Chiếc		2		2			
2.2	Nhà bạt các loại			9		9			
	Nhà bạt trung đội	Bộ	MS	4		4			
	Nhà bạt tiểu đội			5		5			
2.3	Phao các loại			380		345		35	
	Áo phao cứu hộ	Chiếc	MS	320		285		35	
	Phao tròn			60		60			
2.4	Trang thiết bị khác								
	Máy phát điện	Chiếc	MS	3		1		2	
	Máy bơm nước các loại			8		6		2	
	Cưa máy			23		23			
3	Quận Hoàng Mai								
3.1	Xuông các loại			3	3				
	Xuông ST450	Bộ	MS	3	3				
3.2	Phao cứu sinh			646	646				
	Áo phao	Cái	MS	480	480				
	Phao tròn	Chiếc		166	166				
3.3	Nhà bạt			25	25				
	Nhà bạt 7m2	Bộ	MS	10	10				
	Nhà bạt 9m2			1	1				
	Nhà bạt 24m2			11	11				
	Nhà bạt 16m2	Bộ	MS	3	3				
3.4	Trang thiết bị khác								
	Thuyền sắt	Chiếc	MS	15	15				
	Máy phát điện			3	3				
	Máy cưa			2	2				
	Máy khoan cắt BT			1	1				
	Máy bơm nước			1	1				
4	Quận Tây Hồ								
4.1	Xuông các loại			5		4		1	
	Xuông các loại khác...	Chiếc	MS	5		4		1	
4.2	Phao các loại			100		100			
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	MS	100		100			
4.3	Trang thiết bị khác			2		2			
	Máy khoan cắt bê tông	Chiếc	MS	2		2			
5	Quận Đống Đa								
5.1	Xuông các loại			9		6		3	
	Xuông cao su	Chiếc	MS	3		3			
	Thuyền tôn			6		3		3	
5.2	Nhà bạt các loại			2		1		1	
	Nhà cấp b loại 24,75m2	Cái	MS	2		1		1	

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn	Thực lực					
			(cấp hoặc mua sắm)	Thời điểm 01/01/2020	Chất lượng				
					1	2	3	4	5
	Máy cưa	Chiếc	Huy Động	28		28			
10	Quận Thanh Xuân								
10.1	Phao các loại			16	16				
	Phao bơi	Chiếc	MS	16	16				
10.2	Trang thiết bị khác								
	Máy phát điện các loại	Chiếc	MS	23		23			
	Máy bơm nước các loại			22		22			
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	MS	42		42			
	Máy khoan cắt bê tông			13		13			
	Mặt nạ phòng độc			18	18				
	Trang phục chữa cháy	Bộ		8	8				
11	Quận Nam Từ Liêm								
11.1	Xuồng các loại			11			11		
	Xuồng máy	Chiếc	MS	1			1		
	Xuồng tôn			10			10		
11.2	Nhà bạt các loại			7			7		
	Nhà bạt trung đội	Bộ	MS	6			6		
	Nhà bạt tiểu đội	Bộ	MS	1			1		
11.3	Phao các loại			160			160		
	Áo phao cứu hộ	Chiếc	MS	130			130		
	Phao tròn			30			30		
11.4	Trang thiết bị khác								
	Máy phát điện	Chiếc	MS	4			4		
	Máy cắt cầm tay		3			3			
	Cưa máy		9			9			
	Máy đục bê tông		2			2			
12	Quận Hà Đông								
12.1	Xe cứu hộ các loại	Chiếc	MS	1			1		
12.2	Xe chữa cháy	Chiếc	MS	3			3		
12.3	Xuồng các loại			2		1	1		
	Xuồng các loại khác	Chiếc	MS	2		1	1		
12.4	Nhà bạt các loại			13			13		
	Nhà bạt 16,5m2	Bộ	Huy động	2			2		
	Nhà bạt 24,75m2			1			1		
	Nhà bạt các loại khác	Bộ	Huy động	10			10		
12.5	Phao các loại			35			35		
	Phao cứu sinh	Chiếc	Huy Động	20			20		
	Phao tròn cứu sinh			10			10		
	Phao bè			5			5		
12.6	Trang thiết bị khác								
	Máy phát điện	Chiếc	MS+ Huy động	39			39		
	Máy bơm nước các loại		Huy Động	34			34		
	Máy cưa cầm tay		MS+ huy động	11			11		
	Máy khoan cắt bê tông		Huy Động	17			17		
	Đệm hơi cứu người tầng 3	Bộ	MS	1			1		

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn (cấp hoặc mua sắm)	Thực lực					
				Thời điểm 01/01/2020	Chất lượng				
					1	2	3	4	5
13	Huyện Đông Anh								
13.1	Xuồng các loại			2	2				
	Xuồng các loại khác...	Chiếc	MS	2	2				
13.2	Phao các loại			500	500				
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	MS	500	500				
13.3	Trang thiết bị khác								
	• Máy phát điện các loại	Chiếc	MS	1			1		
	Máy cắt cỏ			2		2			
	Máy cưa xích			1		1			
14	Huyện Mê Linh								
14.1	Xe cứu hộ các loại	Chiếc	Huy động	5					5
14.2	Xe chữa cháy	Chiếc	Huy động	3					3
14.3	Tàu TKCN	Chiếc	Huy động	52					52
14.4	Xuồng các loại			2					2
	Xuồng ST 1200	Bộ	Huy động	2					2
14.5	Nhà bạt các loại			23					23
	Nhà bạt 16,5 m2	Bộ	Huy động	23					23
14.6	Phao các loại	Chiếc		700					700
	Phao cứu sinh	Chiếc	Huy động	600					600
	Phao tròn cứu sinh			100					100
14.7	Trang thiết bị khác								
	Máy phát điện các loại	Chiếc	Huy động	9					9
	Máy bơm nước các loại		Huy động	100					100
	Máy cưa cầm tay các loại		Huy động	1					1
	Đệm hơi cứu người tầng 3		Huy động	1					1
15	Huyện Ba Vì								
15.1	Xuồng các loại		MS	12	10	2			
	Xuồng cao su	Chiếc	MS	10	10				
	Xuồng cao tốc YAMAHA 850HP	bộ	MS	2		2			
15.2	Phao các loại		MS	1637	1637				
	Phao cứu sinh	Chiếc	MS	1000	1000				
	Phao tròn cứu sinh			637	637				
15.3	Trang thiết bị khác								
	Máy phát điện các loại	Chiếc	MS	1		1			
	Máy cưa cầm tay các loại			1	1				
16	Huyện Mỹ Đức								
16.1	Nhà bạt các loại			1	1				
	Nhà bạt 24,74m2	Chiếc	MS	1	1				
16.2	Phao các loại			20	20				
	Áo phao	Chiếc	MS	10	10				
	Phao tròn			10	10				
16.3	Trang thiết bị khác								
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	MS	1	1				
17	Huyện Thường Tín								
17.1	Nhà bạt các loại			1	1				
	Nhà bạt 16,5m2	Bộ	MS	1	1				

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn (cấp hoặc mua sắm)	Thực lực					
				Thời điểm 01/01/2020	Chất lượng				
					1	2	3	4	5
17.2	Phao các loại			219	94	125			
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	MS	25	20	5			
	Áo phao cứu sinh			194	74	120			
18	Huyện Hoài Đức								
18.1	Xuồng ST 1200	Chiếc	MS	1		1			
18.2	Nhà bạt 16,5m2	Bộ	MS	1	1				
18.33	Phao các loại			20	20				
	Áo phao cứu sinh	Chiếc	MS	10	10				
	Phao tròn cứu sinh			10	10				
18.4	Trang thiết bị khác								
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	MS	1	1				
19	Huyện Quốc Oai								
19.1	Nhà bạt 15m2	Chiếc	MS	1	1				
19.22	Phao các loại			30	10				20
	Áo phao cứu sinh	Chiếc		20	10				10
	Phao tròn cứu sinh			10					10
20	Huyện Thanh Trì								
20.1	Xuồng các loại			3		3			
	Xuồng máy CV 25	Chiếc	MS	2		2			
	Xuồng máy CV 15			1		1			
20.2	Phao các loại			180		55	20	105	
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	MS	40		15		25	
	Áo phao			140		40	20	80	
20.3	Nhà bạt các loại			11		5	1	5	
	Nhà bạt cấp đại đội (60m2)	Bộ	MS	2		1		1	
	Nhà bạt cấp trung đội (24,5m2)			7		4		3	
	Nhà bạt cấp tiểu đội (16,5m2)			2		1		1	
20.4	Trang thiết bị khác								
	Máy phát điện các loại	Chiếc	MS	2		1	1		
	Máy cắt bê tông			1		1			
	Máy nén khí			1		1			
	Cửa máy đa tác dụng			5		3	2		
	Máy cắt cầm tay phi 100			5		2	2		1
	Máy khoan			2			1		1
21	Huyện Gia Lâm								
21.1	Xuồng các loại			1		1			
	Xuồng ST450	Chiếc	MS	1		1			
21.2	Phao các loại			10		10			
	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	MS	10		10			
21.3	Trang thiết bị khác								
	Máy đẩy MARINER 40	Chiếc	MS	1		1			
	Máy phát điện các loại	Chiếc	MS	9		9			
	Máy bơm nước các loại			2		1	1		
	Máy cưa cầm tay các loại			5		5			

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn	Thực lực					
			(cấp hoặc mua sắm)	Thời điểm 01/01/2020	Chất lượng				
					1	2	3	4	5
22	Huyện Thanh Oai								
22.1	Xuồng các loại			164			164		
	Xuồng các loại khác...	Chiếc	MS	6			6		
			Huy động	158			158		
22.2	Nhà bạt các loại			1	1				
	Nhà bạt 16,5m2	Bộ	MS	1	1				
22.3	Phao các loại			649		649			
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	MS	237		237			
	Phao tròn cứu sinh			412		412			
22.4	Trang thiết bị khác								
	Máy phát điện 5KW	Chiếc	Huy động	648			648		
	Máy phát điện các loại		MS	2			2		
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	MS	1		1			
			Huy động	50		50			
	Máy khoan cắt bê tông	Chiếc	Huy động	110			110		
23	Huyện Phú Xuyên								
23.1	Xe cứu hộ các loại	Chiếc	MS	2			2		
23.2	Xe chữa cháy			6			6		
23.3	Xuồng các loại			2			2		
	Xuồng ST660	Chiếc	MS	1			1		
	Xuồng các loại khác...			1			1		
23.4	Nhà bạt các loại			13			13		
	Nhà bạt các loại khác	Bộ		13			13		
23.5	Phao các loại			1582			1582		
	Phao cứu sinh	Chiếc	Huy động	4			4		
	Phao tròn cứu sinh			435			435		
	Phao bè			8			8		
	Áo phao			1135			1135		
23.6	Trang thiết bị khác								
-	Máy phát điện các loại	Chiếc	Huy động	97			97		
	Máy bơm nước các loại			150			150		
	Máy cưa cầm tay các loại			33			33		
	Máy khoan bê tông			35			35		
24	Huyện Đan Phượng								
24.1	Xe cứu hộ các loại	Chiếc	MS	3		3			
24.2	Xe chữa cháy	Chiếc	MS	3		3			
24.3	Xuồng các loại			2		2			
	Xuồng ST660	Chiếc	MS	1		1			
	Xuồng máy ST450-15CV			1		1			
24.4	Nhà bạt các loại			2		2			
	Nhà bạt 24,75m2	Bộ	MS	1		1			
	Nhà bạt 60m2			1		1			
24.5	Phao các loại			3		3			
	Phao cứu sinh	Chiếc	MS	1		1			
	Phao tròn cứu sinh			2		2			
24.6	Trang thiết bị khác					0			
	Máy phát điện các loại			3		3			

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn (cấp hoặc mua sắm)	Thực lực					
				Thời điểm 01/01/2020	Chất lượng				
					1	2	3	4	5
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	MS	2	2				
	Máy khoan cắt bê tông			2	2				
	Máy bơm chữa cháy			3	3				
25	Huyện Ứng Hòa								
25.1	<i>Trang thiết bị khác</i>								
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	MS	1		1			
26	Huyện Sóc Sơn								
	<i>Trang thiết bị khác</i>								
	Máy cưa cầm tay các loại	Chiếc	MS	1		1			
27	Thị xã Sơn Tây								
27.1	<i>Xuồng các loại</i>			3	3				
	Xuồng cao su	Chiếc	MS	3	3				
27.2	<i>Phao các loại</i>			100	100				
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	MS	100	100				
27.3	<i>Trang thiết bị khác</i>								
	Máy phát điện các loại	Chiếc	MS	4	4				
	Máy cưa cầm tay các loại			1	1				
II	Sở, Ngành								
1	Bộ Tư lệnh Thủ đô								
1.1	<i>Xe cứu hộ các loại</i>			4	4				
	Xe cứu hộ đa năng, xe ô tô có cần cẩu	Chiếc	BQP	4	4				
1.2	<i>Xe chữa cháy</i>			11	11				
	Xe ô tô chữa cháy	Chiếc	BQP	8	8				
	Xe máy chữa cháy			1	1				
	Xe cứu hỏa A2 Zil 131			1	1				
	Xe chở nước Stec HINO FG8JJSB			1	1				
1.3	<i>Tàu, xà lan, thuyền</i>			24	3		6	15	
1.4	<i>Xuồng các loại</i>			136	110	16	1	9	
1.5	<i>Nhà bạt</i>			543	32	377	72	25	37
1.6	<i>Phao các loại</i>			24518	1810	16938	3487	526	1757
1.7	<i>Trang thiết bị khác</i>								
	Máy phát điện	Chiếc		71	54	12	1	4	
	Máy phát điện có hệ thống đèn pha			5	2	7			
	Máy bơm chữa cháy	Bộ		115	1	78	23	5	8
	Máy khoan, cắt bê tông	Chiếc	MS	92	69	12		11	
	Đệm cứu hộ, cứu nạn			15	7	5		3	
	Cưa máy cầm tay	Cái	MS	161	2	124	16	4	15
	Cưa tay			89	69	5	2	13	
	Băng ca cứu thương	Chiếc	BQP	123		110	8	3	2
	Máy cắt thực bì chữa cháy rừng	Bộ		13		12	1		
	Máy chống sập Hà Lan			3	2	1			
	Máy đo điện trở chống sét	Bộ		1	1				
	Máy thổi khói	Cái		23		19	4		

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn	Thực lực					
			(cấp hoặc mua sắm)	Thời điểm 01/01/2020	Chất lượng				
					1	2	3	4	5
	Mặt nạ phòng độc MV5	Chiếc	BQP	54	49	3			2
	Trang phục phòng cháy chữa cháy	Bộ		252		211	19	6	16
-2	Sở Nông nghiệp và PTNT								
2.1	<i>Xuồng các loại</i>			4	4				
	Xuồng máy ST450	Chiếc	DTQG	1	1				
	Xuồng bơm hơi 460P			3	3				
2.2	<i>Nhà bạt các loại</i>			176	164				12
	Nhà bạt 16,5m2	Bộ	MS	65	65				
	Nhà bạt 24,5m2	Bộ	MS	60	49				12
			DTQG	1					
	Nhà bạt 60m2	Bộ	MS	50	50				
2.3	<i>Phao các loại</i>			15484	15231				253
	Phao tròn cứu sinh		DTQG	3501	9821				191
			MS	6511					
	Phao áo cứu sinh	Chiếc	MS	3671	5410				62
			DTQG	1801					
2.4	<i>Trang thiết bị khác</i>								
	Thiết bị khoan cắt	Bộ	DTQG	1	1				
	Thiết bị chữa cháy đồng bộ	Bộ		1	1				
3	Công an Thành phố								
3.1	<i>Xe cứu hộ các loại</i>	Chiếc		17		8	8	1	
3.2	<i>Xe chữa cháy</i>	Chiếc		109		63	46		
3.3	<i>Tàu TKCN</i>	Chiếc		4		4			
3.4	<i>Xuồng các loại</i>			74	7	30	34		3
	Xuồng ST 1200	Bộ		1			1		
	Xuồng ST 660		1	1					
	Xuồng cao su	Chiếc		18	4	6	8		
	Xuồng các loại khác		54	2	24	25		3	
3.5	<i>Nhà bạt các loại</i>			138	34	98	2	4	
	Nhà bạt 16,5 m2	Bộ		13	3	7	1	2	
	Nhà bạt 24,75 m3		22		20	1	1		
	Nhà bạt 60 m2		1		1				
	Nhà bạt các loại khác		102	31	70		1		
3.6	<i>Phao các loại</i>			3547	566	1756	1213		12
	Phao cứu sinh	Chiếc		1324	215	383	726		
	Phao tròn cứu sinh		1093	107	785	201			
	Phao bè		1			1			
	Áo phao		1129	244	588	285		12	
3.7	<i>Trang thiết bị khác</i>								
	Máy phát điện các loại	Chiếc		142	18	38	79	2	5
	Máy bơm nước các loại	Chiếc		183	11	92	76	4	
	Máy cưa cầm tay các loại		186	48	33	101	2	2	
	Máy khoan cắt bê tông		27	9	14	3		1	
	Máy phát điện 5KW		10	3	3	4			
	Máy phát điện 2KW		2		1	1			

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn (cấp hoặc mua sắm)	Thực lực					
				Thời điểm 01/01/2020	Chất lượng				
					1	2	3	4	5
	Đệm hơi cứu người tầng 3			16		11	4		1
4	Sở Khoa học và Công nghệ								
4.1	Trang thiết bị khác								
	Mặt nạ phòng độc	Cái	MS	7		7			
	Quần áo bảo hộ	bộ		3		3			

Ghi chú: Các trang thiết bị thuộc nguồn được cấp của quận, huyện, thị xã đều thuộc quản lý của Bộ Tư Lệnh Thủ

* Quy định về phân cấp chất lượng:

- Cấp 1: là phương tiện, trang thiết bị chưa qua sử dụng, hiện vẫn niêm cất, bảo quản trong kho
- Cấp 2: là phương tiện, trang thiết bị mới đưa vào sử dụng, chưa qua sửa chữa lớn.
- Cấp 3: là phương tiện, trang thiết bị đang đưa vào sử dụng, hay gặp hư hỏng nhỏ hoặc đã qua sửa chữa lớn.
- Cấp 4: là phương tiện, trang thiết bị đang bị hư hỏng nặng, chưa sử dụng được chờ khắc phục, sửa chữa.
- Cấp 5: là phương tiện, trang thiết bị bị hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được, chờ thanh lý.

Phụ lục 4. Biểu nhân lực huy động ứng phó trong phòng chống thiên tai thành phố Hà Nội

STT	Quận, huyện, thị xã	Lực lượng															
		Quân đội	Bộ đội biên phòng	Công an	Y tế	Thanh niên tình nguyện	Doanh nghiệp huy động	Hội chữ thập đỏ	Dân quân tự vệ	Hội phụ nữ	LL xung kích	Hội nông dân, đoàn thể khác	Thành viên Ban chỉ huy, VPTT	Cán bộ công nhân viên chức	LL quản lý đê chuyên trách	LL quản lý đê nhân dân	Lực lượng khác
1	Ba Đình																
2	Bắc Từ Liêm	2,036		556	172	310		100			1,588		27		4	126	
3	Cầu Giấy	909+2 ĐV		253	109	670	565	2,519	923	4,702	432	3,785	209	463			1,060
4	Đống Đa	403		150			112		97				34				
5	Hà Đông	318		460	270	2,734	1,233	1,255	1,861	4,557	1,332	1,391	337	528	2	2	1,638
6	Hai Bà Trưng	40		405	160	1,220	40	225	4,061	232	450	260	580	500	5	3	800
7	Hoàn Kiếm	38	40	967	63	120			399		196		47		14		640
8	Hoàng Mai	4,044		287	174	821	1,948	1,094		444		432					
9	Long Biên																
10	Nam Từ Liêm																
11	Tây Hồ																
12	Thanh Xuân	581		300	108	656	300	20	30	30	30	30	45	50			100
13	Ba Vì																
14	Chương Mỹ	30	1,300	50	30	2,700	0			1,040	1,620	6,400	175	768	9	46	
15	Đan Phượng	60		76	35	20	50		1,135		100		31	40			

STT	Quận, huyện, thị xã	Lực lượng															
		Quân đội	Bộ đội biên phòng	Công an	Y tế	Thanh niên tình nguyện	Doanh nghiệp huy động	Hội chữ thập đỏ	Dân quân tự vệ	Hội phụ nữ	LL xung kích	Hội nông dân, đoàn thể khác	Thành viên Ban chỉ huy, VPTT	Cán bộ công nhân viên chức	LL quản lý đề chuyên trách	LL quản lý đề nhân dân	Lực lượng khác
16	Đông Anh	100		520	320	290	58	29	140	260	462	270	135	490	15	21	250
17	Gia Lâm																
18	Hoài Đức	860		587	457	1,568	555	255	2,360	911	4,785	1,344	638	412	11	91	2,803
19	Mê Linh																
20	Mỹ Đức	328		523	190	2,266	479	755	4,262	2,259	2,300	3,426	461	481		6	895
21	Phú Xuyên	207		335	217	1,922	257	294	2,376	1,051	921	1,308	363	349	21	397	4,332
22	Phúc Thọ																
23	Quốc Oai	38		539	210	980	20	26	1,050	47	100		202	335	204	2	400
24	Sóc Sơn																
25	Thạch Thất																
26	Thanh Oai	1,029		603	200	1,230	804	374	2,063	1,072	2,097	1,134	652	871	204		880
27	Thanh Trì	770		340	210			90	350	250	2,650	330	700				
28	Thường Tín	478		500	420	2,374	860	886	3,109	6,401	2,662	5,438	727	1,104	17	64	2,076
29	Ứng Hòa	100		340	320	1,550	400	10		880	300	880			18	13	
30	Sơn Tây																

Phụ lục 5. Biểu tổng hợp thông tin về nhu yếu phẩm thành phố Hà Nội

STT	Quận, huyện, thị xã	Lương thực, thực phẩm						Nước uống đóng chai (thùng)	Nhiên liệu					Hóa chất khử trùng			Thiết bị xử lý nước	Các nhu yếu phẩm khác
		Lương khô	Mì tôm	Gạo	Thực phẩm	Sữa	Đồ hộp		Chất đốt (kg)	Dầu hỏa	Dầu Diesel	Nén	Xăng	Phèn chua	Clora min B	Vôi bột		
		(thùng)	(gói)	(tấn)	(kg)	(hộp)	(kg)			(lít)	(lít)	(cây)	(lít)	(tấn)	(viên)	(tấn)		
1	Ba Đình																	
2	Bắc Từ Liêm																	
3	Cầu Giấy	11590+ 1631kg	1,229,015				201,900	49,956	23,300	1,110	2,000	203,670	1,900	594	10,400	39		
4	Đống Đa																	
5	Hà Đông	1,013	442,215	319	341,198	65,662		16,846	69,570	0	135,060		50,673	297	867,943	17,469	3,433	
6	Hai Bà Trưng	411	295,040	29	70,000	0	41,600	58,979	11,500	200	770	0	3,430	38	118,000	26		
7	Hoàn Kiếm																	
8	Hoàng Mai	12,105	396,305	26				72,602		250,470	250,470		456,860					
9	Long Biên																	
10	Nam Từ Liêm																	
11	Tây Hồ																	
12	Thanh Xuân																	
13	Ba Vì																	
14	Chương Mỹ	751	95,952	57	11,000		10,000	56,088	10,020	12,680	6,200		10,300		2,090	127	505	
15	Đan Phượng																	
16	Đông Anh	1,779	964,908	12	6,000		1,200	643,272	964,908									
17	Gia Lâm		---															
18	Hoài Đức	6,963	1,500,461	473	156,446		233,257	45,214	697,342	36,607	38,860		25,295	15,607	246,369	906	16,547	129,953

STT	Quận, huyện, thị xã	Lương thực, thực phẩm						Nước uống đóng chai (thùng)	Nhiên liệu					Hóa chất khử trùng			Thiết bị xử lý nước	Các nhu yếu phẩm khác
		Lương khô	Mì tôm	Gạo	Thực phẩm	Sữa	Đồ hộp		Chất đốt (kg)	Dầu hỏa	Dầu Diêzen	Nén	Xăng	Phèn chua	Clora min B	Vôi bột		
		(thùng)	(gói)	(tấn)	(kg)	(hộp)	(kg)			(lít)	(lít)	(cây)	(lít)	(tấn)	(viên)	(tấn)		
19	Mê Linh																	
20	Mỹ Đức	2,058	612,502	1,607	238,561		129,266	17,839	101,080	142,593	44,951		3,744	1,762	147,137	76	38,175	1,010
21	Phú Xuyên	321	1,824,708	342	78,590		680,121	52,549	150,149	37,953	46,293		55,266	5,570	40,787	166,490	724	200
22	Phúc Thọ																	
23	Quốc Oai		365,919	37			121,961	20,335				17,423						
24	Sóc Sơn																	
25	Thạch Thất																	
26	Thanh Oai	2,443	1,491,558	300	65,495		469,055	51,391	478,249	82,188	107,710		86,379	38	244,882	344	9,251	
27	Thanh Trì		501,600					238,800				25,250						
28	Thường Tín	321	852,900	67	25,400		6,750	25,696	26,100	6,330	11,800	223,050	9,350	465	14,100	210	500	
29	Ứng Hòa	6,390	191,700	192				12,780		63,900	63,900		63,900					
30	Sơn Tây																	
	Tổng																	

Ghi chú: 01 thùng lương khô gồm 100 gói, 01 thùng nước gồm 24 chai

Phụ lục 6: Diện tích, dân số và mật độ dân số năm 2019 thành phố Hà Nội

STT	Quận/Huyện/Thị xã	Diện tích km ²	Dân số trung bình (nghìn người)	Mật độ dân số (người/km ²)
1	Quận Ba Đình	9.21	228.5	24,810
2	Quận Bắc Từ Liêm	45.32	337.4	7,445
3	Quận Cầu Giấy	12.32	294.6	23,912
4	Quận Đống Đa	9.95	379.4	38,131
5	Quận Hà Đông	49.64	398.8	8,034
6	Quận Hai Bà Trưng	10.26	305.8	29,805
7	Quận Hoàn Kiếm	5.29	139	26,276
8	Quận Hoàng Mai	40.32	508.6	12,614
9	Quận Long Biên	59.82	320.6	5,359
10	Quận Nam Từ Liêm	32.19	265.1	8,235
11	Quận Tây Hồ	24.39	163.9	6,720
12	Quận Thanh Xuân	9.09	293.6	32,299
13	Thị xã Sơn Tây	117.43	150.2	1,279
14	Huyện Ba Vì	423	289.7	685
15	Huyện Chương Mỹ	237.38	338.3	1,425
16	Huyện Đan Phượng	78	174.7	2,240
17	Huyện Đông Anh	185.62	402.9	2,171
18	Huyện Gia Lâm	116.71	287	2,459
19	Huyện Hoài Đức	84.93	263.3	3,100
20	Huyện Mê Linh	142.46	240.4	1,687
21	Huyện Mỹ Đức	226.25	199.5	882
22	Huyện Phú Xuyên	171.1	215.6	1,260
23	Huyện Phúc Thọ	118.63	186.1	1,569
24	Huyện Quốc Oai	151.13	195	1,290
25	Huyện Sóc Sơn	304.76	344.8	1,131
26	Huyện Thạch Thất	187.44	215.1	1,148
27	Huyện Thanh Oai	123.87	212	1,711
28	Huyện Thanh Trì	63.49	279.4	4,401
29	Huyện Thường Tín	130.41	254.3	1,950
30	Huyện Ứng Hoà	188.18	210.3	1,118
TỔNG		3358.59	8093.9	

Phụ lục 7. Cơ cấu kinh tế phân theo ngành giai đoạn 2015- 2019

TT	Chỉ tiêu/ năm	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
	Tổng số GRDP (Giá hiện hành)	Nghìn tỷ đồng	442.66	478.95	519.568	904.46	971.7
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Nghìn tỷ đồng	14.82	15.15	15.45	19.36	19.43
	Tỷ trọng	%	3.35	2.92	2.97	2.14	2.0
2	Công nghiệp - Xây dựng	Nghìn tỷ đồng	135.33	147.51	159.987	219.16	221.55
	Tỷ trọng	%	30.57	28.39	30.79	22.26	22.8
3	Dịch vụ	Nghìn tỷ đồng	249.30	269.99	293.505	576.53	619.94
	Tỷ trọng	%	56.32	51.96	56.49	63.74	63.8
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp SP	Nghìn tỷ đồng	43.21	46.31	50.626	89.41	110.77
	Tỷ trọng	%	9.76	8.91	9.74	9.89	11.4

Handwritten signature

**Phụ lục 8. Phân công nhiệm vụ các thành viên
Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thành phố**

TT	Đơn vị công tác	Chức vụ	Nhiệm vụ phân công
1	Chủ tịch UBND thành phố	Trưởng ban	- Phụ trách chung, chỉ đạo toàn diện công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố
2	Phó Chủ tịch UBND thành phố	Phó Trưởng ban Thường trực	- Giúp Trưởng ban chỉ đạo, điều hành các hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ huy Thành phố. - Trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống thiên tai, khí tượng thủy văn, ứng phó biến đổi khí hậu; phòng chống lụt bão và ứng ngập; phòng, chống cháy nổ; cứu hộ, cứu nạn; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khi có sự cố, thiên tai. - Thay mặt Trưởng ban giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng ban khi Trưởng ban vắng mặt.
3	Phó chủ tịch Thường trực UBND Thành phố	Phó Trưởng ban	- Trực tiếp chỉ đạo công tác đê điều, thủy lợi, khắc phục hậu quả, phục hồi sản xuất nông nghiệp, phòng chống sạt lở đất khu vực ngoại thành; phòng, chống cháy rừng; ứng phó sự cố rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại. - Kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai trên địa bàn Thành phố, thuộc lĩnh vực được phân công.
4	Phó Chủ tịch UBND Thành phố	Phó Trưởng ban	- Trực tiếp chỉ đạo giải phóng mặt bằng, các công việc liên quan đến quản lý đất đai, quản lý tài nguyên nước phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai. - Kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai trên địa bàn Thành phố, thuộc lĩnh vực được phân công.
5	Phó Chủ tịch UBND Thành phố	Phó Trưởng ban	- Trực tiếp chỉ đạo công tác thoát nước, cấp nước, phòng, chống gãy đổ cây xanh; đảm bảo an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông; ứng phó sự cố môi trường, sự cố tai nạn giao thông, hàng không dân dụng, động đất, sập đổ nhà, công trình xây dựng. - Kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai trên địa bàn Thành phố, thuộc lĩnh vực được phân công.
6	Phó Chủ tịch UBND Thành phố	Phó Trưởng ban	- Trực tiếp chỉ đạo công tác ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; công tác cứu trợ, đảm bảo đời sống nhân dân khi có sự cố, thiên tai. - Kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai trên địa bàn Thành phố, thuộc lĩnh vực được phân công.

MMO

7	Phó Chủ tịch UBND Thành phố	Phó Trưởng ban	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. - Kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai trên địa bàn Thành phố, thuộc lĩnh vực được phân công.
8	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phó Trưởng ban	<ul style="list-style-type: none"> - Làm nhiệm vụ Thường trực Ban Chỉ huy Thành phố về phòng, chống, ứng phó sự cố, thiên tai, tham mưu, giúp Trưởng ban chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban Chỉ huy về công tác phòng, chống ứng phó và khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai trên địa bàn Thành phố. - Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Văn phòng Ban Chỉ huy Thành phố; chỉ đạo ứng phó sự cố công trình đê điều, công trình thủy lợi, phòng chống cháy rừng và các sự cố khác do thiên tai gây ra đối với lĩnh vực nông nghiệp - Thực hiện chức năng theo dõi, cảnh báo, thông tin, truyền thông, tổng hợp, tham mưu báo cáo tình hình sự cố, thiên tai trên địa bàn Thành phố. - Thay mặt Ban Chỉ huy Thành phố ký, ban hành các văn bản như: Công điện, Lệnh báo động, Lệnh rút báo động lữ trên các tuyến sông; Giấy mời họp và các báo cáo của Ban Chỉ huy Thành phố; ký cấp các biển xe đi trên đê trong mùa mưa lũ. - Chỉ đạo các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, triển khai các kế hoạch, phương án, tổ chức lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó các sự cố, thiên tai và cháy rừng - Phối hợp các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan ứng phó kịp thời các sự cố đê điều, công trình thủy lợi, cháy rừng và khắc phục hậu quả, phục hồi sản xuất nông nghiệp.
9	Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô	Phó Trưởng ban	<ul style="list-style-type: none"> - Làm nhiệm vụ Thường trực Ban Chỉ huy Thành phố về tìm kiếm cứu nạn, tham mưu, giúp Trưởng ban chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban Chỉ huy về công tác tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố. - Thay mặt Ban Chỉ huy Thành phố tổ chức hiệp đồng lực lượng, phương tiện với các đơn vị quân đội, công an đóng quân trên địa bàn Thành phố làm nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn - Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Tur lệnh Thủ đô xây dựng kế hoạch, phương án chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó các sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng ban phân công.
10	Giám đốc Công an Thành phố	Phó Trưởng ban	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, giúp việc Trưởng ban chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban Chỉ huy về công tác ứng phó sự cố, thiên tai, phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thành phố. - Trực tiếp chỉ đạo công tác ứng phó sự cố, thiên tai, phòng, chống cháy nổ trên địa bàn Thành phố. - Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc Công an Thành phố xây dựng tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án, sẵn sàng ứng phó các sự cố, thiên tai, cháy, nổ trên địa bàn Thành phố và các nhiệm vụ do Trưởng ban phân công.

11	Giám đốc Sở Công Thương	Ủy viên	<p>- Trực tiếp phụ trách công tác ứng phó sự cố rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại. Xây dựng, triển khai Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp Thành phố; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án dự trữ hàng hóa, nhu yếu phẩm, vật tư thiết yếu phục vụ cứu trợ và đảm bảo đời sống nhân dân, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố; phục hồi sản xuất lĩnh vực công nghiệp, thương mại, ổn định thị trường, hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho nông dân ở những vùng bị ảnh hưởng của thiên tai.</p> <p>- Phụ trách địa bàn quận cầu Giấy.</p>
12	Giám đốc Sở Giao thông Vận tải	Ủy viên	<p>- Trực tiếp phụ trách công tác đảm bảo an toàn giao thông, ứng phó sự cố tai nạn giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, sự cố hư hỏng công trình giao thông. Phối hợp ứng phó sự cố tai nạn hàng không dân dụng.</p> <p>- Phụ trách địa bàn quận Nam Từ Liêm.</p>
13	Giám đốc Sở Xây dựng	Ủy viên	<p>- Trực tiếp phụ trách công tác ứng phó sự cố úng ngập, gãy đổ cây xanh, cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường khu vực nội thành; động đất, sập đổ nhà, công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố.</p> <p>- Phụ trách địa bàn quận Ba Đình.</p>
14	Chánh Văn phòng UBND Thành phố	Ủy viên	<p>Phối hợp Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Thành phố tham mưu, giúp việc UBND Thành phố chỉ đạo điều hành nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố theo đúng quy định.</p>
15	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	Ủy viên	<p>-Trực tiếp phụ trách công tác ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.</p> <p>- Phụ trách địa bàn quận Thanh Xuân.</p>
16	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy viên	<p>- Phụ trách công tác phòng, chống, ứng phó khắc phục hậu quả liên quan đến môi trường, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu; khí tượng thủy văn; quy hoạch sử dụng đất liên quan đến các dự án, chương trình phòng, chống thiên tai. Xây dựng phương án, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức xử lý môi trường, nguồn nước ở các vùng chịu ảnh hưởng của sự cố, thiên tai, biến đổi khí hậu.</p> <p>- Phụ trách địa bàn huyện Thường Tín.</p>
17	Giám đốc Sở Tài chính	Ủy viên	<p>- Phối hợp với các sở, ngành liên quan trong công tác: Xây dựng kế hoạch, tham mưu UBND Thành phố bố trí kinh phí phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố theo quy định; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ khắc phục hậu quả, phục hồi sản xuất cho các vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra.</p> <p>- Phụ trách địa bàn huyện Thanh Trì.</p>
18	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy viên	<p>- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch, phương án huy động nguồn lực để hỗ trợ công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.</p> <p>- Phụ trách địa bàn huyện Gia Lâm.</p>

19	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy viên	Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong mọi tình huống. - Phụ trách địa bàn quận Tây Hồ
20	Giám đốc Sở Y tế	Ủy viên	- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án dự trữ thuốc, phương tiện y tế, đảm bảo ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, xử lý môi trường phòng chống dịch bệnh; cấp cứu kịp thời tai nạn, thương tích cho con người tại các vùng bị sự cố, thiên tai. - Phụ trách địa bàn quận Phú Xuyên.
21	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Ủy viên	- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; chú trọng công tác quản lý học sinh về kiến thức phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. - Phụ trách địa bàn quận Sơn Tây.
22	Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao	Ủy viên	- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và đảm bảo an toàn các công trình trong lĩnh vực văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố. - Phụ trách địa bàn quận Sóc Sơn.
23	Giám đốc Sở Du lịch	Ủy viên	- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn Thành phố. - Phụ trách địa bàn quận Hoàn Kiếm.
24	Giám đốc Sở Nội vụ	Ủy viên	- Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Thành phố tham mưu, đề xuất kịp thời công tác thi đua khen thưởng trong phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố. - Phụ trách địa bàn quận Hai Bà Trưng.
25	Giám đốc Sở Tư pháp, ủy viên	Ủy viên	- Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Thành phố tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có tính quy phạm về phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo đúng quy định - Phụ trách địa bàn quận Hà Đông.
26	Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Ủy viên	- Trực tiếp phụ trách công tác cứu trợ và đảm bảo đời sống nhân dân khi có sự cố, thiên tai. - Xây dựng, tổ chức triển khai, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trên địa bàn Thành phố thực hiện các phương án, kế hoạch phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thuộc lĩnh vực được phân công. - Phụ trách địa bàn quận Mê Linh.
27	Chánh Thanh tra Thành phố	Ủy viên	- Phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Thành phố, các sở, ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, tham mưu giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đúng quy định pháp luật. - Phụ trách địa bàn quận Bắc Từ Liêm.

28	Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Thành phố	Ủy viên	Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an toàn về điện, cung cấp đầy đủ điện năng phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn Thành phố. - Phụ trách địa bàn quận Hoàng Mai.
29	Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy	Ủy viên	Chỉ đạo toàn diện công tác tuyên truyền về phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố. - Phụ trách địa bàn quận Long Biên.
30	Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội Tổng Biên tập Báo Hà Nội Mới	Ủy viên	Chỉ đạo Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, Báo Hà Nội Mới phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Thành phố xây dựng, thực hiện các chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố; thông tin chính xác, kịp thời về thời tiết, sự cố, thiên tai, các gương điển hình tiên tiến trong phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.
31	Bí thư Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh Thành phố	Ủy viên	Xây dựng kế hoạch và tổ chức huy động lực lượng đoàn viên, thanh niên tham gia phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố. - Phụ trách địa bàn quận Đông Anh.
32	Viện trưởng Viện nghiên cứu kinh tế - xã hội Thành phố	Ủy viên	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả để quản lý, giảm thiểu rủi ro có thể trở thành thảm họa đối với thành phố Hà Nội. - Phụ trách địa bàn quận Đống Đa.
33	Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Thủ đô	Ủy viên	- Tham mưu giúp Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô, Phó Trưởng ban Chỉ huy Thành phố thực hiện nhiệm vụ thường trực công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố. - Quyết định điều động lực lượng, phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô để thực hiện nhiệm vụ ứng phó các sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. - Phụ trách địa bàn huyện Phúc Thọ.
34	Phó Giám đốc Công an Thành phố	Ủy viên	Tham mưu giúp Giám đốc Công an Thành phố, Phó Trưởng ban chỉ huy thực hiện nhiệm vụ về công tác ứng phó thiên tai, sự cố, phòng cháy chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn; đảm bảo an ninh trật tự, trật tự giao thông tại khu vực xảy ra thiên tai, sự cố, cháy, nổ trên địa bàn.

Phụ lục 9. Tình hình thiệt hại do thiên tai trên địa bàn thành phố Hà Nội

STT	Năm		2016	2017	2018	2019	
	Thiệt hại	Đơn vị					
1	Người	Người chết	<i>người</i>	0	1	0	1
		Người bị thương	<i>người</i>	11			1
		Người bị ảnh hưởng	<i>người</i>			12,136	
2	Nhà	Thiệt hại hoàn toàn	<i>nhà</i>	460	18	1	4
		Thiệt hại nặng	<i>nhà</i>	1,574			1
		Bị ảnh hưởng	<i>nhà</i>	2,461	9,487	3,034	
3	Giáo dục	Điểm trường	<i>điểm</i>	63	20	7	
		Công trình bị ảnh hưởng	<i>phòng</i>	98	54		
4	Y tế		<i>Cơ sở</i>	4	2	1	
5	Giao thông	Đường giao thông	<i>m</i>		79,277	38,192	
		Cầu giao thông	<i>cái</i>		2		
6	Công trình văn hóa		<i>Công trình</i>	15	6	7	
7	Nông nghiệp	Trồng trọt	<i>ha</i>	80,506	7,711	10,085	3,554.1
		Cây bóng mát	<i>cây</i>	30,750			
		Gia súc	<i>con</i>	2,392	8,556	578	
		Gia cầm	<i>con</i>	54,144	344,828	120,118	
		Thủy sản	<i>ha</i>	47	9,704	1,886	
8	Cơ quan, nhà xưởng, chợ	Nhà xưởng, nhà kho, phân xưởng	<i>nhà</i>	218			
		Cơ quan Trụ sở	<i>trụ sở</i>	32			
		Chợ, trung tâm thương mại	<i>điểm</i>	5			
9	Công trình thủy lợi	Đê, kè, bờ sông	<i>m</i>	95	48,967	17,233	
		Kênh mương	<i>m</i>	270	28,133	11,908	
		Bai, đập	<i>đập</i>		5	28	
		Trạm bơm	<i>trạm</i>		23	26	
		Cầu cống	<i>Công trình</i>	305	409	34	

140

STT	Năm		2016	2017	2018	2019
	Thiệt hại	Đơn vị				
10	Thông tin liên lạc, điện	Cột ăng ten, cáp treo	cột	555		
		Trạm biến thế	tram		3	1
		Cột điện	cột	1,036	10	
		Dây điện	m	5,239	300	
11	Môi trường	ha		500		
12	Thiệt hại khác	tỷ đồng		26,718		
Ước tính tổng thiệt hại		tỷ đồng		1,413.323		

Phụ lục 10. Biểu tổng hợp thiệt hại

BIỂU 01/TKTH

Đơn vị báo cáo:

Ban hành kèm theo TTTL

Đơn vị nhận báo cáo:

Số: 43/2015TTTL-BNNPTNT-BKHĐT

TỔNG HỢP THIẾT HẠI

Thời gian:

Địa điểm nơi xảy ra thiên tai:

Loại hình thiên tai:

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền
						(triệu đồng)
1	NG	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI				
2	NH	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở	<i>triệu đồng</i>			
2.1	NH01	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	<i>cái</i>			
2.2	NH02	Thiệt hại rất nặng (từ 30% -70%)	<i>cái</i>			
2.5	NH05	Nhà bị ngập nước (từ 1 - 3m)	<i>lượt</i>			
3	GD	THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC	<i>triệu đồng</i>			
3.1	GD01	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	<i>điểm</i>			
3.2	GD02	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên	<i>cái</i>			
3.2.2	GD022	<i>Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%</i>	<i>cái</i>			
3.4	GD04	Các thiết bị giáo dục ở điểm/trường bị hư hỏng	<i>triệu đồng</i>			
4	YT	THIỆT HẠI VỀ Y TẾ	<i>triệu đồng</i>			
4.1	YT01	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế)	<i>cái</i>			
4.1.2	YT012	<i>Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%</i>	<i>cái</i>			
5	VH	THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA	<i>triệu đồng</i>			
5.2	VH02	Di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh	<i>cái</i>			
6	NLN	THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP	<i>triệu đồng</i>			
6.1	NLN01	Diện tích lúa	<i>ha</i>			
6.1.1	NLN011	<i>Diện tích gieo cấy lúa thuần</i>	<i>ha</i>			
6.1.1.1	NLN0111	<i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>	<i>ha</i>			

6.1.1.2	NLN0112	Thiệt hại rất nặng từ 30% -70%	ha			
	NLN03	Diện tích hoa màu, rau màu	ha			
6.3.1	NN031	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			
6.3.2	NN032	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha			
6.3.3	NN033	Thiệt hại nặng từ 30% -50%	ha			
6,6	NLN06	Diện tích cây trồng hàng năm	ha			
6.6.1	NLN061	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			
6.7	NLN07	Diện tích cây ăn quả tập trung	ha			
6.7.1	NLN071	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			
6,8	NLN08	Diện tích rừng hiện có	ha			
6.8.1	NLN081	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			
6.9	NLN9	Cây bóng mát, cây xanh đô thị bị đổ, gãy	cây			
6.11	NLN11	Hạt giống hư hỏng (lúa giống, giống cây trồng)	tấn			
6.12	NLN12	Lương thực bị trôi, ẩm, ướt và hư hỏng	tấn			
6.13	NLN13	Diện tích đất ở bị xói lở, vùi lấp, sa bồi	ha			
		Cây mai bị hư hỏng	cây			
6.17	NLN19	Các thiệt hại về nông, lâm, diêm nghiệp khác (*)	triệu đồng			
7	CHN	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	triệu đồng			
7.1	CHN1	Gia súc bị chết, cuốn trôi	con			
7.1.1	CHN01	Trâu, bò, ngựa	con			
7.1.3	CHN03	Lợn	con			
7.2	CHN02	Gia cầm bị chết, cuốn trôi	con			
7.2.1	CHN021	Gà, vịt, ngan, ngỗng	con			
7.4	CHN04	Thức ăn gia súc, gia cầm bị cuốn trôi, vùi lấp, hư hỏng	tấn			
7.6	CHN06	Chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bị hư hỏng	triệu đồng			
8	TL	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	triệu đồng			
8.2	TL02	Đê từ cấp IV trở xuống, bờ bao				
8.2.1	TL021	Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)	m			
8.3	TL03	Kè				
8.3.1	TL031	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m			
8.4	TL04	Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng				
8.4.1	TL041	Chiều dài	m			
8.4	TL04	Cống				

8.4.1	TL041	Cống bị hư hỏng	cái			
8.4.3	TL043	Cống bị trôi, sập	cái			
8.5	TL05	Đập thủy lợi				
8.51	TL051	Đập bị sạt lở, hư hỏng	cái			
	TL053	Đập tạm, đập bồi, hư hỏng, trôi	cái			
8,8	TL08	Bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở	m			
8.8.1	TL081	Chiều dài sạt lở	m			
9	GT	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	triệu đồng			
9.1	GT01	Quốc lộ				
9.2	GT02	Đường tỉnh, đường huyện, đường xã				
9.2.1	GT021	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m			
9.2.5	GT025	Cầu bị hư hỏng	cái			
9.2.6	GT026	Cống bị hư hỏng	cái			
9.2.7	GT027	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm			
9,3	GT03	Đường sắt bị sạt lở	m			
9.3.8	GT038	Điểm đường sắt bị sạt lở, ách tắc	điểm			
9.9	TS9	Các thiệt hại về giao thông khác (*)	triệu đồng			
10	TS	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	triệu đồng			
10.3	TS03	Diện tích nuôi tôm, cá	ha			
10.3.1.1	TS0311	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha			
10.3.1.2	TS0312	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	ha			
10.6	TS06	Lồng, bè nuôi thủy, hải sản các loại	100m ³ /lồng			
10.6.1	TS061	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	100m ³ /lồng			
10.6.2	TS062	Thiệt hại rất nặng từ 50% -70%	100m ³ /lồng			
10.7	TS07	Phương tiện khai thác thủy, hải sản	chiếc			
10.7.1	TS071	Công suất <20CV	chiếc			
10.7.1.1	TS0711	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	chiếc			
10.7.2	TS072	Công suất 20-90CV	chiếc			
10.1	TS10	Các thiệt hại về thủy sản khác (*)	triệu đồng			
11	TT	THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC	triệu đồng			
11.1	TT01	Cột Ăng ten bị đổ, gãy	cái			
12	CN	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP	triệu đồng			
12.1	CN01	Cột điện bị đổ, gãy	cái			

12.1.1	CN011	Trung và cao thế	cái			
12.1.2	CN012	Hạ thế	cái			
12.3	CN03	Trạm biến thế bị hư hỏng	cái			
12.3.2	CN032	Hạ thế	cái			
13	XD	THIỆT HẠI VỀ XÂY DỰNG	triệu đồng			
		Tường rào, công bị đổ, sập, hư hỏng,...	m			
14	MT	THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG	triệu đồng			
14.4	MT04	Công trình cấp nước bị hư hỏng	công trình			
14.5	MT05	Các thiệt hại về NS và VSMT khác (*)	triệu đồng			
15	CT	THIỆT HẠI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC	triệu đồng			
15.3	CT03	Nhà kho, phân xưởng	cái/m ²			
15.3.1	CT031	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái/m ²			
		Ba nô, biển quảng cáo hư hỏng	cái			
15.4	CT06	Công trình quốc phòng, an ninh và các công trình phòng chống thiên tai khác (*)	cái			
ƯỚC TÍNH TỔNG THIẾT HẠI BẰNG TIỀN			triệu đồng			

